

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

**DỰ ÁN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI
TẠI VIỆT NAM**

TÀI LIỆU TẬP HUẤN

**CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN TRIỂN KHAI
MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM**

**MÔM KHOA HỌC XÃ HỘI
LỚP 6**

(Lưu hành nội bộ)

Hà Nội, tháng 7/2015

MỤC LỤC

	NỘI DUNG	Trang
Phần I	Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp THCS	5
A	Khái quát về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở	5
I	Quá trình nghiên cứu và thực nghiệm mô hình trường học mới ở Việt Nam	5
II	Đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới trung học cơ sở	6
B	Kế hoạch giáo dục lớp 6 theo mô hình trường học mới	7
I	Khung kế hoạch chung đối với các môn học/HĐGD lớp 6	7
II	Yêu cầu chung về kế hoạch bài học	8
C	Các đặc trưng cơ bản của mô hình trường học mới	10
I	Tài liệu Hướng dẫn học và phương thức dạy học	10
II	Tổ chức lớp học	20
D	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS	44
I	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	44
II	Sự khác nhau giữa môn học/HĐGD và hoạt động trải nghiệm sáng tạo	44
III	Một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS	45
Đ	Đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới cấp THCS	46
I	Mục đích đánh giá	46
II	Nguyên tắc đánh giá	47
III	Nội dung đánh giá	47
IV	Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ	48
V	Tổng hợp đánh giá định kỳ và xét khen thưởng	51
VI	Hồ sơ đánh giá	52
VII	Sử dụng kết quả đánh giá	53
VIII	Tổ chức thực hiện việc đánh giá học sinh	54

E	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và tham gia các hoạt động chuyên môn trên mạng "Trường học kết nối"	55
I	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn	55
II	Tham gia các hoạt động chuyên môn trên “Trường học kết nối”	61
G	Trách nhiệm của các cấp quản lý địa phương trong việc triển khai mô hình trường học mới cấp THCS	96
I	Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo	96
II	Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo	97
III	Trách nhiệm của hiệu trưởng	97
Phần II	Tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá môn KHXH lớp 6 theo mô hình trường học mới	99
I	Vị trí, đặc điểm môn học	99
II	Chương trình môn học	108
III	Tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới	116
IV	Đánh giá kết quả học tập	130
V	Bài học minh họa	153

PHẦN THỨ NHẤT

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

A. KHÁI QUÁT VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ THỰC NGHIỆM MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI Ở VIỆT NAM

Từ năm học 2011-2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai mô hình trường học mới đối với cấp tiểu học với mục tiêu là đổi mới đồng bộ các hoạt động sư phạm trong nhà trường; bảo đảm cho học sinh được tự quản, tự tin trong học tập, chiếm lĩnh được kiến thức, kỹ năng qua tự học và hoạt động tập thể; phù hợp với điều kiện về năng lực đội ngũ giáo viên, thiết bị giáo dục của hầu hết các trường học Việt Nam, đồng thời có giải pháp thu hút các gia đình và cộng đồng tích cực tham gia cùng nhà trường thực hiện chức năng giáo dục. Qua ba năm triển khai ở cấp tiểu học đã khẳng định trường học mới là một kiểu mô hình nhà trường hiện đại, tiên tiến, phù hợp với mục tiêu đổi mới và đặc điểm của giáo dục Việt Nam. Đến năm học 2014-2015 đã có 1447 trường tiểu học trên phạm vi toàn quốc có học sinh học hết lớp 5 theo mô hình này. Từ 1447 trường được hỗ trợ qua dự án, đã có nhiều trường tự đảm bảo các điều kiện để triển khai áp dụng mô hình trường học mới. Năm học 2015-2016, cả nước có trên 3700 trường triển khai áp dụng mô hình này.

Nhằm tạo điều kiện cho học sinh THCS học theo mô hình trường học mới, nhất là những học sinh đã học theo mô hình trường học mới cấp tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo 6 tỉnh (Lào Cai, Hà Giang, Hòa Bình, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Kon Tum) triển khai thực nghiệm thành công mô hình ở 48 lớp 6 của 24 trường THCS

Từ năm học 2015-2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai thực điểm mô hình trường học mới ở lớp 7 tại 6 tỉnh nói trên với các học sinh đã hoàn thành chương trình lớp 6; đồng thời nhân rộng chương trình lớp 6 ra 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Hiện nay đã có hơn 1600 trường THCS đăng kí tham gia triển khai mô hình trường học mới đối với lớp 6 năm học 2015-2016.

II. ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TRUNG HỌC CƠ SỞ

Mô hình trường học mới THCS được triển khai dựa trên sự phối hợp giữa hoạt động học tập cá thể với sự tương tác học sinh - học sinh và học sinh - giáo viên; hướng học sinh đến sự phát triển toàn diện, không chỉ hoạt động lĩnh hội kiến thức mà còn rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế sinh động, năng lực tự học, kỹ năng sống, tự phục vụ bản thân, tự quản tập thể, bồi dưỡng hứng thú học tập để học tập suốt đời. Mô hình trường học mới THCS chú trọng phát huy năng lực riêng của từng học sinh, không ứng xử một cách đồng loạt bằng cách quan tâm đến từng học sinh ngay trong quá trình học, kịp thời động viên kết quả đạt được, phát hiện những điểm mạnh để khuyến khích, những khó khăn để hướng dẫn, trợ giúp; đánh giá sự tiến bộ của từng học sinh theo yêu cầu giáo dục, không so sánh học sinh này với học sinh khác. Những đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới THCS so với mô hình trường học hiện nay là:

1. Hoạt động học của học sinh được coi là trung tâm của quá trình dạy học. Học sinh tự thiết lập tiến độ và các bước đi cho quá trình học tập, với một chương trình tự học theo từng bước và tăng cường sự ưu việt của hoạt động nhóm. Học sinh được khuyến khích, tạo cơ hội tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, đặc biệt là hoạt động theo nhóm và tự học. Từ đó, các em có thể khám phá và chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng mới; đồng thời phát triển nhiều phẩm chất và năng lực quan trọng như: tính chủ động, tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập, năng lực tư duy phê phán và tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác. Giáo viên tận dụng khả năng tổ chức các hoạt động để giúp học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng vào cuộc sống.
2. Tài liệu hướng dẫn học tập được thiết kế cho học sinh hoạt động, học nhóm, tự học; dùng chung cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh. Trong tài liệu, cấu trúc các hoạt động học tập theo các chủ đề; cung cấp kiến thức học kết hợp hướng dẫn phương pháp, hình thức học và phương pháp tư duy; nội dung học lồng ghép với các bước của các hoạt động học tập.
3. Giáo viên duy trì một môi trường học tập cởi mở, thân thiện, hiệu quả và đóng vai trò là người hướng dẫn học, quan tâm đến sự khác biệt trong việc tiếp thu kiến thức của học sinh. Thông qua tổ chức các hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh, góc học tập, góc cộng đồng,... và hoạt động nhóm để hỗ trợ tích cực cho học tập và giáo dục học sinh. Từ đó học sinh được tự chủ, có trách nhiệm với hoạt động học tập của mình; rèn luyện, phát triển khả năng giao tiếp và lãnh đạo; nâng cao các phẩm chất và phong cách con người.

4. Nhà trường thiết lập mối liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh và cộng đồng, trong đó các thành viên của gia đình được tham gia vào quá trình giáo dục và các dự án học tập tại cộng đồng.
5. Đánh giá học sinh thường xuyên theo quá trình học tập nhằm kiểm tra và hướng dẫn phương pháp học tập có hiệu quả cho học sinh. coi trọng việc học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và đánh giá của cha mẹ học sinh, cộng đồng. Kết hợp đánh giá kiến thức, kỹ năng với đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh.
6. Giáo viên có vị trí mới, được bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao trình độ và năng lực nghề nghiệp, đáp ứng vai trò quan trọng là người hướng dẫn, tổ chức và quyết định trong các hoạt động học tập, giáo dục, đánh giá học sinh và phối hợp với cha mẹ học sinh và cộng đồng.

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC LỚP 6 TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. KHUNG KẾ HOẠCH CHUNG ĐỐI VỚI CÁC MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC LỚP 6

Trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, các sở/phòng giáo dục và đào tạo giao quyền chủ động cho các trường thực hiện mô hình trường học mới xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh với khung thời gian 37 tuần (học kỳ I: 19 tuần, học kỳ II: 18 tuần), đảm bảo thời gian kết thúc năm học thống nhất cả nước, có đủ thời lượng dành cho ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kỳ. Thời lượng thực hiện chương trình giáo dục cả năm học (được tính bằng 35 tuần) đối với từng môn và hoạt động giáo dục (HĐGD) lớp 6 như sau:

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết trung bình/tuần	Tổng số tiết/năm
1	Toán	4	140
2	Ngữ văn	4	140
3	Khoa học tự nhiên (Vật lí, Hóa học, Sinh học)	3	105
4	Khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lí)	2	70
5	Giáo dục công dân	1	35

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết trung bình/tuần	Tổng số tiết/năm
6	Công nghệ	2	70
7	Tin học	2	70
8	Ngoại ngữ	3	105
9	Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục)	4	140
10	Giáo dục tập thể	2	70
11	Tự chọn (Ngoại ngữ 2; Kỹ năng sống; Nghề phổ thông; Hoạt động tập thể, giáo dục địa phương)	2	70

Tài liệu Hướng dẫn học các môn học/HĐGD được biên soạn với thời lượng 35 tuần (bao gồm cả ôn tập, kiểm tra). Các trường có thể sử dụng 2 tuần còn lại để giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục học kỳ 1 và cả năm học; tổ chức một số hoạt động đầu năm học gồm: Tổ chức tuần sinh hoạt đầu năm học; Hướng dẫn tham gia một số hoạt động trong và ngoài nhà trường;... và dự phòng.

II. YÊU CẦU CHUNG VỀ KẾ HOẠCH BÀI HỌC

Để đảm bảo các nguyên tắc tổ chức hoạt động học trong mô hình trường học mới, mỗi bài học thường được xây dựng dựa trên một chủ đề dạy học, nhằm giải quyết một vấn đề/nhiệm vụ học tập tương đối hoàn chỉnh, từ việc hình thành kiến thức, kỹ năng mới đến vận dụng chúng vào giải quyết những vấn đề gắn với thực tiễn. Kế hoạch tổ chức hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học cần đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Chuỗi hoạt động học của học sinh thể hiện rõ tiến trình sự phạm của phương pháp dạy học tích cực được áp dụng trong toàn bộ bài học. Nhìn chung, tiến trình hoạt động học của học sinh theo các phương pháp dạy học tích cực đều phù hợp với tiến trình nhận thức chung: huy động những kiến thức, kỹ năng của mình để giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập; nhận thức được sự chưa đầy đủ về kiến thức, kỹ năng của mình; xuất hiện nhu cầu và học tập để bổ sung, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng mới; vận dụng kiến thức, kỹ năng mới để tiếp tục giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập ban đầu và các tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập mới...

Ví dụ: Trong dạy học ở trường THCS, để xây dựng một kiến thức cụ thể cho học sinh, tiến trình hoạt động giải quyết vấn đề được mô tả như sau: đề xuất vấn đề - suy đoán giải pháp - khảo sát lí thuyết và/hoặc thực nghiệm - kiểm tra, vận dụng kết quả.

Theo đó, chuỗi hoạt động học của học sinh phù hợp với tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học giải quyết vấn đề sẽ bao gồm:

- a) Hoạt động khởi động: Từ nhiệm vụ cần giải quyết, học sinh huy động kiến thức, kĩ năng đã biết và nảy sinh nhu cầu về kiến thức, kĩ năng còn chưa biết, nhưng hi vọng có thể tìm tòi, xây dựng được; diễn đạt nhu cầu đó thành câu hỏi.
- b) Hoạt động hình thành kiến thức và Hoạt động luyện tập: Để giải quyết vấn đề đặt ra, học sinh cần phải học lí thuyết hoặc/và thiết kế phương án thực nghiệm, tiến hành thực nghiệm, thu lượm các dữ liệu cần thiết và xem xét, rút ra kết luận. Kiến thức, kĩ năng mới được hình thành giúp cho việc giải quyết được câu hỏi/vấn đề đặt ra.
- c) Hoạt động vận dụng: Trên cơ sở kiến thức, kĩ năng mới được hình thành, học sinh vận dụng chúng để giải quyết các tình huống có liên quan trong học tập và cuộc sống hàng ngày.
- d) Hoạt động tìm tòi, mở rộng: Học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức thông qua các nguồn tư liệu, học liệu, khác nhau; tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

2. Mỗi hoạt động học tương ứng với một nhiệm vụ học tập giao cho học sinh, thể hiện rõ: mục đích, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Quá trình tổ chức mỗi hoạt động học của học sinh được thực hiện theo các bước như sau:

- a) Chuyển giao nhiệm vụ: Việc chuyển giao nhiệm vụ có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau: lời nói trực tiếp của giáo viên; tài liệu, học liệu..., đảm bảo tất cả học sinh quan tâm đến nhiệm vụ đặt ra, sẵn sàng nhận và tự nguyện thực hiện nhiệm vụ học tập.
- b) Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoạt động độc lập, tự chủ, trao đổi, tìm tòi cách thức để vượt qua khó khăn giải quyết nhiệm vụ. Trong quá trình đó, khi cần phải có sự định hướng của giáo viên.
- c) Tranh luận, khái quát hóa, vận dụng tri thức mới: Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh trình bày, tranh luận, bảo vệ sản phẩm học tập đã hoàn thành. Giáo viên bổ sung, chính xác hóa và khái quát hóa kiến thức cho học sinh.

3. Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài học phải đảm bảo sự phù hợp với từng hoạt động học đã thiết kế. Việc sử dụng các thiết bị dạy học và học liệu đó được thể hiện rõ trong phương thức hoạt động học và sản phẩm học tập tương ứng mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học phải đảm bảo sự đồng bộ với phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng. Cần tăng cường đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh thông qua quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập, thông qua các sản phẩm học tập mà học sinh đã hoàn thành; tăng cường hoạt động tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học sinh.

C. CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC VÀ PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC

1. Các loại tài liệu trong mô hình trường học mới

1.1. Tài liệu Hướng dẫn học lớp 6

Các môn học lớp 6 theo mô hình trường học mới được thiết kế từ các môn học hiện hành trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành với việc tích hợp một số môn học theo định hướng mới: các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học tích hợp thành môn Khoa học tự nhiên; các môn Lịch sử, Địa lý tích hợp thành môn Khoa học xã hội; các môn Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật tích hợp thành Hoạt động giáo dục. Ngoài các môn ngoại ngữ được thực hiện theo Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020", tài liệu Hướng dẫn học các môn học theo mô hình trường học mới được thiết kế, biên soạn lại trên cơ sở đảm bảo mục tiêu và nội dung của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, bao gồm:

- Hướng dẫn học Toán lớp 6;
- Hướng dẫn học Ngữ văn lớp 6;
- Hướng dẫn học Khoa học tự nhiên lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Vật lý, Hóa học và Sinh học lớp 6;
- Hướng dẫn học Khoa học xã hội lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Địa lý và Lịch sử lớp 6;
- Hướng dẫn học Công nghệ lớp 6;

- Hướng dẫn học Tin học lớp 6;
- Hướng dẫn học Giáo dục công dân lớp 6;
- Hướng dẫn hoạt động giáo dục lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Âm Nhạc, Mỹ thuật, Thể dục lớp 6.

Như vậy, so với quy định hiện hành, số lượng các môn học trong mô hình trường học mới giảm đi nhưng vẫn đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của từng môn học trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS hiện hành, đồng thời khắc phục được sự trùng lặp về nội dung trong nội bộ môn học cũng như trùng lặp giữa các môn học như hiện nay, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động học theo các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

1.2. Tài liệu hướng dẫn giáo viên

Tài liệu hướng dẫn giáo viên được biên soạn nhằm giúp giáo viên hiểu rõ hơn về việc tích hợp các nội dung dạy học để xây dựng các chủ đề, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh trong mỗi chủ đề theo tài liệu Hướng dẫn học. Tài liệu hướng dẫn giáo viên gồm có:

- Hướng dẫn giáo viên Toán lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Ngữ văn lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Khoa học tự nhiên lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Khoa học xã hội lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Công nghệ 6;
- Hướng dẫn giáo viên Tin học lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Giáo dục công dân lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục lớp 6;
- Hướng dẫn phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

2. Cấu trúc tài liệu Hướng dẫn học và phương thức dạy học

2.1. Nguyên tắc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học

Theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, quá trình dạy học theo mô hình trường học mới, học sinh được phát huy tối đa vai trò dân chủ trong học

tập và thi đua lành mạnh. Theo đó, việc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

- Về nội dung, tài liệu Hướng dẫn học các môn học được biên soạn theo các chủ đề tích hợp để có thể tổ chức hoạt động học tích cực và tự lực của học sinh. Hoạt động học mỗi chủ đề có thể và cần phải được thực hiện một cách linh hoạt ở trong lớp, ngoài lớp, trong trường, ở nhà và cộng đồng. Số tiết phân phối cho mỗi chủ đề là số tiết dành để tổ chức các hoạt động trên lớp, cùng với các hoạt động học ở ngoài lớp học tạo thành chuỗi hoạt động học theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng.

Đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Hoạt động giáo dục, ngoài các chủ đề tích hợp trong các phân môn, có một số chủ đề tích hợp liên môn được xây dựng từ các nội dung dạy học trùng nhau hoặc có liên quan chặt chẽ với nhau trong các phân môn.

- Về phương pháp dạy học, tài liệu Hướng dẫn học được biên soạn theo các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, thể hiện ở các hoạt động học tích cực, tự lực và sáng tạo của học sinh. Trong mỗi chủ đề, các hoạt động học được thiết kế theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học được sử dụng, phù hợp với đặc thù môn học và nội dung học tập. Tuy có những điểm khác nhau nhưng nhìn chung chuỗi hoạt động học của mỗi chủ đề đều phải tuân theo con đường nhận thức chung là: từ một vấn đề mới đòi hỏi phải học thêm kiến thức, kỹ năng mới để giải quyết; có thêm kiến thức, kỹ năng mới cần tiếp tục tìm tòi, mở rộng và vận dụng vào thực tiễn; khi vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn lại nảy sinh vấn đề mới... Theo tiến trình đó, mỗi hoạt động học, học sinh được giao một nhiệm vụ học tập cụ thể để có thể tự học một cách tích cực, tự lực và sáng tạo, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp.

- Về đánh giá, mỗi hoạt động học của học sinh được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học đều phải thể hiện rõ sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh, giáo viên quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải để có biện pháp hỗ trợ phù hợp; hướng dẫn học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhận xét, đánh giá quá trình và sản phẩm học tập của học sinh, qua đó đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực của học sinh.

2.2. Mô hình cấu trúc bài học

Trong mỗi bài học của tài liệu Hướng dẫn học của môn học/HĐGD luôn đảm bảo 5 hoạt động cơ bản sau:

a) Hoạt động khởi động

Mục đích của hoạt động này là tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. Giáo viên sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân học sinh có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu hướng dẫn học; làm bộc lộ "cái" học sinh đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân học sinh còn thiếu, giúp học sinh nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp học sinh suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

Lưu ý: Nhiệm vụ học tập được giao cho học sinh trong hoạt động "Khởi động" cần đảm bảo rằng học sinh không thể giải quyết trọn vẹn với kiến thức, kỹ năng cũ mà cần phải học thêm kiến thức, kỹ năng mới trong các hoạt động "Hình thành kiến thức" và "Luyện tập" để hoàn thiện. Có thể hình dung 3 hoạt động này đã đáp ứng đầy đủ mục tiêu dạy học theo chương trình, sách giáo khoa hiện hành, cần đảm bảo cho tất cả học sinh đều thực hiện được.

b) Hoạt động hình thành kiến thức

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng mới và đưa các kiến thức, kỹ năng mới vào hệ thống kiến thức, kỹ năng đã có của bản thân. Giáo viên sẽ giúp học sinh xây dựng kiến thức, kỹ năng mới của bản thân trên cơ sở đối chiếu kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới; kết nối/sắp xếp kiến thức, kỹ năng cũ và mới dựa trên việc phát biểu, viết ra các kết luận/khái niệm/công thức mới...

c) Hoạt động luyện tập

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được. Giáo viên sẽ yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ, làm các bài tập cụ thể giống như các nhiệm vụ, bài tập trong bước hình thành kiến thức, để diễn đạt được đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, từ đó áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

d) Hoạt động vận dụng

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống/vấn đề mới, không giống với những tình huống/vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống/vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống. Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết thành công tình huống/vấn đề tương

tự tình huống/vấn đề đã học. Đây có thể là những hoạt động mang tính nghiên cứu, sáng tạo, vì thế cần hướng dẫn học sinh tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trước một vấn đề, học sinh có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau.

đ) Hoạt động tìm tòi mở rộng

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh không bao giờ bằng lòng, thỏa mãn với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học tập, học tập suốt đời. Giáo viên cần khuyến khích học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức ngoài lớp học. Học sinh tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

Lưu ý: Hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng" là các hoạt động giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học, giáo viên không tổ chức dạy học hoàn toàn trên lớp. Vì vậy nội dung các hoạt động này trong tài liệu Hướng dẫn học chỉ là những yêu cầu, định hướng và gợi ý về phương pháp thực hiện, mô tả sản phẩm học tập phải hoàn thành,... để học sinh tự phát hiện, lựa chọn tình huống thực tiễn nhằm vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được trong bài học; tìm tòi mở rộng thêm theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. Các hoạt động này hết sức cần thiết và quan trọng, giúp cho việc phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, cần phải tổ chức thực hiện đầy đủ và hiệu quả. Tuy nhiên, giáo viên cần hiểu rõ rằng không được/không nên yêu cầu tất cả học sinh phải thực hiện giống nhau đối với các hoạt động này; sản phẩm học tập của mỗi học sinh/nhóm học sinh trong các hoạt động này có thể không giống nhau.

Hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng" có bản chất là hoạt động trải nghiệm của học sinh, có thể được thực hiện trong phòng thí nghiệm ở trường, tại viện bảo tàng, các địa danh lịch sử văn hóa hoặc tìm hiểu và giải quyết các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, ở nhà và cộng đồng. Trong mỗi bài học, tùy vào nội dung kiến thức, cần gợi ý cho học sinh quan sát, phát hiện những hiện tượng, sự kiện, tình huống, vấn đề có liên quan trong hoạt động sống hàng ngày để vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết. Những hoạt động đó bắt đầu từ các nhiệm vụ học tập như:

- Thực hiện thí nghiệm trong phòng thí nghiệm của nhà trường để chứng minh cho kiến thức đã học;
- Tìm kiếm tư liệu và minh chứng để chứng minh cho một kiến thức đã học hoặc làm rõ về một sự kiện, một di tích hay một di sản...

- Xác định một vấn đề để báo cáo sau một chuyến tham quan thực tế, đọc một bài văn hay xem một bộ phim khoa học;

- Sáng tác một điệu nhảy, một bài hát, một điệu nhạc; viết và thể hiện một bài thuyết trình; sáng tác và thể hiện một tiểu phẩm;...

- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích các tình huống thực tiễn.

2.3. Tổ chức dạy học theo dự án

2.3.1. Quan niệm dạy học dự án

Dạy học theo dự án là một hình thức dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, báo cáo. Nhiệm vụ này được học sinh thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện. Làm việc nhóm là hình thức cơ bản của dạy học theo dự án.

2.3.2. Đặc điểm của dạy học dự án

Trong các tài liệu về dạy học dự án có rất nhiều đặc điểm được đưa ra. Các nhà sư phạm khi xác lập cơ sở lý thuyết cho dạy học dự án này đã nêu ra 3 đặc điểm cốt lõi của dạy học dự án: định hướng học sinh, định hướng thực tiễn và định hướng sản phẩm. Có thể cụ thể hoá các đặc điểm của dạy học dự án như sau:

a) Định hướng thực tiễn: Chủ đề của dự án xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội và đời sống. Nhiệm vụ dự án cần chứa đựng những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng của học sinh.

b) Có ý nghĩa thực tiễn xã hội: Các dự án học tập góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống, xã hội. Trong những trường hợp lý tưởng, việc thực hiện các dự án có thể mang lại những tác động xã hội tích cực.

c) Định hướng hứng thú học sinh: Học sinh được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân. Ngoài ra, hứng thú của học sinh cần được tiếp tục phát triển trong quá trình thực hiện dự án.

d) Tính phức hợp: Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp.

đ) Định hướng hành động: Trong quá trình thực hiện dự án có sự kết hợp giữa nghiên cứu lý thuyết và vận dụng lý thuyết vào trong hoạt động thực tiễn, thực hành.

Thông qua đó, kiểm tra, củng cố, mở rộng hiểu biết lý thuyết cũng như rèn luyện kỹ năng hành động, kinh nghiệm thực tiễn của học sinh.

e) Tính tự lực cao của học sinh: Trong dạy học dự án, học sinh cần tham gia tích cực và tự lực vào các giai đoạn của quá trình dạy học. Điều đó cũng đòi hỏi và khuyến khích tính trách nhiệm, sự sáng tạo của học sinh. Giáo viên chủ yếu đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ. Tuy nhiên mức độ tự lực cần phù hợp với kinh nghiệm, khả năng của học sinh và mức độ khó khăn của nhiệm vụ.

g) Cộng tác làm việc: Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. Dạy học dự án đòi hỏi và rèn luyện tính sẵn sàng và kỹ năng cộng tác làm việc giữa các thành viên tham gia, giữa học sinh và giáo viên cũng như với các lực lượng xã hội khác tham gia trong dự án. Đặc điểm này còn được gọi là học tập mang tính xã hội.

h) Định hướng sản phẩm: Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra. Sản phẩm của dự án không giới hạn trong những thu hoạch lý thuyết, mà trong đa số trường hợp các dự án học tập tạo ra những sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu.

2.3.3. Các dạng của dạy học theo dự án

Dạy học theo dự án có thể được phân loại theo nhiều phương diện khác nhau. Sau đây là một số cách phân loại dạy học theo dự án:

a) Phân loại theo chuyên môn

- Dự án trong một môn học: trọng tâm nội dung nằm trong một môn học.
- Dự án liên môn: trọng tâm nội dung nằm ở nhiều môn khác nhau.
- Dự án ngoài môn học: Là các dự án không phụ thuộc trực tiếp vào các môn học, ví dụ dự án chuẩn bị cho các lễ hội trong trường.

b) Phân loại theo sự tham gia của học sinh: Dự án cho nhóm học sinh, dự án cá nhân. Dự án dành cho nhóm học sinh là hình thức dự án dạy học chủ yếu.

c) Phân loại theo sự tham gia của giáo viên: dự án dưới sự hướng dẫn của một giáo viên, dự án với sự cộng tác hướng dẫn của nhiều giáo viên.

d) Phân loại theo quỹ thời gian: Có thể phân chia như sau:

- Dự án nhỏ: thực hiện trong một số giờ học, có thể từ 2-6 giờ học.
- Dự án trung bình: dự án trong một hoặc một số ngày, nhưng giới hạn là một tuần hoặc 40 giờ học.

- Dự án lớn: dự án thực hiện với quỹ thời gian lớn, tối thiểu là một tuần (hay 40 giờ học), có thể kéo dài nhiều tuần.

đ) Phân loại theo nhiệm vụ

Dựa theo nhiệm vụ trọng tâm của dự án, có thể phân loại các dự án theo các dạng sau:

- Dự án tìm hiểu: là dự án khảo sát thực trạng đối tượng.
- Dự án nghiên cứu: nhằm giải quyết các vấn đề, giải thích các hiện tượng, quá trình.
- Dự án thực hành: có thể gọi là dự án kiến tạo sản phẩm, trọng tâm là việc tạo ra các sản phẩm vật chất hoặc thực hiện một kế hoạch hành động thực tiễn, nhằm thực hiện những nhiệm vụ như trang trí, trưng bày, biểu diễn, sáng tác.
- Dự án hỗn hợp: là các dự án có nội dung kết hợp các dạng nêu trên.

Các loại dự án trên không hoàn toàn tách biệt với nhau. Trong từng lĩnh vực chuyên môn có thể phân loại các dạng dự án theo đặc thù riêng.

2.3.4. Tiến trình thực hiện dạy học theo dự án

Dựa trên cấu trúc của tiến trình phương pháp, người ta có thể chia cấu trúc của dạy học theo dự án làm nhiều giai đoạn nhỏ hơn. Sau đây trình bày một cách phân chia các giai đoạn của dạy học theo dự án theo 5 giai đoạn.

a) Chọn đề tài và xác định mục đích của dự án: Giáo viên và học sinh cùng nhau đề xuất, xác định đề tài và mục đích của dự án. Cần tạo ra một tình huống xuất phát, chứa đựng một vấn đề, hoặc đặt một nhiệm vụ cần giải quyết, trong đó chú ý đến việc liên hệ với hoàn cảnh thực tiễn xã hội và đời sống. Cần chú ý đến hứng thú của học sinh cũng như ý nghĩa xã hội của đề tài. Giáo viên có thể giới thiệu một số hướng đề tài để học sinh lựa chọn và cụ thể hoá. Trong trường hợp thích hợp, sáng kiến về việc xác định đề tài có thể xuất phát từ phía học sinh. Giai đoạn này được mô tả thành hai giai đoạn là đề xuất sáng kiến và thảo luận sáng kiến.

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện: Trong giai đoạn này học sinh với sự hướng dẫn của giáo viên xây dựng đề cương cũng như kế hoạch cho việc thực hiện dự án. Trong việc xây dựng kế hoạch cần xác định những công việc cần làm, thời gian dự kiến, vật liệu, kinh phí, phương pháp tiến hành và phân công công việc trong nhóm.

c) Thực hiện dự án: Các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân. Trong giai đoạn này học sinh thực hiện các hoạt động trí tuệ và hoạt động thực tiễn, thực hành, những hoạt động này xen kẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Kiến thức lý thuyết, các phương án giải quyết vấn đề được thử nghiệm qua thực tiễn. Trong quá trình đó sản phẩm của dự án và thông tin mới được tạo ra.

d) Thu thập kết quả và công bố sản phẩm: Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo,... Trong nhiều dự án các sản phẩm vật chất được tạo ra qua hoạt động thực hành. Sản phẩm của dự án cũng có thể là những hành động phi vật chất, chẳng hạn việc biểu diễn một vở kịch, việc tổ chức một sinh hoạt nhằm tạo ra các tác động xã hội. Sản phẩm của dự án có thể được trình bày giữa các nhóm học sinh, có thể được giới thiệu trong nhà trường hay ngoài xã hội.

đ) Đánh giá dự án: Giáo viên và học sinh đánh giá quá trình thực hiện và kết quả cũng như kinh nghiệm đạt được. Từ đó rút ra những kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án tiếp theo. Kết quả của dự án cũng có thể được đánh giá từ bên ngoài. Hai giai đoạn cuối này cũng có thể được mô tả chung thành giai đoạn kết thúc dự án.

Việc phân chia các giai đoạn trên đây chỉ mang tính chất tương đối. Trong thực tế chúng có thể xen kẽ và thâm nhập lẫn nhau. Việc tự kiểm tra, điều chỉnh cần được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của dự án. Với những dạng dự án khác nhau có thể xây dựng cấu trúc chi tiết riêng phù hợp với nhiệm vụ dự án. Giai đoạn 4 và 5 cũng thường được mô tả chung thành một giai đoạn (giai đoạn kết thúc dự án).

Như vậy, dạy học dự án là một hình thức dạy học quan trọng để thực hiện quan điểm dạy học định hướng vào người học, quan điểm dạy học định hướng hoạt động và quan điểm dạy học tích hợp. Dạy học dự án góp phần gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội, tham gia tích cực vào việc phát triển năng lực làm việc tự lực, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp, tinh thần trách nhiệm và khả năng cộng tác làm việc của học sinh. Những đặc trưng và ưu điểm của dạy học dự án rất phù hợp với đặc trưng của mô hình trường học mới THCS.

Để tận dụng những ưu điểm của dạy học dự án vào mô hình trường học mới THCS, đồng thời giúp học sinh làm quen dần với hoạt động nghiên cứu khoa học dành cho học sinh trung học, giáo viên bộ môn cần xây dựng một số dự án học tập (tối thiểu 2 dự án/phân môn/lớp), tập trung vào các chủ đề liên môn với nội dung giáo dục liên quan đến các vấn đề thời sự của địa phương, đất nước, ví dụ: Giáo dục đạo đức, pháp luật; Bảo vệ và sử dụng hiệu quả các nguồn nước; Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai; Bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sống; Giới và bình đẳng giới; An toàn giao thông; Sử dụng năng lượng hiệu quả; Ứng dụng kiến thức, kỹ năng trong chương trình học vào thực tiễn; ... Trong tài liệu hướng dẫn giáo viên có gợi ý một số dự án dạy học để giáo viên tham khảo xây dựng các dự án dạy học của môn học/HĐGD. Tùy điều kiện thực tế, các bài học theo dự án này được bổ sung vào kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

2.4. Đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học

Trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh, các sản phẩm học tập được nhận xét, đánh giá, chia sẻ dưới nhiều hình thức. Sau mỗi hoạt động học, học sinh cần phải hoàn thành một sản phẩm học tập, báo cáo với giáo viên để được nhận xét, đánh giá.

- Hình thức đánh giá trong quá trình hoạt động học trên lớp chủ yếu là nhận xét bằng lời, đồng thời gợi ý, hướng dẫn để học sinh tiếp tục hoàn thiện sản phẩm học tập và học tiếp. Khi giáo viên nhận xét bằng lời, cần lưu ý rèn luyện cho học sinh thói quen ghi chép lại những lời nhận xét đó vào vở để hoàn thiện sản phẩm học tập, đồng thời để sử dụng trong quá trình ôn tập về sau.

- Đối với một số học sinh đặc biệt (học sinh có quá trình hoạt động học và đạt được kết quả tốt hoặc học sinh còn yếu, kém) thì giáo viên có thể ghi trực tiếp những lời nhận xét, đánh giá và vở của học sinh, để vừa động viên, nhắc nhở học sinh, vừa phối hợp với gia đình trong việc động viên, giúp đỡ học sinh tiến bộ.

- Trong các hoạt động học, nhất là hoạt động "Luyện tập", sản phẩm học tập của học sinh có thể là kết quả thí nghiệm; câu trả lời cho các câu hỏi định tính; lời giải cho các bài tập định lượng; lời lập luận, giải thích cho các ứng dụng thực tiễn..., giáo viên có thể nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành đồng thời gợi ý, định hướng để học sinh tiếp tục hoàn thiện. Trong giai đoạn đầu, khi học sinh chưa quen với việc chỉ được đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, giáo viên cũng có thể cho điểm kèm theo để học sinh biết được mức độ hoàn thành bài luyện tập của mình. Tuy nhiên, cần thông báo cho học sinh biết điểm này sẽ không sử dụng khi đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn học. Kết quả học tập môn học được ghi nhận theo hướng dẫn trong mục D.

- Ngoài việc được đánh giá, nhận xét, các sản phẩm học tập của học sinh, bao gồm sản phẩm hoạt động học trên lớp và nhất là các sản phẩm học tập ở nhà và cộng đồng (Hoạt động vận dụng và Hoạt động tìm tòi, mở rộng), các dự án học tập... cần được chia sẻ cho đông đảo học sinh trong lớp bằng nhiều hình thức như: tổ chức báo cáo và thảo luận trên lớp; đưa vào góc học tập, góc thư viện; giao nhiệm vụ cho học sinh trong lớp tìm đọc, lựa chọn và nhận xét các sản phẩm học tập của bạn...

Với việc tổ chức như trên, ngoài việc thực hiện được mục tiêu tăng cường hoạt động tự chủ, tự lực, sáng tạo của học sinh trong học tập trong lớp, trong trường, ngoài trường; tạo không khí thi đua học tập giữa các học sinh với nhau; đồng thời tạo được mối quan hệ chặt chẽ giữa giáo viên - học sinh, học sinh - học sinh, gia đình - nhà trường - xã hội như chúng ta hằng mong muốn.

II. TỔ CHỨC LỚP HỌC

1. Số lượng học sinh/lớp và số buổi học/tuần

1.1. Số lượng học sinh/lớp thực hiện theo quy định tại Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGiáo dục và Đào tạo ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tối đa là 45 học sinh/lớp. Khuyến khích các trường tùy theo điều kiện thực tế giảm sĩ số học sinh/lớp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới.

1.2. Chương trình dạy học theo mô hình trường học mới THCS được thiết kế cho đối tượng học sinh học 1 buổi/ngày. Khuyến khích các trường dạy hơn 6 buổi/tuần bằng các biện pháp tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo ngoài lớp học. Việc tổ chức dạy học hơn 6 buổi/tuần cho các lớp học mô hình trường học mới (nếu có) được vận dụng theo hướng dẫn tại Công văn số 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo một cách phù hợp.

2. Bố trí giáo viên giảng dạy

Việc phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên bộ môn về cơ bản được thực hiện theo quy định hiện hành. Trong thời gian trước mắt, việc dạy học các chủ đề thuộc phân môn trong các môn học tích hợp (Vật lí, Hóa học, Sinh học trong môn Khoa học Tự nhiên; Lịch sử, Địa lí trong môn Khoa học Xã hội; Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục trong môn Hoạt động giáo dục) do giáo viên bộ môn hiện nay đảm nhận. Đối với các chủ đề tích hợp, các tổ/nhóm chuyên môn thảo luận, tham mưu để Hiệu trưởng lựa chọn phân công giáo viên thực hiện, nếu có chủ đề chung của các phân môn thì phân công giáo viên có điều kiện thuận lợi nhất giảng dạy. Thông qua việc triển khai thí điểm mô hình trường học mới và qua sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên được bồi dưỡng để tiến tới mỗi giáo viên có thể đảm nhận nhiều phân môn trong một môn học.

3. Về bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị

Các lớp học theo mô hình trường học mới cần được ưu tiên sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm, học liệu, thư viện, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ... để tổ chức các hoạt động học tập. Căn cứ vào tiến trình dạy học của từng chủ đề cụ thể theo tài liệu Hướng dẫn học của môn học/HĐGD, giáo viên đăng kí sử dụng thiết bị dạy học, học liệu, các phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ..., đồng thời động

viên giáo viên, học sinh tự làm đồ dùng dạy học để tổ chức các hoạt động học tương ứng cho học sinh.

4. Tổ chức các hoạt động học của học sinh

4.1. Các hình thức hoạt động học của học sinh

a) Hoạt động cá nhân: Loại hoạt động này yêu cầu học sinh thực hiện các bài tập/nhiệm vụ một cách độc lập nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của học sinh. Nó diễn ra khá phổ biến, đặc biệt là với các bài tập/nhiệm vụ có yêu cầu khám phá, sáng tạo hoặc rèn luyện đặc thù. Giáo viên cần đặc biệt coi trọng hoạt động cá nhân vì nếu thiếu nó, nhận thức của học sinh sẽ không đạt tới mức độ sâu sắc và chắc chắn cần thiết, cũng như các kỹ năng sẽ không được rèn luyện một cách tập trung.

b) Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm: Loại hoạt động này nhằm giúp học sinh phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ và tính cộng đồng. Thông thường, hình thức hoạt động cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập/nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm 2 em. Ví dụ: kể cho nhau nghe, nói với nhau một nội dung nào đó, đổi bài cho nhau để đánh giá chéo,...; còn hình thức hoạt động nhóm (từ 3 em trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

c) Hoạt động chung cả lớp: Hình thức hoạt động này phù hợp với số đông học sinh, nhằm tăng cường tính cộng đồng, giáo dục tinh thần đoàn kết, sự chia sẻ, tinh thần chung sống hài hoà. Hoạt động chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống sau: nghe giáo viên hướng dẫn chung; nghe giáo viên nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; học sinh luyện tập trình bày miệng trước tập thể lớp... Khi tổ chức hoạt động chung cả lớp, giáo viên tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức hoạt động này.

d) Hoạt động với cộng đồng: Hoạt động với cộng đồng là hình thức hoạt động của học sinh trong mối tương tác với xã hội, bao gồm các hình thức, từ đơn giản như: nói chuyện với bạn bè, hỏi người thân trong gia đình,... đến những hình thức phức tạp hơn như: tham gia bảo vệ môi trường, tìm hiểu các di tích văn hoá, lịch sử ở địa phương, tham gia các dự án cộng đồng...

4.2. Tiến trình hoạt động nhóm

Ở các lớp học theo mô hình trường học mới, học sinh ngồi học theo nhóm. Tuy nhiên, không phải lúc nào học sinh cũng hoạt động theo nhóm. Học sinh vẫn phải làm

việc cá nhân, theo cặp trong nhóm. Các hình thức làm việc trong nhóm được thay đổi thường xuyên căn cứ vào yêu cầu của tài liệu Hướng dẫn học và của thiết kế hoạt động của giáo viên.

a) Làm việc cá nhân: Trước khi tham gia phối hợp với bạn học trong các nhóm nhỏ, cá nhân luôn có một khoảng thời gian với các hoạt động để tự lĩnh hội kiến thức, chuẩn bị cho các hoạt động đóng vai hay thảo luận trong nhóm. Phổ biến nhất có thể kể đến các hoạt động như đọc mục tiêu bài học, đọc văn bản, giải bài toán để tìm kết quả,...

Cá nhân làm việc độc lập nhưng vẫn có thể tranh thủ hỏi hay trả lời bạn trong nhóm, vẫn thực hiện các yêu cầu của của nhóm trưởng (nếu có) để phục vụ cho các hoạt động cá nhân.

Tần suất của các hoạt động cá nhân trong nhóm rất lớn và chiếm ưu thế hơn so với các hoạt động khác. Làm việc cá nhân giúp học sinh có thời gian tập trung tự nghiên cứu, tự khám phá kiến thức, tự chuẩn bị những gì cần thiết trước khi sử dụng nó để có những hoạt động khác cùng cả nhóm. Trong quá trình làm việc cá nhân, gặp những gì không hiểu, học sinh có thể hỏi bạn ngồi cạnh hoặc nêu ra trong nhóm để các thành viên khác cùng trao đổi và nếu nhóm không giải quyết được vấn đề thì nhóm trưởng có thể nhờ giáo viên hỗ trợ.

b) Làm việc theo cặp (2 học sinh): Tùy theo hoạt động học tập, có lúc học sinh sẽ làm việc theo cặp trong nhóm. Giáo viên lưu ý cách chia nhóm sao cho không học sinh nào bị lẻ khi hoạt động theo cặp. Nếu không, giáo viên phải cho đan chéo giữa các nhóm để đảm bảo tất cả học sinh đều được làm việc. Làm việc theo cặp rất phù hợp với các công việc như: kiểm tra dữ liệu, giải thích, chia sẻ thông tin; thực hành kỹ năng giao tiếp cơ bản (ví dụ như nghe, đặt câu hỏi, làm rõ một vấn đề), đóng vai.

Làm việc theo cặp sẽ giúp học sinh tự tin và tập trung tốt vào công việc nhóm. Quy mô nhỏ này cũng là nền tảng cho sự chia sẻ và hợp tác trong nhóm lớn hơn sau này.

c) Làm việc chung cả nhóm: Trong các giờ học của trường học mới luôn có các hoạt động cả nhóm cùng hợp tác. Ví dụ, sau khi học sinh tự đọc một câu chuyện, trưởng nhóm sẽ dẫn dắt các bạn trao đổi về một số vấn đề của câu chuyện đó; hoặc sau khi một cá nhân trong nhóm đã đưa ra kết quả của một bài toán, nhóm sẽ cùng trao đổi nhận xét, bổ sung về cách giải bài toán đó; hoặc là học sinh trong nhóm sẽ cùng thực hiện một dự án nhỏ với sự chuẩn bị và phân chia công việc rõ ràng;... Nhóm là hình thức học tập phát huy rất tốt khả năng sáng tạo nên hình thức này để phù hợp với các hoạt động cần thu thập ý kiến và phát huy sự sáng tạo. Điều quan trọng là phải giúp học sinh cần phải biết mình làm gì và làm như thế nào khi tham gia làm việc nhóm.

d) Làm việc cả lớp: Khi học sinh có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh một vấn đề hoặc có những khó khăn mà nhiều học sinh không thể vượt qua, giáo viên có thể dừng công việc của các nhóm lại để tập trung cả lớp làm sáng tỏ các vấn đề còn băn khoăn hoặc bàn cãi. Lưu ý rằng những tình huống như vậy không xuất hiện thường xuyên trong lớp học.

Như vậy, việc lựa chọn hình thức làm việc nào: cá nhân, cặp đôi, nhóm hay cả lớp đều phụ thuộc vào yêu cầu của các loại hình hoạt động và luyện tập. Tài liệu Hướng dẫn học chỉ là một gợi ý cho việc tổ chức các hình thức hợp tác này, giáo viên cần lưu ý là không phải luôn tuân theo một cách máy móc thiết kế có sẵn của tài liệu. Tùy vào tình hình chung của cả lớp và thiết kế của cá nhân, giáo viên có sự thay đổi, ứng dụng linh động và phù hợp, đảm bảo tính hiệu quả cho bài học và sự hứng thú cho học sinh.

Cần tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian, bắt học sinh theo kịp tiến độ một cách khiên cưỡng, thông báo chung hoặc ghi các nội dung trên bảng trong khi hầu hết học sinh đã hiểu và làm được; chốt kiến thức trong từng phần nhỏ; cho học sinh giơ tay phát biểu quá nhiều gây mất thời gian; thay vì dạy cả lớp như hiện hành thì lại dạy cho nhiều nhóm nên việc giảng giải lặp đi lặp lại ở các nhóm khác nhau; sử dụng câu hỏi phát vấn nhiều và vụn vặt...

4.3. Vai trò của các thành viên trong hoạt động nhóm

Để tránh việc tổ chức hoạt động nhóm mang tính hình thức. Trong khi thảo luận nhóm, cần phân rõ vai trò của cá nhân, nhóm trưởng, giáo viên. Cụ thể là:

a) Cá nhân: tự đọc, suy nghĩ, giải quyết nhiệm vụ, có thể hỏi các bạn trong nhóm về những điều mình chưa hiểu; khi các bạn cũng gặp khó khăn như mình thì yêu cầu sự trợ giúp của giáo viên; thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng và yêu cầu của giáo viên.

b) Nhóm trưởng: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như những bạn khác; bao quát nhóm xem các bạn có khó khăn gì không; phân công các bạn giúp đỡ nhau; tổ chức cho cả nhóm thảo luận những vấn đề khó khăn; thay mặt nhóm để liên hệ với giáo viên và xin trợ giúp; báo cáo tiến trình học tập nhóm; điều hành chốt kiến thức trong nhóm. Nhóm trưởng tạo cơ hội để mọi thành viên tự giác trong tự học, tích cực tham gia các hoạt động nhóm. Đối với các bạn nhút nhát thiếu tự tin, cần được khuyến khích nói nhiều, trao đổi nhiều, thể hiện nhiều trong hoạt động nhóm. Không để tình trạng một số thành viên làm thay, làm hộ các thành viên khác trong nhóm. Giáo viên lưu ý phân công học sinh luân phiên nhau làm nhóm trưởng.

c) Thư kí của nhóm: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như các bạn khác; là người ghi chép hoặc vẽ lại những nội dung trao đổi hoặc kết quả công việc của nhóm. Việc ghi chép này giúp nhóm tổng hợp công việc mình đã thực hiện, trao đổi với các nhóm khác hoặc chia sẻ trước cả lớp. Để việc tổng hợp ý kiến, công việc của nhóm được thú vị và hấp dẫn, giáo viên có thể cùng các em sáng tạo ra nhiều hình thức trình bày như tranh hoá hoặc sơ đồ hoá với các hình ảnh ngộ nghĩnh. Thư kí còn là người đánh dấu vào bảng tiến độ công việc để giúp nhóm trưởng báo cáo giáo viên. Giáo viên lưu ý phân công học sinh luân phiên nhau làm thư kí.

4.4. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động nhóm

- Chọn luân phiên các nhóm trưởng, thư kí nhóm để giúp giáo viên triển khai các hoạt động học tập.

- Xác định và phân công nhiệm vụ cho các nhóm một cách cụ thể và rõ ràng.

- Đứng ở vị trí thuận lợi để dễ dàng quan sát các nhóm học sinh làm việc và có thể hỗ trợ kịp thời cho các nhóm. Không nên dành thời gian làm việc ở một nhóm quá lâu, đứng một chỗ ở khu vực bàn giáo viên.

- Giúp đỡ học sinh, gợi mở để học sinh phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn học sinh báo cáo sản phẩm. Khi cần tạo tình huống để học tập, giáo viên có thể gọi học sinh còn yếu; khi cần biểu dương khích lệ học tập, giáo viên có thể gọi học sinh khá giỏi thay mặt nhóm để báo cáo; giao thêm nhiệm vụ cho những học sinh hoàn thành trước nhiệm vụ (giao thêm bài tập hoặc yêu cầu hướng dẫn các bạn khác...).

- Vừa hướng dẫn học tập cho một nhóm, vừa kết hợp quan sát, đánh giá và thúc đẩy các nhóm khác làm việc. Việc chỉ định học sinh phát biểu, trình bày báo cáo ... phải được cân nhắc phù hợp với nội dung hoạt động, đối tượng học sinh, không tập trung vào một số học sinh trong lớp, trong nhóm.

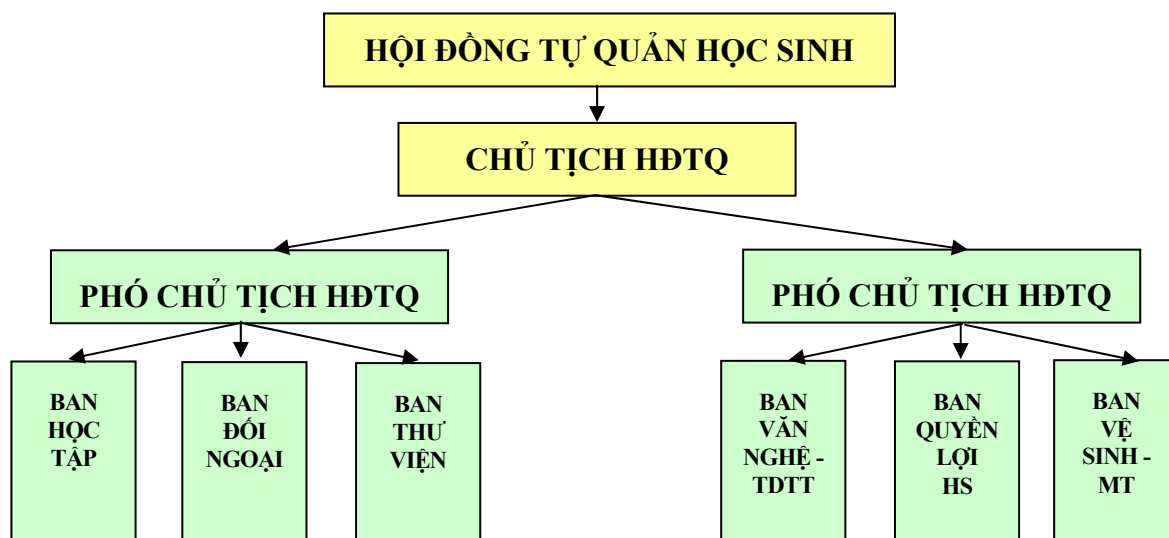
- Tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian. Học sinh hoặc nhóm học sinh đã hoàn thành nhiệm vụ của một hoạt động nào đó, trong khi chưa hết giờ giáo viên giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc nhiệm vụ giúp các bạn khác, nhóm bạn khác chưa hoàn thành.

- Việc trợ giúp học sinh cần có độ sâu, giao nhiệm vụ cần cụ thể chi tiết, phân phối thời gian hợp lí, linh hoạt để trợ giúp cho học sinh. Cần huy động được sự trợ giúp của học sinh khá giỏi, các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ trong lớp để trợ giúp học sinh và các nhóm chậm hơn, yếu hơn.

5. Hội đồng tự quản học sinh

5.1. Giới thiệu về Hội đồng tự quản học sinh

Cơ cấu tổ chức của Hội đồng tự quản học sinh như sau:



Hội đồng tự quản học sinh là một tổ chức của học sinh, do học sinh thành lập ở từng lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh để tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi của chính các em đồng thời quản lý, giám sát, điều chỉnh các hoạt động đó; bảo đảm cho các em tham gia một cách dân chủ và tích cực vào đời sống học đường; khuyến khích các em tham gia một cách toàn diện vào các hoạt động của nhà trường và phát triển lòng khoan dung, sự tôn trọng, bình đẳng, tinh thần hợp tác và đoàn kết cho học sinh.

Tổ chức Hội đồng tự quản học sinh là một biện pháp giáo dục nhằm thúc đẩy sự phát triển về đạo đức, tình cảm và xã hội của học sinh thông qua những kinh nghiệm hoạt động thực tế của học sinh trong nhà trường và mối quan hệ với những người xung quanh.

Tham gia Hội đồng tự quản học sinh, học sinh sẽ có những tiến bộ rõ rệt về khả năng tự ý thức, lòng tự trọng, tính tự tin, các hành vi cư xử tôn trọng và bình đẳng giữa học sinh nam và học sinh nữ; phát triển kỹ năng ra quyết định, kỹ năng hợp tác và kỹ năng lãnh đạo đồng thời cũng chuẩn bị cho các em ý thức trách nhiệm khi thực hiện những quyền và bổn phận của mình.

5.2. Quy trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh

a) Chuẩn bị thành lập Hội đồng tự quản học sinh

Quá trình tiến hành thành lập Hội đồng tự quản học sinh nhất thiết phải có sự tham gia của giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh với vai trò là người cố vấn khích lệ, hỗ

trợ, giám sát và cung cấp nguồn lực cho các em. Giáo viên chủ nhiệm cần thông báo trước cho cha mẹ học sinh về việc thành lập Hội đồng tự quản học sinh để bất kì mối lo ngại, băn khoăn nào cũng sẽ được nêu lên ngay từ đầu chứ không phải trong một vài tuần đầu khi Hội đồng tự quản học sinh đã đi vào hoạt động, bởi vì những tuần đầu tiên là thời điểm mà hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh dễ bị “trục trặc” nhất. Giáo viên chủ nhiệm cũng phải chuẩn bị để thích ứng dần với vai trò hỗ trợ, định hướng của mình, khi học sinh được tin tưởng trao quyền chủ động hơn.

Học sinh nên được tạo cơ hội thảo luận cùng nhau về các vấn đề thế nào là Hội đồng tự quản học sinh? Mục đích thành lập Hội đồng tự quản học sinh là gì? Vì sao học sinh nên tham gia Hội đồng tự quản học sinh? Những lợi ích có thể có của Hội đồng tự quản học sinh tới cuộc sống của chính các em trong nhà trường? Những vai trò, trách nhiệm mà các em sẽ gánh vác?

Giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh trao đổi về kế hoạch hoạt động (nội dung, cách thức hoạt động) của Hội đồng tự quản học sinh; các ban chuyên trách có thể thành lập và nhiệm vụ của các ban; tiêu chuẩn học sinh được tham gia vào các ban; kế hoạch bầu cử,...

b) Tiến hành sinh hoạt tập thể để tổ chức bầu Hội đồng tự quản học sinh

b1. Hoạt động chuẩn bị cho việc bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi đã hoàn thành bước chuẩn bị về tư tưởng cho học sinh, giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh thảo luận về cơ cấu của Hội đồng tự quản học sinh. Thông thường là 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch. Tuy nhiên, số lượng phó chủ tịch có thể khác nhau tùy vào đặc điểm của từng lớp. Với sự định hướng của giáo viên chủ nhiệm, học sinh trao đổi về những phẩm chất, năng lực cần có của các bạn trong Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý sử dụng những ngôn từ đơn giản, dễ hiểu cho học sinh.

Sau đó, học sinh lập danh sách ứng cử (những học sinh tự nguyện đăng kí) và danh sách đề cử (những bạn được các bạn khác tín nhiệm giới thiệu).

Học sinh tiến hành bầu ban kiểm phiếu gồm trưởng ban và một số các thành viên tùy vào số lượng học sinh của lớp. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý hướng dẫn kĩ cách làm việc của ban kiểm phiếu: chuẩn bị phiếu bầu (có thể phải có dấu hiệu gì đó để đảm bảo là phiếu của ban kiểm phiếu phát ra như chữ kí của trưởng ban kiểm phiếu hay của giáo viên chủ nhiệm), cách ghi phiếu bầu, kiểm phiếu bầu, công bố kết quả kiểm phiếu.

Các ứng viên sẽ có thời gian để chuẩn bị phần tranh cử của mình. Đây là một hoạt động quan trọng nhằm tạo điều kiện cho học sinh được cảm thấy sự dân chủ, công

bằng, bình đẳng và được học cách thuyết trình trước đám đông. Học sinh có thể nhờ tới sự tư vấn, hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh và các bạn học trong việc chuẩn bị tranh cử. Bài tranh cử của học sinh cần có những nội dung như: Giới thiệu về bản thân, những mong muốn của em về lớp học, những việc em sẽ làm nếu em trở thành Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh,... Những lời hứa này phải khả thi.

Với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, một học sinh sẽ được hướng dẫn trước để điều khiển quá trình bầu cử.

b2. Tổ chức bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Việc tổ chức bầu Hội đồng tự quản học sinh cần được tiến hành đúng quy trình, dân chủ, tự nguyện và hấp dẫn như một ngày hội.

- Bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh:

Học sinh điều khiển quá trình bầu cử thông qua nội dung hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh và tiêu chuẩn nhân sự.

Các ứng viên sẽ lần lượt tranh cử bằng các bài thuyết trình đã được chuẩn bị trước. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý không để học sinh cầm giấy đọc mà để các em chủ động thể hiện khả năng thuyết trình của mình.

Sau khi các ứng viên đã thuyết trình xong, ban kiểm phiếu làm việc (phát phiếu bầu, thu phiếu, kiểm phiếu). Các học sinh có số phiếu cao nhất từ trên xuống sẽ trúng cử vào vị trí Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh. Chủ tịch, các Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh ra mắt cả lớp.

- Thành lập các ban chuyên trách:

Chủ tịch và các Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh giới thiệu với cả lớp về mục đích thành lập các ban chuyên trách như: Ban học tập; Ban thư viện; Ban văn nghệ, thể thao; Ban đối ngoại; Ban vệ sinh; Ban hoà giải,... và nhiệm vụ của mỗi ban.

Sau khi cả lớp đã thống nhất và quyết định thành lập một số ban nào đó trong lớp, Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch cho các bạn trong lớp tự nguyện đăng kí tham gia các ban. Nên khuyến khích mỗi học sinh trong lớp đều tham gia ít nhất một ban. Với những học sinh không đăng kí tham gia một ban nào, giáo viên chủ nhiệm có thể dành thời gian để tìm hiểu sở thích, nguyện vọng của các em đó để tư vấn đúng hướng hoặc nhờ tới sự trợ giúp của cha mẹ học sinh và các bạn trong lớp. Trong trường hợp vẫn còn một số học sinh do nhút nhát không tự đăng kí vào bất cứ ban nào, giáo viên chủ nhiệm có thể thành lập riêng một ban dành cho các em và gọi là Ban hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm.

Giáo viên chủ nhiệm cần trực tiếp hỗ trợ, động viên và tổ chức cho học sinh, cho cha mẹ học sinh giúp đỡ từng em trong Ban, tạo điều kiện cho từng em làm giúp thầy cô một số công việc trên lớp để các em mạnh dạn dần, đến khi các em chủ động đăng kí vào một ban nào đó.

Sau khi học sinh đã đăng kí xong vào các ban, Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh cùng giáo viên chủ nhiệm thống nhất danh sách các ban, có thể vận động một số học sinh chuyển sang ban khác nếu cần thiết để có sự điều chỉnh hợp lí đối với từng ban. Tiếp theo, các ban sẽ tổ chức bầu Trưởng ban. Dưới sự điều khiển của Trưởng ban, các thành viên cùng lập kế hoạch hành động và phân công nhiệm vụ cụ thể theo nguyên tắc tất cả các thành viên trong ban cùng tham gia hoạt động. Để giúp các ban hoạt động hiệu quả, mỗi ban nên có sự hỗ trợ, tư vấn của cha mẹ học sinh và giáo viên chủ nhiệm. Lưu ý là ở mỗi ban, các học sinh trong ban có nhiệm vụ đề xuất hoạt động và theo dõi việc thực hiện hoạt động đề ra. Các hoạt động này không phải chỉ do các bạn trong ban thực hiện mà cần có sự tham gia của học sinh cả lớp. Do vậy, quá trình thực hiện các hoạt động cũng giúp bản thân học sinh tự hiểu được mình phù hợp với ban nào và giúp giáo viên chủ nhiệm tư vấn đúng cho học sinh trong việc chuyển đổi ban. Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh phân công các Phó chủ tịch nhận trách nhiệm phụ trách các ban trong lớp theo khả năng và nguyện vọng của các Phó chủ tịch.

Một số lưu ý:

- Hội đồng tự quản học sinh có thể thay đổi để đảm bảo tất cả học sinh trong lớp đều có cơ hội được tham gia và trải nghiệm. Thời gian thay một hay toàn bộ các thành viên nòng cốt tùy thuộc vào tình hình mỗi lớp học. Giáo viên chủ nhiệm cần nói rõ điều này ngay từ đầu để tránh cho học sinh khỏi những cảm xúc tiêu cực khi không được tham gia các vai trò quan trọng nữa.

- Nhìn chung, quá trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh nên cố gắng bám sát thực tiễn bầu cử của đất nước và địa phương để giúp học sinh hiểu được quá trình bầu cử tự do, công bằng và dân chủ. Trong quá trình thành lập, giáo viên chủ nhiệm nên khuyến khích học sinh có những biện pháp, ý tưởng mới của chính các em. Học sinh và giáo viên chủ nhiệm cùng tổ chức quá trình bầu cử. Cha mẹ học sinh và đại diện cộng đồng có thể được mời tham gia với tư cách quan sát viên.

5.3. Tăng cường năng lực cho Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi Hội đồng tự quản học sinh của lớp được thành lập, giáo viên chủ nhiệm cần bồi dưỡng những kĩ năng hoạt động cần thiết cho Hội đồng tự quản học sinh, các kĩ năng cần có của Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban.

Để Hội đồng tự quản học sinh hoạt động có hiệu quả, giáo viên chủ nhiệm nên vận dụng kinh nghiệm của bản thân, của đồng nghiệp để hướng dẫn tổ chức hoạt động cho Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm có thể thực hiện những công việc sau:

- Hợp với Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban để giúp các em lập kế hoạch hoạt động cho từng ban một các thực tế và khả thi.

- Thường xuyên rút kinh nghiệm về nội dung hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh với sự tham gia của học sinh và cha mẹ học sinh trong lớp.

- Thường xuyên giám sát, hỗ trợ Hội đồng tự quản học sinh, đồng thời động viên, khuyến khích nhiều học sinh mạnh dạn tham gia ứng cử vào Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm nên chủ động thực hiện các hoạt động mẫu để hướng dẫn các em làm quen và dễ dàng thực hiện; cần kiên trì hướng dẫn, trân trọng từng hoạt động của học sinh.

- Luôn làm mới Hội đồng tự quản học sinh về nội dung và cơ cấu tổ chức nhân sự, mỗi năm học cần kiện toàn tổ chức Hội đồng tự quản học sinh ít nhất 2 lần.

- Theo dõi, đánh giá học sinh và ghi nhật kí đánh giá. Thực hiện đánh giá và khen thưởng kịp thời cuối học kì, cuối năm học và khen thưởng đột xuất với những cá nhân có đóng góp tích cực, hiệu quả tốt cho Hội đồng tự quản học sinh.

5.4. Một số hoạt động do Hội đồng tự quản học sinh tổ chức

Để Hội đồng tự quản học sinh biết cách chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục và các sinh hoạt vui chơi khác, bên cạnh các công cụ hỗ trợ trong lớp học, giáo viên cần giới thiệu cho học sinh một số hoạt động và hướng dẫn cách thức tổ chức các hoạt động đó để các em có thể thực hiện tốt vai trò “tự quản” của mình. Căn cứ vào nội dung học tập, vui chơi và tình hình lớp học, Hội đồng tự quản học sinh dưới sự hỗ trợ của giáo viên sẽ lựa chọn các hoạt động phù hợp và tổ chức một cách có hiệu quả các hoạt động học tập, hoạt động hỗ trợ quá trình học tập, hoạt động vui chơi... tránh hình thức và lặp đi lặp lại quá nhiều.

Một số hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh đã được thử nghiệm và khẳng định là hữu ích cho công tác quản lí ở lớp học, trường học bao gồm:

a) Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động quản lí lớp học

- *Mục đích:* Hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm về quản lí lớp học; quản lí các hoạt động vui chơi; tổ chức các hoạt động nhóm; tự tổ chức các hoạt động giáo dục; truyền đạt ý kiến phản ánh của học sinh trong lớp. Những hoạt động trên giúp học sinh phát triển sự tự giác,

chủ động khi tham gia các hoạt động của lớp; tạo cơ hội cho học sinh cảm nhận được mình là một phần của tập thể và có trách nhiệm để tập thể đó hoạt động và phát triển tốt; phát huy sự sáng tạo và để các học sinh có điều kiện được hỗ trợ lẫn nhau.

- *Cách tiến hành:* Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với học sinh trong lớp về việc các em sẽ tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động của lớp. Chủ tịch, Phó chủ tịch với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm và các Trưởng ban xây dựng dự thảo Kế hoạch hoạt động và trao đổi về các hoạt động dự kiến sẽ thực hiện với cả lớp. Khi Kế hoạch hoạt động đã được cả lớp nhất trí thông qua, Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh sẽ họp với Phó chủ tịch và các Trưởng ban để phân công nhiệm vụ cho từng ban theo dõi, quản lý, sử dụng các công cụ hỗ trợ đã được xây dựng và đang có trong lớp. Ví dụ:

- + Ban Kỷ luật chịu trách nhiệm về bảng theo dõi sĩ số và việc thực hiện nội quy của lớp. Trưởng ban cần tổng hợp tình hình và báo cáo hằng tuần trước lớp.
- + Ban Học tập chịu trách nhiệm định kì hằng tuần hoặc hằng tháng chia sẻ thông tin trước cả lớp về các lĩnh vực mà các bạn học sinh trong lớp đạt thành công hay tiến bộ, những vướng mắc cần sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm hoặc cha mẹ học sinh. Trưởng ban sẽ thay mặt cả lớp trình bày về điều này trong cuộc họp cha mẹ học sinh.
- + Ban Đối ngoại phụ trách việc bảo quản và thống kê cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của học sinh khi đi thăm một nơi nào đó. Ban đối ngoại có thể viết một bản tin định kì để công bố những thông báo hay kết luận quan trọng về các hoạt động được liệt kê trong Sổ ghi chép khách tham quan. Những thông tin này vừa được lưu giữ làm kỉ niệm, vừa là cơ sở cho nhà trường và giáo viên chủ nhiệm có những cân nhắc điều chỉnh cũng như là cơ hội cho học sinh lưu ý vào những điều hay khi mình đến thăm một nơi nào đó. Đây còn là cơ sở để phục vụ cho các dự án nghiên cứu của học sinh sau này để huy động cộng đồng tham gia.

Thời gian đầu, giáo viên chủ nhiệm nên hướng dẫn chi tiết và theo dõi cụ thể, thường xuyên các ban hoạt động. Dần dần, giáo viên chủ nhiệm giảm bớt sự kiểm soát và để các nhóm chủ động hoạt động. Thành viên của các ban có thể luân phiên thay đổi để đảm bảo tất cả các học sinh đều được tham gia vào các hoạt động quản lý lớp học.

b) Tổ chức xây dựng, quản lý sử dụng và phát triển góc học tập, góc thư viện, góc cộng đồng, bản đồ cộng đồng (được thể hiện chi tiết trong ở mục 6).

c) Công nhận những đức tính tốt

- *Mục đích:* Đây có thể coi là một cách “giáo dục đạo đức” một cách tự nhiên và thú vị. Hoạt động này tạo điều kiện cho học sinh tìm kiếm và nhìn vào những đức tính tốt, những điều hay từ phía bạn học để khích lệ động viên bạn tiếp tục phát huy những điều tốt đẹp đó, đồng thời cũng là cơ hội để học sinh cả lớp cùng học tập những đức tính tốt. Đây còn là cơ hội cho học sinh được chia sẻ, gần gũi nhau hơn, góp phần tạo không khí thân thiện trong lớp.

- *Cách tiến hành:*

Bước 1: Cả lớp hoặc các tổ, nhóm ngồi theo vòng tròn. Giáo viên phát cho mỗi học sinh một tờ bìa. Các em sẽ viết tên của mình lên tờ bìa đó.

Bước 2: Học sinh chuyển tờ bìa cho bạn ngồi bên phải mình. Khi nhận được tờ bìa ghi tên một bạn nào đó, học sinh ghi một điểm tích cực của bạn đó vào tờ bìa. Cứ như vậy, các tờ bìa sẽ được chuyển hết một vòng. Cần lưu ý đảm bảo rằng, mỗi học sinh đều nhận được lời nhận xét tích cực của tất cả các bạn trong nhóm. (Lưu ý: Nên tránh những lời nhận xét về hình thức bề ngoài, xã giao hay cách ăn mặc mà nên nhận xét về tính cách, thái độ, khả năng học tập,... của bạn mình).

Khi học sinh nhận lại được tờ bìa của mình, các em sẽ đọc và nêu được, một số em sẽ chia sẻ những lời ghi trong tờ bìa với cả lớp.

Những tờ bìa này có thể được lưu giữ lại để chia sẻ cùng cha mẹ học sinh vào buổi họp cha mẹ học sinh. Cha mẹ học sinh có thể viết thêm vào các đức tính tốt đẹp của con em mình. Điều này sẽ tạo được sự hào hứng của học sinh cũng như sự phấn khởi của cha mẹ học sinh và tăng thêm sự gắn kết giữa cha mẹ học sinh và lớp học.

Hoạt động này có thể được tổ chức sau mỗi một học kỳ để học sinh thấy được sự cố gắng được ghi nhận của mình trong một giai đoạn và sẽ tiếp tục phát huy những đức tính tốt ở học kỳ tiếp theo.

d) Xây dựng nội quy nhà trường

- *Mục đích:* Tạo cho học sinh cảm giác trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của trường mình, qua đó giúp học sinh có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.

- *Cách xây dựng:* Trường cần tổ chức cho học sinh tham gia xây dựng nội quy của trường mình nhằm giúp học sinh hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác.

Các lớp có thể tổ chức thảo luận trong lớp, sau đó cử đại diện dự buổi họp chung toàn trường để thảo luận, xây dựng nội quy của trường. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để học sinh dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp cha mẹ học sinh và từng lớp học.

- *Cách sử dụng*: Các bản nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để học sinh không đọc được, cũng không quá thấp để bị hư hỏng do va chạm. Nhà trường và mỗi lớp cũng nên có một ban lo nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện nội quy của lớp mình.

Ở một số địa phương, tại các lớp học ít học sinh, bảng nội quy còn thiết kế thêm các ô để học sinh dán các bông hoa có tên mình mỗi tháng một lần vào các nội dung mà mình đã thực hiện tốt.

đ) Ngày hội thành tựu

- *Mục đích*: Tạo cơ hội cho giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các tổ chức cộng đồng cùng gặp nhau trong một ngày để công bố các thành tích và sự tiến bộ học tập của học sinh sau một năm học, đồng thời tham gia vào các hoạt động văn hoá và thực hiện các hoạt động có ý nghĩa đối với nhà trường và cộng đồng. Đây là những cuộc gặp mặt rất quan trọng để tăng cường sự giao tiếp trao đổi giữa những người tham gia, trình bày và đưa ra các dự án, các kết quả và thành tích đạt được, các chương trình hành động tương lai có lợi cho cộng đồng và xây dựng tinh thần tôn trọng giữ gìn bản sắc văn hoá địa phương.

- *Cách tổ chức*: Nhà trường, giáo viên, học sinh cùng cha mẹ học sinh và đại diện cộng đồng cùng bàn bạc về nội dung và hình thức tổ chức Ngày hội thành tựu. Có thể đan xen vào ngày hội một số hoạt động:

- + Báo cáo các thành tích của học sinh.
- + Các hoạt động văn hoá đặc sắc của địa phương.
- + Sự giao lưu từ cộng đồng.
- + Những dự án tiếp theo có lợi cho học sinh và cộng đồng và cần sự phối hợp của cộng đồng và cha mẹ học sinh...

Ngày hội thành tựu nên được tổ chức một năm một lần để đảm bảo sự liên kết thường xuyên giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

Những vấn đề cơ bản về quy trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh và hướng dẫn được học sinh thành lập Hội đồng tự quản học sinh của lớp được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn tổ chức lớp học của mô hình trường học mới.

6. Không gian lớp học trong mô hình trường học mới

6.1. Khái quát về không gian lớp học mô hình trường học mới

Trong các lớp học theo mô hình trường học mới, cần bố trí một số không gian và tài liệu được giáo viên và Hội đồng tự quản học sinh sử dụng hàng ngày/tuần/tháng để

phục vụ quá trình học tập tại lớp và tạo ra các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập và các sinh hoạt tập thể khác như: Góc học tập; Góc sáng tạo; Góc thư viện; Góc cộng đồng; Hòm thư “nhịp cầu bè bạn”; Hòm thư “điều em muốn nói”; Sổ đối nội, đối ngoại; Nhật kí cha mẹ học sinh;... (Gọi chung là công cụ hỗ trợ)

Học sinh cần được hướng dẫn sử dụng chúng để tham gia vào các hoạt động của lớp, giúp các em phát triển sự đam mê, sự sáng tạo, hình thành nhân cách và các kĩ năng hợp tác trong học tập; qua đó, giáo viên chủ nhiệm có thể phát hiện và nuôi dưỡng các tiềm năng, giải đáp những băn khoăn, lo lắng.

Học sinh sử dụng các không gian và tài liệu đó dựa trên vốn hiểu biết của mình, có thể có sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, để chúng phát huy tác dụng trong việc quản lí, tổ chức, thúc đẩy quá trình học tập. Đây không phải là những hoạt động mang tính cạnh tranh mà là sự hỗ trợ lẫn nhau học tập trong một môi trường lớp học thân thiện. Giáo viên chủ nhiệm nên chú ý động viên các em tham gia và bên cạnh việc hỗ trợ, giáo viên chủ nhiệm nên tạo ra những thách thức mới để gây hứng thú và nâng cao tinh thần trách nhiệm của các em.

Giáo viên chủ nhiệm lưu ý trao đổi cùng cha mẹ học sinh và học sinh để xây dựng và sử dụng các không gian và tài liệu phù hợp nhất với điều kiện của lớp, để phục vụ có hiệu quả cho học tập và các hoạt động của lớp, tránh việc xây dựng và sử dụng một cách máy móc, hình thức.

Tùy không gian lớp học mà giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn Hội đồng tự quan học sinh lựa chọn và xây dựng số công cụ hỗ trợ phù hợp. Tránh tình trạng làm hình thức hoặc làm phức tạp cho không gian lớp học.

6.2. Một số công cụ hỗ trợ đã được thử nghiệm và có tác dụng tốt cho hoạt động học và công tác quản lí ở lớp học, trường học mới

a) Bảng theo dõi sĩ số

- *Mục đích:* Bảng này được thiết kế để theo dõi sĩ số của các em học sinh. Công cụ này như một bảng đánh giá cá nhân hoặc cho tập thể theo tuần, tháng hoặc theo kì. Bảng theo dõi sĩ số giúp học sinh phát triển tính tự giác, đi học đúng giờ và có tinh thần trách nhiệm trong học tập đồng thời xây dựng cho các em ý thức được đi học là một quyền lợi đặc biệt, chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc. học sinh cần có được cảm giác thoải mái, vui vẻ khi đi học.

- *Cách xây dựng:* Có thể làm bảng chung của cả lớp hoặc theo nhóm. Trên bảng cần có tên của học sinh, ngày tháng và các ô tương ứng. Giáo viên chủ nhiệm cùng bàn

bạc với học sinh hình thức điền vào ô như điền tên, tích, cắm cờ hoặc dán những hình ảnh yêu thích của mình. Bảng nên thay đổi theo tháng để tạo sự hứng thú cho học sinh.

- *Cách sử dụng:* Mỗi học sinh khi đến lớp sẽ tự động điền vào phần ô tương ứng với ngày đi học. Để học sinh chủ động làm việc này, thay vì trưởng nhóm hoặc trưởng ban, sẽ tạo hứng thú cho các em. Học sinh mong đến trường để tự mình ghi thêm thành tích chuyên cần cho mình. Vào cuối tuần, đại diện các nhóm sẽ có một bản báo cáo ngắn gọn gửi giáo viên chủ nhiệm.

b) Sổ nhật kí học tập và tham gia hoạt động của học sinh

- *Mục đích:* Cuốn sổ này giúp học sinh có ý thức hơn và cố gắng nhiều hơn trong việc học tập và tham gia tích cực vào các hoạt động của lớp học, trường học. Việc thường xuyên chia sẻ thông tin trong cuốn sổ còn là hình thức khuyến khích và ghi nhận những thành tích của học sinh. Đây còn là công cụ giúp việc liên lạc, trao đổi với cha mẹ học sinh được thường xuyên và tốt hơn.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với cha mẹ học sinh và học sinh về mục đích của cuốn sổ. Học sinh sẽ tự chuẩn bị và trang trí cuốn sổ riêng của mình. Giáo viên chủ nhiệm chỉ lưu ý nhắc nhở các em về kích thước để không gây khó khăn trong việc bảo quản, cất giữ.

- *Cách sử dụng:* Giáo viên chủ nhiệm giải thích rõ cho học sinh về việc dùng cuốn sổ để ghi lại thành tích học tập (có thể là điểm số, những lời nhận xét tích cực của giáo viên chủ nhiệm và các bạn học về việc học tập, những sản phẩm học tập có thể đính kèm...) và kết quả hoạt động học tập xuất sắc của mình. Cuốn sổ này cũng mang tính cá nhân và không nhất thiết là phải đem so sánh với bất kì ai.

c) Hộp thư cá nhân

- *Mục đích:* Tạo cơ hội cho giáo viên chủ nhiệm và học sinh trong lớp trao đổi, tiếp nhận thông tin giữa học sinh với học sinh và giữa học sinh với giáo viên. Hộp thư cá nhân giúp hình thành cho học sinh thói quen quan tâm, chia sẻ với mọi người; rèn luyện học sinh biết tôn trọng sự riêng tư của bạn. Công cụ này còn là cách để giáo viên chủ nhiệm động viên, khích lệ học sinh, hiểu được học sinh hơn.

- *Cách xây dựng*

- *Bước 1:* Giáo viên chủ nhiệm cho mỗi học sinh tự tạo một hộp thư nhỏ từ các vật dụng như hộp các-tông nhỏ, giấy bìa, tranh ảnh, giấy màu, giấy trắng,... giáo viên chủ nhiệm để học sinh tự vẽ, cắt dán, trang trí những hình ảnh các em yêu thích, không nên làm đồng loạt giống nhau. Trên mỗi hộp thư cá nhân

có tên của học sinh. Công việc này cũng có thể thực hiện ở nhà. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý học sinh về kích cỡ tối đa cho mỗi hộp thư cá nhân.

- *Bước 2:* Cùng gắn những hộp thư cá nhân của cả lớp tại một vị trí, hoặc chia thành các nhóm. Lưu ý gắn ở vị trí thuận tiện, vừa tầm để đảm bảo tất cả các học sinh dễ tham gia và sử dụng.

- *Cách sử dụng:* Giáo viên chủ nhiệm cùng trao đổi với học sinh về tác dụng của hộp thư cá nhân; giải thích cho học sinh thấy mỗi cá nhân trong lớp đều nên có một hộp thư riêng. Bất cứ điều gì các em muốn chia sẻ, trao đổi với bạn hoặc thầy cô giáo, các em có thể viết thư và bỏ vào hộp thư riêng của bạn/thầy cô giáo. Các em có thể đề tên của mình trong thư hoặc không. Giáo viên chủ nhiệm nên sử dụng hộp thư cá nhân để khích lệ, động viên, góp ý với học sinh mà không làm các em xấu hổ trước lớp. Giáo viên chủ nhiệm cũng có thể bỏ vào hộp thư cá nhân của các em những bài tập theo đúng trình độ để tăng thêm hứng thú học tập cho các em.

Giáo viên chủ nhiệm nên dành thời gian vào các giờ nghỉ giải lao hay các buổi sinh hoạt tập thể để học sinh viết thư cho nhau. Giáo viên chủ nhiệm nên thường xuyên sử dụng hộp thư này để tạo phong trào và hình thành dần thói quen trong lớp. Lưu ý: Hộp thư tuy của cá nhân nhưng không nên dán kín hay "bảo mật" vì các em luôn cần được giáo dục, rèn luyện tính trung thực, lòng tự trọng, không tự ý xem thư của người khác.

d) Hộp thư "Điều em muốn nói"

- *Mục đích:* Đây là công cụ giúp học sinh được bày tỏ ý kiến của mình. Những ý kiến của học sinh có thể là những tình cảm, cảm nhận, mong muốn, đề nghị hoặc bất cứ điều gì các em muốn nói về thầy cô, bạn bè, cha mẹ, nhân viên phục vụ, điều kiện học tập – sinh hoạt và các hoạt động vui chơi,... mà các em không thể hoặc chưa dám nói trực tiếp. Qua hộp thư này, người lớn (thầy cô, cha mẹ,...) sẽ có điều kiện hiểu các em nhiều hơn, đồng thời điều chỉnh các hoạt động giáo dục, sinh hoạt sao cho phù hợp. Bên cạnh đó, công cụ này còn có ý nghĩa giúp các em nhận biết mình là một thành viên của nhà trường, quyền cơ bản của trẻ được tạo điều kiện thể hiện (quyền được học tập – quyền được vui chơi – quyền được tham gia ý kiến,...). Từ đó, các em có ý thức, tự giác và chủ động khi tham gia các hoạt động của chính các em.

- *Cách xây dựng:* Hộp thư có thể được làm bởi cha mẹ học sinh hoặc giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh thực hiện. Giáo viên chủ nhiệm và học sinh trang trí thêm những hình ảnh vui nhộn và được đặt tại các vị trí thuận tiện trong lớp, vừa tầm với của học sinh. Một số nơi còn có thêm các biện pháp bảo vệ cho hộp thư để chỉ những người

có trách nhiệm mở hộp thư mới mở được để đảm bảo giữ kín những thông tin của học sinh.

- *Cách sử dụng:* Giáo viên chủ nhiệm giải thích cho học sinh về mục đích của hộp thư. Khuyến khích các em sử dụng hộp thư này để giúp cho tình hình và các điều kiện của lớp học, trường học được tốt hơn. Giáo viên chủ nhiệm cũng nên nhấn mạnh tới việc học sinh không cần thiết phải đề tên mình trong thư, nếu muốn. Để quản lí Hộp thư "Điều em muốn nói" cần có sự tham gia của Chủ tịch, Phó chủ tịch và Trưởng các ban của Hội đồng tự quản học sinh và giáo viên. Hộp thư cần được mở hằng ngày hoặc hằng tuần để ghi nhận, trả lời những ý kiến của học sinh cũng như giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lớp, trường. Tuy nhiên, tốt nhất nên mở hộp thư hằng ngày để đảm bảo cập nhật và giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý, những vấn đề mang tính cá nhân thì cần trao đổi với cá nhân học sinh, những vấn đề mang tính chất tập thể thì cần có sự trao đổi, bàn bạc trước cả lớp để tìm ra phương án giải quyết.

đ) Sinh nhật hồng

- *Mục đích:* Tạo sự vui tươi trong lớp học; giúp học sinh biết cách quan tâm đến bạn bè, biết cách tổ chức những buổi kỉ niệm nho nhỏ; tạo sự gắn kết của các thành viên trong lớp.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm có thể trao đổi với một ban trong lớp học về cách xây dựng góc sinh nhật. Có thể là cây với 12 bông hoa tương ứng với 12 tháng trong năm và trên mỗi bông hoa tháng là tên các bạn có ngày sinh trong tháng. Có thể là những hành tinh nhỏ mang tên tháng trong vũ trụ,... học sinh hoàn toàn có thể thực hiện được công việc này. Giáo viên chủ nhiệm hãy để các em tự trao đổi và thống nhất cách thực hiện.

Cũng có cách xây dựng khác nữa là giáo viên chủ nhiệm chia lớp ra thành nhóm phụ trách từng tháng. Nhóm học sinh của tháng sẽ cùng bàn bạc để tổ chức sinh nhật của tháng mình theo cách mà các em thích nhất.

- *Cách sử dụng:* Góc sinh nhật giúp cả lớp cùng biết được sắp đến sinh nhật của bạn nào. Một ban sẽ phụ trách phần tổ chức sinh nhật cho các bạn trong tháng (hoặc có thể tổ chức đơn lẻ cho từng bạn). Cũng có thể dùng hình thức luân phiên các ban tổ chức hoặc nhóm các bạn có sinh nhật tháng này sẽ tổ chức cho nhóm các bạn có ngày sinh nhật của tháng khác. Việc tổ chức không cần cầu kì, các học sinh có thể lên kịch bản cho một chương trình văn nghệ, trò chơi,... giáo viên chủ nhiệm hãy để cho các học sinh trong lớp được chúc mừng bạn mình và nên gợi ý học sinh sử dụng các công

cụ khác (Ví dụ: Hộp thư bè bạn, những lời yêu thương,...) để thể hiện tình cảm với bạn mình trong ngày sinh nhật của các em. Giáo viên chủ nhiệm nên tạo điều kiện cho học sinh được tổ chức sinh nhật nói về bản thân mình, về những thay đổi khi một tuổi mới đã đến với em. Mỗi tháng qua đi, học sinh có thể gỡ tháng đó xuống để học sinh cảm nhận được thời gian của năm.

e) Những lời yêu thương

- *Mục đích:* Học sinh được chia sẻ những câu nói, câu thơ hay, có ý nghĩa với mục đích giáo dục học sinh hướng đến những điều tốt đẹp.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm và học sinh cùng thảo luận để quyết định chọn một hình thức phù hợp với điều kiện lớp học để làm góc của những lời yêu thương. Có thể làm trên khổ giấy A0, trang trí thành cây với những chiếc lá, bông hoa là những lời yêu thương và được dán lên tường. Có thể là cây thông góc lớp với những lời yêu thương được gắn lên cây,... Cũng có thể ghi những lời nói yêu thương, những câu danh ngôn phù hợp, dễ hiểu, dễ nhớ liên quan đến tuổi học trò trên các hành lang, lối đi, thư viện, sân/vườn trường,... nơi học sinh dễ quan sát và thường xuyên nhắc nhở mình thực hiện.

- *Cách sử dụng:* Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh sưu tầm những câu nói hay, những lời yêu thương về tình cảm gia đình, thầy trò, bạn bè... Học sinh cũng có thể nhờ cha mẹ học sinh sưu tầm cùng. Giáo viên chủ nhiệm có thể giao cho các ban quản lí góc này xây dựng chủ đề theo từng tháng, từng sự kiện để học sinh sưu tầm những câu nói, câu thơ hay theo các chủ điểm đó. Trong các buổi sinh hoạt lớp, giáo viên chủ nhiệm dành thời gian để cùng học sinh trò chuyện về những lời yêu thương này để giáo dục học sinh biết hướng tới những điều tốt đẹp và yêu thương trong cuộc sống.

g) Bảng nội quy lớp học

- *Mục đích:* Giúp các em thấy có trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của lớp mình; qua đó, học sinh có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm tổ chức cho học sinh tham gia xây dựng nội quy của lớp nhằm giúp học sinh hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để học sinh dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp cha mẹ học sinh.

- *Cách sử dụng:* Bảng nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để học sinh không đọc được, cũng không quá thấp để bị hư hỏng do va

chạm. Ở những lớp rộng rãi và ít học sinh, bảng nội quy có thể thiết kế thêm các ô để học sinh dán các bông hoa có tên mình mỗi tháng một lần vào các nội dung mà mình đã thực hiện tốt.

h) Sổ ghi chép đối nội – đối ngoại

- *Mục đích:* Dùng ghi lại cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của học sinh khi tham quan một nơi nào đó.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm có thể bàn bạc trước lớp và giao cho một ban thực hiện việc thiết kế và ghi chép sổ. Sổ nên có các thông tin về ngày tháng, tên đoàn khách, học sinh nhà trường; cảm xúc của khách hoặc của học sinh, có thể có phần để dán những hình ảnh (nếu có) về những sự kiện đó.

- *Cách sử dụng:* Khách đến từ các tổ chức, hiệp hội hoặc giáo viên chủ nhiệm và các bạn học sinh đến từ các trường, lớp khác, đến thăm trường, lớp mình, sẽ ghi lại những cảm xúc, suy nghĩ của họ. Đây là một cơ hội cho khách có những đề xuất, ý kiến hay chỉ ra các quan điểm về một vấn đề cụ thể. Khi học sinh đi tham quan cũng thực hiện tương tự như vậy.

6.3. Các góc hỗ trợ trong lớp học

a) Góc học tập

- *Góc học tập* là không gian trong lớp học trang bị những tài liệu, đồ dùng dạy học, các vật dụng,... phục vụ cho việc học tập của học sinh

– *Vai trò và ý nghĩa của góc học tập*

- + Góc học tập làm tăng hứng thú học tập của học sinh, tăng các nguồn kiến thức trong dạy học của giáo viên. Giáo viên sử dụng phương pháp trực quan trong dạy học giúp học sinh nắm kiến thức một cách chủ động, vững chắc. Góc học tập có một vai trò rất quan trọng đối với việc dạy và học trong trường THCS.
- + Góc học tập cung cấp sách vở, tài liệu tham khảo, đồ dùng học tập ngay tại lớp học rất thuận lợi cho học tập và tham khảo tài liệu khi cần thiết mà không phải đến thư viện.
- + Giáo viên làm phong phú thêm bài giảng của mình bằng sách và các tư liệu tham khảo trong góc học tập; có thể quan sát được hiệu quả dạy học, biết được hứng thú nghề nghiệp của học sinh, từ đó có thể hướng nghiệp cho các em.
- + Giúp học sinh thu nhận và tổng hợp kiến thức thông qua việc quan sát và thao tác sử dụng các tài liệu, đồ vật ở góc học tập; làm phong phú kiến thức và phát huy trí tưởng tượng của các em.

- + Học sinh sẽ hứng thú học tập hơn khi sử dụng góc học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên; hoặc tự nghiên cứu theo nhóm hay từng cá nhân, qua đó, hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu của học sinh.

- Các tài liệu và đồ dùng ở góc học tập

- + Ngay từ đầu năm học, giáo viên căn cứ trên yêu cầu chương trình và nội dung môn học; quan sát tâm lý và sở thích của học sinh để chuẩn bị kế hoạch xây dựng góc học tập phù hợp. Bằng kinh nghiệm của mình, giáo viên suy nghĩ xem tài liệu nào, dụng cụ học tập nào góc học tập có thể giúp học sinh học tập có kết quả tốt hơn, hiệu quả hơn; đồng thời góp phần phát huy năng khiếu, sở thích và định hướng nghề nghiệp cho các em.
- + Trong mỗi môn học, giáo viên cần sưu tầm những loại tài liệu và đồ dùng học tập sau:
 - Tài liệu in ấn phục vụ học tập: Sách tham khảo, các loại sách giáo khoa, báo, tạp chí,... liên quan đến nội dung môn học; sơ đồ, biểu đồ, bản đồ, tranh ảnh,... tạo hứng thú và mở rộng hiểu biết cho học sinh.
 - Đồ dùng dạy và học: Đây là những vật dụng mà học sinh và giáo viên có thể sử dụng trong các giờ thực hành, thí nghiệm như các dụng cụ đo lường (cân, nhiệt kế, ampe kế,...), mô hình trái đất, các mẫu vật,...
 - Vật dụng phục vụ cuộc sống: Những đồ dùng thiết thực phục vụ cuộc sống như các loại công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt hằng ngày, trang phục, nhạc cụ, lương thực, thực phẩm,...
 - Tài liệu sáng tạo nghệ thuật: Các vật dụng có tính nghệ thuật dùng cho học tập, phát huy tính tưởng tượng và sáng tạo nghệ thuật của học sinh như các con rối, rôbốt,...
 - Đồ dùng do học sinh tự làm: Các bài làm đạt điểm tốt của học sinh, các vật dụng do học sinh sáng chế,...

- + Ngoài ra, ở góc học tập còn có tài liệu hướng dẫn học các môn, hướng dẫn sử dụng các tài liệu, nhất là hướng dẫn sử dụng các tài liệu liên quan đến môn học.

- Quản lý góc học tập

- + Hội đồng tự quản học sinh phân công các bạn học sinh thay phiên nhau chăm sóc góc học tập; dọn dẹp lại cho ngăn nắp sau mỗi buổi học, quét dọn, lau sạch bụi bặm, vết bẩn sau khi sử dụng.

- + Hội đồng tự quản học sinh tổ chức đọc sách, thảo luận theo nhóm cùng sở thích và giúp nhau học tập một cách hiệu quả...

b) Góc thư viện

- Góc thư viện là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp, là nơi để các tài liệu tham khảo (từ điển, sách, báo, truyện,...) do thư viện nhà trường hỗ trợ, giáo viên và học sinh sưu tầm, do cha mẹ học sinh cùng cộng đồng đóng góp.

Góc thư viện trong lớp học là một công cụ quan trọng tạo cơ hội cho học sinh học tập một cách tích cực, chủ động, đồng thời cung cấp các nguồn tài liệu khác nhau để học sinh học tập và thư giãn.

Nguồn thông tin trong góc thư viện là một công cụ đắc lực hỗ trợ cho giáo viên và học sinh trong dạy - học tích cực. Giáo viên có thể sử dụng nguồn thông tin ở góc thư viện để giải đáp rõ hơn những nội dung có trong tài liệu hướng dẫn học hoặc làm giàu thêm vốn kiến thức của mình cũng như học sinh. Với mỗi chủ đề hay bài học, giáo viên cần tham khảo thêm tư liệu về chủ đề hay bài học đó trong góc thư viện và cung cấp cho học sinh tên, trang, mục tài liệu cần tham khảo để hoàn thành bài học. Góc thư viện trong lớp học có thể hỗ trợ cho từng đối tượng học sinh trong quá trình học tập khác nhau. Với học sinh trung bình, các em có thể tìm thông tin để giải thích rõ hơn cho các khái niệm trong tài liệu hướng dẫn học. Với các học sinh khá, giỏi, các em có thể tìm hiểu sâu hơn, mở rộng hơn nội dung bài học qua những tài liệu có trong góc thư viện.

Góc thư viện đóng vai trò hỗ trợ nguồn tài liệu phong phú cho một môn học hay một chủ đề. Mặc dù tài liệu hướng dẫn học đã cung cấp cho học sinh những nội dung cơ bản cần thiết, nhưng vẫn có lúc học sinh vướng mắc và không hiểu rõ về một khái niệm hay một thông tin nào đó có liên quan đến bài học. Trong trường hợp này, giáo viên nên hướng dẫn học sinh đến góc thư viện để tìm những cách giảng giải, chú thích khác phù hợp hơn với trình độ và khả năng nhận thức của học sinh. Sau khi đọc về một chủ đề tương tự trong góc thư viện, học sinh có thể tiếp tục học và làm việc với tài liệu hướng dẫn học.

Góc thư viện là nơi rất hữu ích để học sinh tiến hành các dự án nghiên cứu nhỏ của một số môn học. Tại đây các em có thể thực hiện việc tìm kiếm thông tin cho bài tập trong dự án nghiên cứu của mình. Nhiều khi tài liệu hướng dẫn học không cung cấp đủ nội dung để hoàn thành mục tiêu bài học như đã đề xuất. Vì vậy, việc tìm kiếm các thông tin tham khảo ở góc thư viện sẽ là rất cần thiết. Mô hình trường học mới tăng cường khả năng tự học của học sinh, vì vậy nguồn thông tin trong góc thư viện sẽ hỗ trợ rất tốt cho các em trong việc tự học.

Góc thư viện trong lớp học đồng thời cũng được sử dụng để giúp học sinh giải trí và phát triển óc sáng tạo. Sách là nguồn giải trí rất lớn đối với trẻ em cũng như người lớn. Qua việc đọc sách, chúng ta có thể giáo dục chính mình, tích lũy và tăng khả năng tưởng tượng, trải nghiệm một cách gián tiếp. Ví dụ, như thưởng thức một chuyến đi lên mặt trăng hay thám hiểm một địa bàn khảo cổ; hoặc có thể sáng tác những bức tranh dựa trên các câu chuyện đã đọc; đóng vai thể hiện lại các nhân vật, sự kiện trong các câu chuyện,...

Ngoài việc cung cấp thông tin cho học sinh, góc thư viện còn góp phần hình thành, phát triển thói quen đọc sách cho các em, xây dựng nền tảng văn hoá đọc của mỗi người trong suốt cả cuộc đời.

c) Góc cộng đồng và bản đồ cộng đồng

c1) Góc cộng đồng

Góc cộng đồng là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp học, là nơi để các hiện vật, dụng cụ, tranh ảnh,... thể hiện sinh động đời sống vật chất hay tinh thần của cộng đồng địa phương. Góc cộng đồng được hiểu là sự mô tả một cách đơn giản về mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng địa phương, trong đó bao gồm các thông tin về bản đồ cộng đồng, về mùa vụ, sản xuất, kinh doanh, ngành nghề, phong tục tập quán, văn hoá, lễ hội, trang phục đặc sắc, lịch sử, di sản, địa lí, khí hậu thời tiết,... và một số sản vật đặc trưng của địa phương. Góc cộng đồng là hình ảnh thu nhỏ về những đặc điểm riêng biệt của cộng đồng trong phạm vi hẹp hoặc phạm vi rộng hơn nhưng có cùng những đặc điểm chung.

Góc cộng đồng giúp giáo viên, học sinh biết rõ về môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương; thấy được sự gắn gũi, gắn bó giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng; tận dụng những yếu tố tích cực của môi trường địa phương vào nội dung các hoạt động dạy học. Qua đó, giúp các em thuận lợi trong việc áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Giáo viên cần tìm ra những nguồn lực sẵn có về vật chất, con người hoặc ngành nghề thủ công của địa phương để hỗ trợ, liên kết, hợp tác giáo dục với nhà trường. Nhà trường vận động những nghệ nhân, doanh nhân giỏi ở địa phương đến trường để phổ biến cho học sinh những kiến thức, kinh nghiệm kinh doanh,... Từ đó, học sinh tăng thêm niềm tự hào về quê hương, đất nước, con người Việt Nam, mong muốn được duy trì và phát triển các tinh hoa văn hoá, truyền thống của các vùng miền và của quê hương.

Cùng tham gia vào quá trình xây dựng "Góc cộng đồng" có các thành viên trong cộng đồng như chính quyền địa phương, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, ... cùng với cha

mẹ học sinh, học sinh, giáo viên chủ nhiệm lớp và các giáo viên bộ môn. Khi thiết lập góc cộng đồng, giáo viên chủ nhiệm cần tổ chức một cuộc họp, gặp gỡ các thành viên trong cộng đồng để cùng nhau xây dựng góc cộng đồng. Tại cuộc họp này các đại biểu có thể vẽ trên giấy khổ to, hoặc trên tấm vải trắng để mô tả thông tin về mùa vụ, ngành nghề, lễ hội, khí hậu thời tiết,... của địa phương bằng các màu sắc sinh động. Mọi người có thể đóng góp hoặc sưu tầm một số sản phẩm đặc trưng của địa phương để trưng bày tại góc cộng đồng.

Tóm lại, góc cộng đồng giúp nhà trường, giáo viên và học sinh:

- + Biết rõ môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương.
- + Sử dụng các yếu tố tích cực của môi trường vật chất và tinh thần ở địa phương vào trong các hoạt động dạy học tại lớp học.
- + Giúp học sinh áp dụng kiến thức học ở lớp vào thực tiễn cuộc sống ở gia đình và cộng đồng.
- + Tìm ra những nguồn lực sẵn có trong cộng đồng để hỗ trợ nhà trường trong giáo dục học sinh, đặc biệt là những người có ảnh hưởng lớn ở cộng đồng như trưởng bản, già làng, trưởng dòng họ, hội trưởng các hội: phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh, cựu giáo chức,... và các nguồn lực tình nguyện khác.
- + Là nguồn thông tin để học sinh giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại lớp/trường mình.

c2) Bản đồ cộng đồng

Bản đồ cộng đồng là bản đồ của địa phương mà trên đó có sự mô tả một cách đơn giản, bằng hình vẽ trên giấy khổ to hoặc trên một miếng vải, về cộng đồng địa phương. Nổi bật trên bản đồ cộng đồng là vị trí trường học, vị trí nhà ở gia đình của tất cả học sinh trong lớp. Ngoài ra, bản đồ cộng đồng phải thể hiện được những vị trí, địa điểm nổi bật của cơ quan hành chính, những đặc điểm về tự nhiên, văn hoá, xã hội và kinh tế; những di tích lịch sử, di tích văn hóa, công trình khoa học-kỹ thuật... của địa phương thuộc khu vực trường đóng.

Có thể nói, bản đồ cộng đồng là bản vẽ thu nhỏ những đặc điểm cơ bản của cộng đồng - nơi nhà trường đang tồn tại và phát triển. Nó khẳng định cộng đồng và nhà trường luôn tồn tại, gắn bó, hỗ trợ và không thể tách rời.

Bản đồ cộng đồng nhà trường, giáo viên và học sinh:

- + Biết được khoảng cách mà mỗi học sinh phải đi học từ nhà đến trường.

- + Xác định được những thuận lợi và khó khăn khi học sinh đi học.
- + Biết được những địa điểm mà học sinh có thể gặp nguy hiểm để hướng dẫn các em phòng tránh rủi ro.
- + Biết được những địa điểm cần thiết để chỉ dẫn cho học sinh đến khi cần sự trợ giúp hoặc vui chơi.
- + Biết được những địa điểm và cách đi thăm gia đình học sinh.
- + Là nguồn thông tin giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại trường.
- + Giúp học sinh biết tìm đường đến thăm nhà bạn để hỏi bài, vui chơi, đường đến trường an toàn, thuận tiện nhất, đường đến hiệu sách, chợ, uỷ ban nhân dân, đồn công an, bưu điện,...

Bản đồ cộng đồng được treo tại góc cộng đồng, nơi dễ quan sát trong lớp học. Mọi học sinh có thể quan sát và đọc được thông tin trên đó. Khi có khách tham quan lớp học, mỗi bạn đều có thể giới thiệu được về lớp mình, ngôi trường của mình, về địa điểm nhà các bạn trong lớp, về cộng đồng. Nếu có một bạn mới được chuyển về lớp học, bạn ấy sẽ được giới thiệu về bản đồ cộng đồng của lớp, bạn ấy và mọi người trong lớp sẽ xác định xem nhà bạn ấy sẽ được vẽ ở đâu trong bản đồ cộng đồng. Và tất nhiên sẽ có tên của bạn ấy gần hình vẽ ngôi nhà trên bản đồ cộng đồng của lớp. Bạn ấy sẽ rất vui vì sẽ biết ngay đường nào thuận tiện khi đến trường, nhà mình ở gần nhà bạn nào để cùng đi đến trường.

Bản đồ cộng đồng giúp học sinh ý thức được mình là một thành viên của cộng đồng, từ đó ý thức xây dựng và giữ gìn cộng đồng được nâng cao.

Giáo viên có thể sử dụng bản đồ cộng đồng trong các hoạt động giáo dục cho học sinh về quan hệ gia đình, cộng đồng; tình bạn và mối quan tâm đến nhau; sự đoàn kết, chia sẻ, gắn bó giữa những con người, những gia đình trong cùng một cộng đồng; củng cố niềm tự hào về gia đình, cộng đồng, quê hương mình.

Những vấn đề cơ bản về của công cụ hỗ trợ hoạt động học của học sinh tại lớp được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn tổ chức lớp học của mô hình trường học mới.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO

Có nhiều quan niệm khác nhau về Hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nhưng tựu trung lại Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giáo dục, trong đó, từng cá nhân học sinh được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong môi trường nhà trường cũng như môi trường gia đình và xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất nhân cách, các năng lực..., từ đó tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình.

Theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới, các hoạt động giáo dục trong trường THCS gồm: Hoạt động tập thể (sinh hoạt lớp, sinh hoạt trường, sinh hoạt Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, sinh hoạt Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh); hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được tổ chức theo các chủ đề giáo dục; hoạt động giáo dục hướng nghiệp;... được gọi chung là Hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Đối với mô hình trường học mới THCS, vừa chú trọng đến tính trải nghiệm của học sinh trong các bài học, vừa chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới nhằm giúp học sinh có cơ hội trải nghiệm nhiều hơn ở ngoài lớp học, chủ động phối hợp cùng cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương như đoàn, hội, đội để xây dựng một số dự án học tập cộng đồng, gắn nội dung giáo dục trong nhà trường với các hoạt động thường xuyên tại địa phương liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; vệ sinh môi trường; hoạt động văn hóa, văn nghệ; thể dục, thể thao;...

II. SỰ KHÁC NHAU GIỮA MÔN HỌC/HĐGD VÀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO

Đặc trưng	Môn học/HĐGD	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
Mục đích chính	Hình thành và phát triển hệ thống tri thức khoa học, năng lực nhận thức và hành động của học sinh.	Hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực chung cần có ở con người trong xã hội hiện đại.

Đặc trưng	Môn học/HĐGD	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
Nội dung	- Kiến thức khoa học, nội dung gắn với các lĩnh vực chuyên môn. - Được thiết kế thành các phần chương, bài, có mối liên hệ lôgic chặt chẽ hoặc các mô đun tương đối hoàn chỉnh.	- Kiến thức thực tiễn gắn bó với đời sống, địa phương, cộng đồng, đất nước, mang tính tổng hợp nhiều lĩnh vực giáo dục, nhiều môn học; dễ vận dụng vào thực tế. - Được thiết kế thành các chủ điểm mang tính mở, không yêu cầu mối liên hệ chặt chẽ giữa các chủ điểm
Hình thức tổ chức	- Đa dạng, có quy trình chặt chẽ, hạn chế về không gian, thời gian, quy mô và đối tượng tham gia,... - Học sinh ít cơ hội trải nghiệm cá nhân. - Người chỉ đạo, tổ chức hoạt động học tập chủ yếu là giáo viên.	- Đa dạng, phong phú, mềm dẻo, linh hoạt, mở về không gian, thời gian, quy mô, đối tượng và số lượng,... - Học sinh có nhiều cơ hội trải nghiệm cá nhân. - Có nhiều lực lượng tham gia chỉ đạo, tổ chức các hoạt động trải nghiệm với các mức độ khác nhau (giáo viên, cha mẹ học sinh, nhà hoạt động xã hội, chính quyền, doanh nghiệp,...).
Tương tác, phương pháp	- Chủ yếu là thầy - trò. - Thầy chỉ đạo, hướng dẫn, trò hoạt động là chính.	- Đa chiều. - Học sinh tự hoạt động, trải nghiệm là chính.
Kiểm tra, đánh giá	- Nhấn mạnh đến năng lực tư duy. - Theo chuẩn chung. - Thường đánh giá kết quả đạt được bằng điểm số.	- Nhấn mạnh đến kinh nghiệm, năng lực thực hiện, tính trải nghiệm. - Theo những yêu cầu riêng, mang tính cá biệt hoá, phân hoá. - Thường đánh giá kết quả đạt được bằng nhận xét.

III. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS rất đa dạng như: Tham gia các dự án cộng đồng; Tham quan, dã ngoại; Hội thi/cuộc thi; Câu

lạc bộ; Các trò chơi; Tổ chức diễn đàn; Sân khấu tương tác; Hoạt động giao lưu; Hoạt động chiến dịch; Hoạt động nhân đạo; Hoạt động tình nguyện; Lao động công ích; Sinh hoạt tập thể....

Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có tài liệu hướng dẫn riêng về tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS.

Đ. ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ

Đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới THCS được hiểu là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của học sinh THCS nhằm mục đích giúp:

1. Học sinh tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của học sinh trong quá trình giáo dục.

2. Giáo viên rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động dạy học và giáo dục ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học và giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi học sinh để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh.

3. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp có căn cứ để kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

4. Cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ học sinh), cộng đồng quan tâm và tham gia nhận xét, góp ý quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.

II. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá phải hướng tới sự phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ và các biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh dựa trên mục tiêu giáo dục THCS; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập.
2. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập (sau đây gọi chung là sản phẩm học tập); kết hợp đánh giá trong quá trình dạy học, giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học. Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh, đánh giá của cha mẹ học sinh và cộng đồng.
3. Coi trọng đánh giá sự tiến bộ của mỗi học sinh, không so sánh học sinh này với học sinh khác; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự hứng thú, tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy năng khiếu cá nhân; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.
4. Việc đánh giá học sinh khuyết tật học hòa nhập phải bảo đảm quyền được chăm sóc và giáo dục đối với tất cả học sinh theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính.

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục THCS theo từng môn học và hoạt động giáo dục.
2. Đánh giá sự hình thành và phát triển một số phẩm chất của học sinh.

Việc đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu về phẩm chất và năng lực chung của học sinh cấp THCS được thực hiện thông qua nhận xét các biểu hiện chủ yếu của các thành tố trong từng phẩm chất và năng lực. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ hướng dẫn cụ thể về các biểu hiện chủ yếu của các thành tố trong từng phẩm chất và năng lực của học sinh.

IV. ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYỀN VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ

1. Đánh giá thường xuyên

1.1. Đánh giá thường xuyên là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện, của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

1.2. Tham gia đánh giá thường xuyên gồm có: giáo viên, học sinh (tự rút kinh nghiệm và nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp); khuyến khích cha mẹ học sinh và cộng đồng tham gia nhận xét, góp ý cho học sinh, giáo viên, các hoạt động giáo dục của nhà trường.

1.2.1. Giáo viên đánh giá

a) Đánh giá quá trình học tập của học sinh

Trong quá trình dạy học, căn cứ vào đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động trong bài học, giáo viên tiến hành một số việc như sau:

- Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh/nhóm học sinh theo tiến trình dạy học; quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của học sinh để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ học sinh vượt qua khó khăn. Chấp nhận sự khác nhau về thời gian và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các học sinh; những học sinh hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn tiến độ chung thì được giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc giúp đỡ bạn. Hằng tuần, giáo viên lưu ý đến những học sinh có nhiệm vụ chưa hoàn thành, giúp đỡ kịp thời để học sinh biết cách hoàn thành nhiệm vụ.

- Nếu có nhận xét đặc biệt, giáo viên ghi vào phiếu, vở, sản phẩm học tập... của học sinh về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được, mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức, mức độ thành thạo các thao tác, kỹ năng cần thiết...

b) Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh

Giáo viên quan sát các biểu hiện trong quá trình học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động tập thể để nhận xét sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học sinh; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn; phát huy ưu điểm và các phẩm chất, năng lực riêng; điều chỉnh hoạt động, ứng xử để tiến bộ.

c) Lưu ý

Giáo viên không đánh giá bằng cho điểm mà đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả học tập của học sinh; chủ yếu dùng lời nói để động viên, góp ý, hướng dẫn học

sinh, đồng thời ghi lại những nhận xét đáng chú ý nhất vào "Sổ tay lên lớp" như: những kết quả học sinh đã đạt được hoặc chưa đạt được; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; những biện pháp đã áp dụng và những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc nhóm học sinh trong học tập, rèn luyện.

Để đạt hiệu quả cao trong việc động viên, khích lệ học sinh, giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lý, hoàn cảnh riêng... của từng học sinh để có những nhận xét thỏa đáng; biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ giúp học sinh tự tin vươn lên; tuyệt đối tránh những nhận xét có tính xúc phạm, làm tổn thương tâm lý học sinh.

Giáo viên kịp thời trao đổi với cha mẹ học sinh và những người có trách nhiệm để có thêm thông tin và phối hợp giúp cho sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

Hàng tháng, đối với những học sinh cần được quan tâm, giáo viên ghi nhận xét vào "Sổ tay lên lớp" của giáo viên về thành tích hoặc hạn chế nổi bật trong học tập và rèn luyện; các biểu hiện của phẩm chất, năng lực; dự kiến áp dụng biện pháp cụ thể, riêng biệt nhằm bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ kịp thời những học sinh chưa hoàn thành nội dung học tập môn học và hoạt động giáo dục trong tháng.

1.2.2. Học sinh tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn

- Học sinh tự rút kinh nghiệm ngay trong quá trình hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục khác; trao đổi với giáo viên để được góp ý, hướng dẫn.

- Học sinh tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và hoạt động giáo dục; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

1.2.3. Cha mẹ học sinh tham gia đánh giá

Cha mẹ học sinh được khuyến khích phối hợp với giáo viên và nhà trường động viên, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện; được giáo viên hướng dẫn tham dự, quan sát, hỗ trợ các hoạt động của học sinh; trao đổi với giáo viên bằng các hình thức phù hợp như lời nói, viết thư... về các nhận xét, các biện pháp giúp đỡ học sinh.

2. Đánh giá định kỳ kết quả học tập cuối học kì I và cuối năm học

2.1. Các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học được đánh giá qua bài kiểm tra định kỳ với thời lượng 90 phút.

Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc/và trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu:

- *Nhận biết*: học sinh nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học khi được yêu cầu.

- *Thông hiểu*: học sinh diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải thích, so sánh; áp dụng trực tiếp (làm theo mẫu) kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập.

- *Vận dụng*: học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học.

- *Vận dụng cao*: học sinh vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

Tỷ lệ số câu hỏi, bài tập thuộc các phân môn trong bài kiểm tra đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Công nghệ, Tin học phù hợp với nội dung phân môn đã học tính đến thời điểm kiểm tra.

Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh ở từng học kỳ và từng khối lớp, giáo viên và nhà trường xác định tỷ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỷ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

Đánh giá qua bài kiểm tra định kì được lượng hóa bằng điểm số theo thang điểm 10 hoặc quy đổi về thang điểm 10, kết hợp với nhận xét những ưu điểm, hạn chế và sửa lỗi, góp ý cho học sinh. Nội dung nhận xét phải thỏa đáng, phù hợp với điều kiện học tập, sự tiến bộ, đặc điểm tâm lý học sinh; tránh những nhận xét chung chung, theo mẫu hay những nhận xét mang tính xúc phạm làm tổn thương tâm lý học sinh.

Đối với học sinh có kết quả bài kiểm tra định kì không phù hợp với những nhận xét trong quá trình học tập (quá trình học tập tốt nhưng kết quả kiểm tra quá kém hoặc ngược lại), giáo viên cần tìm hiểu rõ nguyên nhân, nếu thấy cần thiết và hợp lí thì có thể cho học sinh kiểm tra lại.

2.2. Đối với môn Tiếng Anh: ngoài những quy định trên, thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục)

Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả bài kiểm tra định kỳ theo hai mức:

a) Đạt yêu cầu: Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau:

- Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra;

- Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.

b) Chưa đạt yêu cầu: Các trường hợp còn lại.

V. TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ VÀ XÉT KHEN THƯỞNG

1. Vào cuối học kì I và cuối năm học, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên bộ môn để đánh giá tổng hợp từng học sinh:

1.1. Nhận xét quá trình và kết quả học tập từng môn học/hoạt động giáo dục: những đặc điểm nổi bật, sự tiến bộ, hạn chế, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập theo chuẩn kiến thức, kĩ năng; năng khiếu, hứng thú về từng môn học/hoạt động giáo dục; những nội dung học tập chưa hoàn thành (nếu có). Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Hoàn thành" hoặc "Có nội dung chưa hoàn thành".

1.2. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của năng lực để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm năng lực của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Còn hạn chế".

1.3. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của phẩm chất để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm phẩm chất của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Cần rèn luyện thêm".

1.4. Xét khen thưởng học sinh

Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn tập thể học sinh bình bầu những học sinh đạt thành tích nổi bật hay có tiến bộ vượt bậc trong các nội dung đánh giá, đạt thành tích nổi bật trong các phong trào thi đua và các cuộc thi; tham khảo ý kiến của giáo viên bộ

môn và cha mẹ học sinh; tổng hợp và lập danh sách đề nghị hiệu trưởng tặng giấy khen hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Học sinh có thành tích đột xuất có thể được xét khen thưởng đột xuất hoặc khen thưởng cuối học kỳ, cuối năm học.

Nội dung, số lượng học sinh được khen thưởng, tuyên dương do hiệu trưởng quyết định.

1.5. Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập, nếu khả năng của học sinh có thể đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung thì được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung thì được đánh giá theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc đánh giá học sinh khuyết tật phải dựa trên sự nỗ lực và tiến bộ của học sinh.

2. Giáo viên chủ nhiệm ghi nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá vào học bạ, phản ánh được mức độ hoàn thành chương trình và xác định những nhiệm vụ, những điều cần khắc phục, giúp đỡ đối với từng học sinh khi bắt đầu vào học kì II hoặc bắt đầu năm học mới.

VI. HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ

1. Hồ sơ đánh giá được coi là minh chứng cho quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh; là phương tiện giúp cho việc thông tin nhằm tăng cường sự phối hợp giáo dục học sinh giữa giáo viên, nhà trường với cha mẹ học sinh.

2. Hồ sơ đánh giá theo năm học của mỗi học sinh gồm:

- a) Học bạ (hoặc Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật);
- b) Bài kiểm tra định kì cuối học kì I và cuối năm học;
- c) Các nhận xét về thành tích nổi bật hoặc những điều cần lưu ý trong học tập và rèn luyện của học sinh (trích từ "Sổ tay lên lớp" của giáo viên).
- d) Các sản phẩm học tập khác như: Bài dự thi, Dự án dự thi khoa học, kĩ thuật đã đoạt giải,... (nếu có);
- đ) Phiếu hoặc sổ liên lạc trao đổi ý kiến của cha mẹ học sinh (nếu có);
- e) Giấy chứng nhận, giấy khen, huy chương,... xác nhận thành tích của học sinh trong năm học (nếu có).

3. Khuyến khích giáo viên, nhà trường sử dụng máy tính (với phần mềm chuyên dụng hoặc các phần mềm thông dụng như word, excel...) để ghi chép và lưu trữ hồ sơ đánh giá học sinh. Cuối mỗi năm học hoặc khi cần thiết, hồ sơ đánh giá học sinh được in ra để giáo viên và lãnh đạo nhà trường kí tên, đóng dấu và lưu giữ tại nhà trường.

4. Đối với học sinh chuyển đi khỏi lớp trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh hoàn thiện theo hướng dẫn này được nộp vào cơ sở giáo dục mới và kết hợp với hồ sơ ở trường mới. Đối với học sinh chuyển đến lớp trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh gồm hồ sơ học tại trường cũ (cập nhật đến thời điểm chuyển đến) và hồ sơ đánh giá thực hiện theo hướng dẫn này.

VII. SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Xét hoàn thành chương trình lớp học: Học sinh được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Điểm các bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ - Tin học ứng dụng; điểm trung bình cả năm môn Tiếng Anh: Đạt 5 điểm trở lên. Kết quả đánh giá định kì hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục): Đạt yêu cầu.

- Tổng hợp đánh giá cuối năm học đối với tất cả các môn học, hoạt động giáo dục: Hoàn thành; Mức độ hình thành và phát triển năng lực: Đạt; Mức độ hình thành và phát triển phẩm chất: Đạt.

2. Đối với học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, hiệu trưởng phân công giáo viên lập kế hoạch, trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ từng học sinh; đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học vào đầu năm học mới.

3. Đối với những học sinh đã được giáo viên trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ mà vẫn chưa đạt một trong các điều kiện quy định tại điểm 1 mục này, tùy theo mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục, bài kiểm tra định kì, mức độ hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất, giáo viên lập danh sách báo cáo hiệu trưởng xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp.

Đối với những học sinh có nội dung chưa hoàn thành trong kết quả học tập, cần rèn luyện thêm về phẩm chất hoặc còn hạn chế về năng lực thì vào đầu năm học mới được bàn giao cho giáo viên lớp mới để được tiếp tục giúp đỡ tiến bộ.

4. Kết quả xét hoàn thành chương trình lớp học được ghi vào học bạ.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Trách nhiệm của hiệu trưởng

1.1. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá học sinh; khen thưởng học sinh; báo cáo kết quả thực hiện về phòng Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh; xét hoàn thành chương trình lớp học, cấp học; xét lên lớp; duyệt kết quả đánh giá học sinh cuối năm học; quản lí học bạ trong thời gian học sinh học ở trường.

1.3. Tiếp nhận, giải quyết ý kiến thắc mắc, đề nghị của học sinh, cha mẹ học sinh về nhận xét, đánh giá, khen thưởng theo phạm vi và quyền hạn của hiệu trưởng.

1.4. Hướng dẫn giáo viên sử dụng mẫu học bạ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trách nhiệm của giáo viên

2.1. Giáo viên chủ nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm chính, phối hợp giáo viên bộ môn trong việc đánh giá kết quả học tập, phẩm chất, năng lực của học sinh; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định; tổng hợp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh;

b) Có trách nhiệm thông báo đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh cho cha mẹ học sinh cuối học kì I, cuối năm học hoặc khi được yêu cầu; không thông báo trước lớp và trong cuộc họp cha mẹ học sinh những điểm còn hạn chế của học sinh; duy trì mối liên hệ với cha mẹ học sinh để phối hợp giáo dục học sinh.

2.2. Giáo viên bộ môn:

a) Chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh đối với môn học/hoạt động giáo dục theo quy định;

b) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy cùng lớp, cha mẹ học sinh lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện đối với môn học và hoạt động giáo dục;

c) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh, hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh.

E. TỔ CHỨC SINH HOẠT CHUYÊN MÔN VÀ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRÊN MẠNG “TRƯỜNG HỌC KẾT NỐI”

I. TỔ CHỨC SINH HOẠT CHUYÊN MÔN

1. Mục tiêu sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới

Sinh hoạt chuyên môn là hoạt động thường xuyên của nhà trường và là một trong những hình thức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực sư phạm cho giáo viên, giúp giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, hình thức và phương pháp dạy học cho phù hợp với từng đối tượng học sinh của lớp/trường mình.

Sinh hoạt chuyên môn ở các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới được thực hiện tại trường và cụm trường. Mục tiêu của sinh hoạt chuyên môn nhằm:

1. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên.
2. Đổi mới nhận thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng dạy học tích cực, hướng vào hoạt động học của học sinh, góp phần phát triển năng lực cho mọi học sinh.
3. Giúp giáo viên nắm vững quan điểm, phương pháp, kỹ thuật dạy học, chủ động điều chỉnh tài liệu Hướng dẫn học cho phù hợp với đối tượng học sinh, vùng miền và quá trình tổ chức hoạt động học tập.
4. Xây dựng và phát triển quan hệ đồng nghiệp thân thiện, tôn trọng theo hướng hợp tác, hỗ trợ và dân chủ; đảm bảo cơ hội phát triển chuyên môn cho mọi giáo viên.
5. Phát triển quan hệ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng, đảm bảo cơ hội cho gia đình và cộng đồng tham gia vào quá trình học tập của học sinh.

2. Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới

Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở theo mô hình trường học mới bao gồm sinh hoạt chuyên môn thường xuyên và sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề.

2.1. Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên

Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên được tổ chức định kỳ 2 lần/tháng theo điều lệ nhà trường, theo định hướng sau:

- Thảo luận các nội dung chuyên môn có liên quan giữa hai lần sinh hoạt chuyên môn định kỳ. Nội dung sinh hoạt chuyên môn phải cụ thể, thiết thực và do chính giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đề xuất, thống nhất và quyết tâm thực hiện;

- Thảo luận các bài sắp dạy trong tài liệu Hướng dẫn học; thống nhất những nội dung điều chỉnh tài liệu, làm cho tài liệu dạy học phù hợp với đặc điểm của học sinh, phù hợp với địa phương; nâng cao năng lực sư phạm, năng lực nghề nghiệp cho giáo viên; hoàn thiện tài liệu thử nghiệm.

- Thảo luận và thực hiện sắp xếp các dụng cụ học tập (có sẵn/tự làm) để bổ sung hoặc thay thế các dụng cụ học tập trong góc học tập và góc cộng đồng;

- Trao đổi kinh nghiệm tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động tự quản của học sinh;

- Trao đổi kinh nghiệm đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh;

- Các hoạt động hành chính khác trong nội dung hoạt động của tổ chuyên môn được tiến hành theo quy định của điều lệ nhà trường.

2.2. Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề được tổ chức theo kế hoạch của tháng, học kỳ hoặc cả năm, bao gồm các nội dung:

+ Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị bài dạy; tổ chức dạy học và dự giờ; phân tích thảo luận và đánh giá bài dạy minh họa của giáo viên theo hướng phân tích hoạt động học tập của học sinh; cùng suy ngẫm và vận dụng để hướng dẫn hoạt động học của học sinh...

+ Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh; thảo luận và biên soạn các phiếu đánh giá, hồ sơ kiểm tra đánh giá học sinh;

+ Tổ chức tham quan, tìm hiểu thực tế dạy học tại các trường trên phạm vi huyện, tỉnh, cả nước;

+ Tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể về các chủ đề liên quan tới chuyên môn, nghiệp vụ,...

- Quy trình triển khai sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề:

Để tổ chức một hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề có hiệu quả, cần phải thiết kế được các hoạt động một cách khoa học. Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc đối với việc xây dựng kế hoạch dạy học trước khi lên lớp. Cụ thể, yêu cầu thiết kế một hoạt động gồm các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

- Các buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề cần có công tác chuẩn bị và phân công rõ ràng công việc cho các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn:

- + Dự kiến nội dung công việc, hình dung được tiến trình hoạt động.
- + Dự kiến những phương tiện cần thiết cho hoạt động.
- + Dự kiến nhiệm vụ cho từng đối tượng, thời gian hoàn thành nhiệm vụ.

- Tổ trưởng/nhóm trưởng dự kiến những việc sẽ làm để thể hiện sự tương tác tích cực các thành viên trong tổ/nhóm. Để làm được việc này đòi hỏi mỗi giáo viên và tổ trưởng chuyên môn phải có kỹ năng làm việc nhóm.

Bước 2: Điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Lựa chọn thời gian và tiến hành đúng theo thời gian đã chọn.

- Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề: nêu rõ mục tiêu buổi sinh hoạt, công bố chương trình, cách triển khai, định hướng thảo luận; nêu rõ nguyên tắc làm việc.

- Các thành viên báo cáo nội dung chủ đề đã được phân công.

- Tổ trưởng chuyên môn tổ chức cho các thành viên thảo luận, phát biểu ý kiến; chia nhỏ vấn đề thảo luận bằng việc sử dụng những câu hỏi dẫn dắt hợp lý; lắng nghe, tôn trọng các ý kiến phát biểu.

Bước 3. Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề, tổ trưởng chuyên môn phải đưa ra được các kết luận cần thiết, phương hướng triển khai vận dụng kết quả của buổi sinh hoạt đó trong thực tế giảng dạy.

- Đối với các trường qui mô nhỏ, giáo viên mỗi bộ môn ít, nên đẩy mạnh hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề với qui mô cụm trường để trao đổi học thuật, nâng cao năng lực chuyên môn theo yêu cầu.

Như vậy, sinh hoạt chuyên môn trong mô hình trường học mới gắn với quá trình giáo viên hướng dẫn học sinh học tập, giúp giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, tìm phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia vào quá trình học tập để nâng cao chất lượng dạy học.

Sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở theo mô hình trường học mới, giáo viên tập trung phân tích các vấn đề liên quan đến người học, như: Học sinh học như thế nào? Học sinh đang gặp khó khăn gì trong học tập? Nội dung và phương pháp dạy học có phù hợp, có gây hứng thú cho học sinh không? Kết quả học tập của học sinh có được cải thiện không? Cần điều chỉnh điều gì và điều chỉnh như thế nào?...

Trong dự giờ sinh hoạt chuyên môn, người dự không tập trung vào quan sát việc giảng dạy của giáo viên để đánh giá, xếp loại giờ học mà quan sát việc học tập của học sinh, ghi lại những minh chứng để giúp giáo viên tìm ra nguyên nhân tại sao học sinh học chưa đạt kết quả như mong muốn, nhất là những học sinh có khó khăn về học tập. Từ đó, giúp giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia vào quá trình học tập để nâng cao chất lượng dạy học.

3. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

3.1. Khái niệm sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường (còn gọi là sinh hoạt chuyên môn liên trường) là hình thức tập trung giáo viên, cán bộ quản lý của các trường có khoảng cách địa lý giữa các trường THCS không quá xa, tới một trường THCS để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn về nội dung, phương pháp và hình thức dạy học, đánh giá học sinh và công tác quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường có mức độ cao hơn, rộng hơn so với nội dung sinh hoạt chuyên môn định kỳ tại các trường. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường đề cập tới các vấn đề mang tính tổng kết, đánh giá của các trường; những vấn đề đặt ra đòi hỏi phải có sự phối hợp, tháo gỡ từ nhiều giáo viên, từ nhiều trường học hoặc từ các giáo viên cốt cán, chuyên gia giáo dục giỏi ở địa phương và trung ương.

Cơ chế sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường là tự nguyện, do các trường đứng ra tự tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ có tính thiết thực, mang lại lợi ích cho chính bản thân các trường cùng tham gia sinh hoạt. Thời gian, địa điểm, chi phí và nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường trong cụm thỏa thuận và thống nhất trong kế hoạch hành động. Tuy nhiên, do tính chất và tác dụng của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, các sở/phòng giáo dục và đào tạo có thể quan tâm hướng dẫn, coi đó là biện pháp hiệu quả để bồi dưỡng cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; đồng thời có thể khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ thường xuyên, mọi mặt cho sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

3.2. Tác dụng của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường mang lại tác dụng trên nhiều mặt:

- Tạo nên mạng lưới bồi dưỡng giáo viên năng động và hiệu quả, sát với nhu cầu của giáo viên và yêu cầu của các trường trong cụm.
- Xây dựng được đội ngũ giáo viên cốt cán có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cho các trường trong từng khu vực và cả địa phương.
- Tạo nên sự gắn kết giữa đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giữa các trường có điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa tương đồng...

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường là một hoạt động tăng cường khả năng phát triển chuyên môn của giáo viên, có tác động trực tiếp đến việc dạy học và công tác quản lý giáo dục của các trường trong cụm, đồng thời khuyến khích giáo viên nhìn lại quá trình dạy học và tự đánh giá về năng lực nghề nghiệp của mình. Thông qua nghiên cứu sáng kiến và khoa học sư phạm ứng dụng, giáo viên được bồi dưỡng, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề và đưa ra các quyết định về chuyên môn một cách chính xác, thiết thực; đổi mới tư duy của giáo viên theo yêu cầu của mô hình trường học mới. Trong thực tế, chính giáo viên đã đưa ra giải pháp có thể tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, luân phiên tại các điểm trường để mọi giáo viên có cơ hội hiểu biết, chia sẻ kinh nghiệm, cán bộ quản lý có cơ hội nắm bắt hiểu biết sâu hơn tình hình chất lượng, những khó khăn của giáo viên và học sinh tại các điểm trường để có kế hoạch hỗ trợ...

3.3. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

a) Báo cáo toàn diện hay một vấn đề đặc trưng của mỗi trường về kết quả triển khai mô hình trường học mới cấp THCS

Nội dung báo cáo bao gồm:

- Những ứng dụng có được trong quá trình giảng dạy qua hoạt động của hội đồng tự quản học sinh, qua các không gian và tài liệu học tập như: góc học tập, góc cộng đồng, thư viện lớp học và bản đồ cộng đồng vào môn học và hoạt động giáo dục đã thực hiện trong thời gian vừa qua.
- Những ví dụ thực tế, những bài học kinh nghiệm về sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong thời gian vừa qua.
- Tổ chức và điều hành nhóm học tập.
- Chia sẻ kinh nghiệm quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình học tập; kỹ thuật ghi chép để đánh giá quá trình học tập của học sinh.

- Chia sẻ các biện pháp hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong quá trình học tập; những kinh nghiệm trong việc đánh giá sản phẩm học tập của học sinh...

b) Báo cáo kết quả nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

Các sáng kiến kinh nghiệm hay đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng chủ yếu đề cập đến việc điều chỉnh nội dung trong tài liệu Hướng dẫn học và hướng dẫn hoạt động giáo dục hoặc những chủ đề chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm liên quan trực tiếp tới mô hình trường học mới. Nội dung các báo cáo được viết dưới dạng một đề tài về nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm hoặc đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, có thể cấu trúc theo ba phần cơ bản sau:

- *Trải nghiệm qua dạy học*: Qua thực tế dạy học, giáo viên quan sát, tìm hiểu học sinh và đặt các câu hỏi:

- + Vì sao hoạt động/nội dung này không thu hút học sinh tham gia?
- + Vì sao kết quả học tập của học sinh sụt giảm khi thực hiện hoạt động hai học nội dung này?
- + Kỹ thuật/phương pháp này có nâng cao kết quả học tập của học sinh không?
- + Có cách nào tốt hơn để thay đổi nhận thức của cha mẹ học sinh về giáo dục trong nhà trường không?

Từ đó, xác định nguyên nhân gây ra thực trạng và chọn một hoặc vài nguyên nhân để tiến hành nghiên cứu, tìm sáng kiến để tác động thay đổi thực trạng.

- *Thử nghiệm trực tiếp tại các trường*: Thử nghiệm sáng kiến, giải pháp thay thế trong lớp/trường học.

- *Kiểm chứng kết quả sáng kiến trong quá trình thực tế dạy học*: Tìm xem sáng kiến, giải pháp thay thế có hiệu quả hay không và hiệu quả được khẳng định qua những minh chứng cụ thể nào.

Việc thực hiện theo cấu trúc ba phần cơ bản trên giúp giáo viên phát hiện được các vấn đề mới, làm cho bài học của thầy và trò cuốn hút và hiệu quả hơn. Các sáng kiến, giải pháp do chính giáo viên nghiên cứu và được điều chỉnh từ mô hình trường học mới hoặc có thể từ mô hình nhà trường truyền thống. Không nên chọn những nội dung để nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm hay đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng mà không liên quan trực tiếp đến quá trình dạy học hàng ngày của giáo viên.

c) Tham quan lớp học kiểu mẫu của mô hình trường học mới

Chọn lớp tốt nhất, thành công nhất ở địa điểm tổ chức sinh hoạt cụm trường để các đại biểu tới sinh hoạt chuyên môn được tham quan trải nghiệm thực tế. Nên dành thời gian để giáo viên chia sẻ với nhau về những khó khăn tương tự, trao đổi ý tưởng, thực hành và trải nghiệm, áp dụng những cách tiếp cận mới, từ đó thấy được những thành công và khả năng tồn tại khác.

Các đại biểu cũng được giới thiệu và tìm hiểu cách làm các công cụ hỗ trợ học tập, các thiết bị và đồ dùng dạy học do giáo viên, học sinh và cộng đồng tự làm bằng nguyên vật liệu được dùng lại hoặc sẵn có ở địa phương.

Các đại biểu cũng có thể gặp đại diện cha mẹ học sinh, cộng đồng để trao đổi cách làm, cách học từ cuộc sống hằng ngày tại cộng đồng. Ngược lại, cộng đồng cũng báo cáo học được gì từ nhà trường và đã thay đổi gia đình và cộng đồng như thế nào.

d) Chuẩn bị kế hoạch cho lần tổ chức sinh hoạt tiếp theo

Việc xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường cho lần tổ chức sinh hoạt tiếp theo là quan trọng và cần thiết. Các trường trong cụm cần thống nhất được những nội dung cụ thể cho lần sinh hoạt tiếp theo và có kế hoạch chuẩn bị; phân công hết sức cụ thể cho từng tập thể, cá nhân chuẩn bị các nội dung liên quan và các điều kiện cần thiết để lần sinh hoạt cụm tiếp theo đem lại hiệu quả cao.

Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường phải luôn luôn khả thi vì các hoạt động của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường tự xây dựng theo yêu cầu, mục đích thiết thực và phải đem lại lợi ích cụ thể cho từng trường. Do vị trí địa lý của các trường tham gia sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường gần nhau nên giáo viên và cán bộ quản lý có thể đi lại bằng phương tiện cá nhân, tiết kiệm được thời gian lưu trú khi tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn.

II. THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRÊN "TRƯỜNG HỌC KẾT NỐI"

1. Hướng dẫn sử dụng "Nghị vụ trường học"

1.1. Tài khoản cấp trường

Tóm tắt Hướng dẫn Tài khoản cấp trường:

Bước 1: Đăng nhập

Bước 2: Khai báo thông tin trường

Trong “**Không gian trường học**”, chọn “**Khai báo thông tin chung**”.

Khai báo Tên trường, địa chỉ trường.

Ấn nút “**Đồng ý**” để xác định khai báo.

Bước 3: Khai báo thông tin cá nhân TK trường

Đổi mật khẩu.

Đổi tên tài khoản.

Khai báo thông tin.

Upload ảnh đại diện của trường.

Bước 4: Quản lý giáo viên

Bước 5: Quản lý lớp học

Bước 6: Quản lý học sinh

Bước 7: Phân công giảng dạy và sắp xếp thời khóa biểu

Bước 8: Theo dõi hoạt động Sinh hoạt chuyên môn

a) Khai báo thông tin chung



LƯU Ý QUAN TRỌNG: Lần đăng nhập đầu tiên, trường phổ thông phải khai báo để khởi tạo không gian riêng trong mục “**Khai báo thông tin chung**”.

KHAİ BÁO THÔNG TIN KHỞI TẠO CỦA TRƯỜNG	
Tên trường	THPT Hai Bà Trưng
Tỉnh/thành phố	Hà Nội
Quận/huyện	Hai Bà Trưng
Số nhà, đường phố, xã	254 - Minh Khai <i>*Lưu ý: Chỉ nhập số nhà, đường phố, xã.</i>
Địa chỉ	254 - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Đồng ý	

Trong trang này, phải khai báo đầy đủ thông tin: Loại trường (THPT/THCS), Tên trường (Ví dụ: Hai Bà Trưng), Địa chỉ của trường,...

Sau khi khai báo thông tin của trường, nếu phát hiện sai sót, có thể chỉnh sửa lại bằng cách chọn nút “**Chỉnh sửa**”.

KHAİ BÁO THÔNG TIN	
Mã trường:	THA.98.00001
Tên trường:	THPT Toàn học
Địa chỉ:	136 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội
Chỉnh sửa Trở lại	

b) Quản lý giáo viên

- Quản lý danh sách giáo viên:

Để truy cập không gian quản lý giáo viên, quý thầy/cô chọn nút “**Quản lý giáo viên**” trên thanh menu ngang.

Danh sách thông tin giáo viên của nhà trường sẽ hiện ra bao gồm các thông tin khai báo của giáo viên như họ tên, học hàm, học vị, ngày sinh, chuyên môn, chức vụ, địa chỉ, thông tin liên lạc...

Có thể chọn nút “**Xem lịch dạy**” tương ứng với mỗi giáo viên để xem thời khóa biểu do nhà trường phân công giảng dạy cho giáo viên đó (tính năng này sẽ được trình bày cụ thể hơn ở mục 3.4.).

- Tạo tài khoản cho giáo viên:

Để tạo tài khoản cho giáo viên, chọn nút “**Tạo TK GV**” trong không gian quản lý giáo viên.



Hai mục “**Tài khoản**” và “**Mật khẩu**” có dữ liệu do hệ thống tự động sinh ra, người dùng **KHÔNG** có quyền sửa chữa trực tiếp hai mục này. Tuy nhiên, người dùng có thể yêu cầu thay đổi một chuỗi mật khẩu khác bằng cách kích chuột vào “**Sinh mật khẩu**”.

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Trước khi kích chuột vào nút “**Đồng ý**”, người dùng cần copy dữ liệu ở hai mục này lại trước để gửi cho giáo viên. Nếu không thực hiện bước copy này, người dùng sẽ không thể nhớ được dữ liệu của tài khoản vừa được tạo ra. Tuy nhiên, trong trường hợp người dùng quên không thực hiện thao tác này thì có thể sử dụng tính năng sẽ được trình bày ở dưới đây để khắc phục.

Người dùng cần lưu ý số hạn ngạch tài khoản giáo viên do Sở GD&ĐT cấp cho mỗi trường, nếu số tài khoản còn lại là 0, hãy liên lạc với quản trị cấp Sở để được tăng số hạn ngạch.

Sau khi ấn nút “**Đồng ý**”, hệ thống sẽ tạo ra một tài khoản mới (ví dụ trong trường hợp này là tài khoản có tên truy cập **GV.00109.020** với mật khẩu truy cập **JgC8oxNd**).

- Đổi mật khẩu cho giáo viên:

Trường hợp khi tạo tài khoản giáo viên không lưu lại thông tin khởi tạo (đặc biệt là mật khẩu truy cập) hoặc trong quá trình sử dụng, giáo viên quên mật khẩu truy cập, quản

trị nhà trường có thể cấp lại một mật khẩu truy cập mới cho giáo viên bằng cách chọn **“Đổi mật khẩu”** tương ứng với giáo viên trong danh sách giáo viên của trường.

Khung thay đổi mật khẩu sẽ hiện ra bên dưới tương ứng với giáo viên.

1	 Th.S. Nguyễn Xuân Trung (Xem lịch dạy)	Mã GV: GV.00109.001 Giới tính: <i>Nam</i> Ngày sinh: <i>01/12/1976</i> Chuyên môn: <i>Vật lý</i> Chức vụ: <i>Phó Hiệu trưởng</i>	Điện thoại: 0913568506 Email: trungthptbnd@gmail.com Địa chỉ: Xóm 35 - Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định	Đổi mật khẩu	Xóa
Mật khẩu mới: EGOrmus6 Sinh mật khẩu Đổi mật khẩu					

Hãy lưu lại mật khẩu trong khung trắng để gửi lại cho giáo viên.

LƯU Ý: mật khẩu hiển thị ở đây là một chuỗi mật khẩu **HOÀN TOÀN MỚI** chứ không phải mật khẩu cũ của tài khoản giáo viên.

Có thể yêu cầu một chuỗi mật khẩu mới nếu chuỗi hiện tại có các kí tự dễ nhầm lẫn bằng cách chọn nút **“Sinh mật khẩu”**.

Cuối cùng, hãy ấn vào nút **“Đổi mật khẩu”** để xác nhận thay đổi mật khẩu cho tài khoản giáo viên đó.

- Xóa tài khoản giáo viên:

Để xóa tài khoản giáo viên không dùng tới, chọn nút **“Xóa”** tương ứng với giáo viên trong danh sách giáo viên.

Sau khi xóa, tài khoản giáo viên đó sẽ không thể truy cập được nữa.

Trong trường hợp xóa nhầm tài khoản giáo viên, chúng ta có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa như trình bày dưới đây.

- Khôi phục tài khoản giáo viên:

Để khôi phục lại các tài khoản giáo viên đã bị xóa, chọn mục **“Khôi phục GV”** trong không gian quản lý giáo viên. Danh sách tài khoản giáo viên đã bị xóa trong vòng 10 ngày trở lại sẽ hiện lên. Chọn nút **“Khôi phục”** tương ứng với giáo viên để khôi phục lại tài khoản. Sau khi được khôi phục, tài khoản giáo viên đó sẽ có thể truy cập và sử dụng lại bình thường.

c) Quản lý lớp học

Để truy cập không gian **“Quản lý lớp học”**, chọn mục **“Quản lý lớp học”** trên thanh menu ngang.

- Tạo lớp học mới:

Chọn nút “**Tạo lớp học**” để vào không gian tạo một lớp học mới.

Điền các thông tin cơ bản của lớp học:

Tên lớp: ví dụ, muốn tạo lớp 12A5, chọn lớp 12 và gõ A5 vào ô bên cạnh.

Mô tả: mô tả chung về lớp học (sĩ số, thành tích lớp học,...).

Hình ảnh minh họa: hình ảnh hiển thị cho lớp học (có thể là hình ảnh tập thể của lớp).

Số học sinh: sĩ số của lớp học.

Giáo viên chủ nhiệm: lựa chọn giáo viên chủ nhiệm cho lớp học trong số giáo viên trong trường.

Lựa chọn lớp học theo trường học mới (nếu cần). Lưu ý: chỉ có những trường thí điểm theo mô hình trường học mới mới có tính năng này. Các lớp học trường học mới sẽ có không gian quản trị điểm số khác so với các lớp học thường.

Cuối cùng, chọn nút “**Đồng ý**” để tạo một lớp học mới.

- Tạo tài khoản học sinh theo đơn vị lớp:

Sau khi tạo lớp học thành công, lớp học mới sẽ hiển thị trong danh sách ở mục “**Quản lý lớp học**”.

11	12A5	TS. Phạm Đức Đồng (Toán)	Chi tiết	32	Tạo tài khoản HS	Sửa	Xóa
----	------	--------------------------	----------	----	------------------	-----	-----

Để tạo tài khoản cho học sinh theo đơn vị lớp, chọn nút “**Tạo tài khoản học sinh**” tương ứng với lớp học.

Sau khi tạo thành công, các file định dạng excel và pdf chứa danh sách tài khoản và mật khẩu sẽ hiện ra tương ứng với lớp học.

11	12A5	TS. Phạm Đức Đồng (Toán)	Chi tiết	32	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
----	------	--------------------------	----------	----	--------------	---	---	-----	-----

Có thể download các danh sách trên về và gửi cho lớp học.

*** Lưu ý:** nếu số hạn ngạch tài khoản học sinh của trường còn ít hơn số học sinh của lớp thì sẽ không thể tạo được tài khoản học sinh cho lớp học đó.

- Chỉnh sửa lớp học:

Trong quá trình tạo lớp học, nếu có sai sót, có thể chỉnh sửa lại thông tin của lớp học bằng cách chọn nút “**Sửa**” tương ứng với lớp học trong danh sách lớp của trường. Không gian chỉnh sửa lớp học sẽ hiện ra tương tự như không gian tạo lớp học. Sau khi chỉnh sửa lại các thông tin cần thiết, ấn nút “**Đồng ý**” để xác nhận chỉnh sửa.

*** Lưu ý:** số lớp chỉ có thể thay đổi khi chưa tạo tài khoản học sinh theo danh sách lớp. Trong trường hợp đã tạo tài khoản cho học sinh nhưng vẫn muốn chỉnh sửa số lớp học thì có thể vận dụng các chức năng sẽ được trình bày ở dưới đây để thực hiện.

- Xóa lớp học: Các lớp học đã được tạo có thể được xóa bỏ bằng cách chọn nút “**Xóa**” tương ứng với lớp học đó.

*** Lưu ý:** với các lớp học đã được tạo học sinh, sau khi lớp học bị xóa, học sinh thuộc lớp học đó sẽ được chuyển thành “**học sinh tự do**” (học sinh không thuộc lớp học nào). Khi đó có thể sử dụng các tính năng khác để gán những học sinh đó vào một lớp học khác.

- Quản lý thông tin từng lớp học:

+ Xem danh sách lớp: Để xem danh sách lớp, chọn “**Xem chi tiết**” tương ứng với lớp học trong danh sách lớp học của trường.

#	Lớp	Giáo viên chủ nhiệm	TKB	Sĩ số	DS lớp	Excel	PDF	Sửa	Xóa
1	6A	ThS. Nguyễn Xuân Trung (Vật lý)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
2	3N	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình (Tiếng Nga)	Chi tiết	8	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
3	12B	ThS. Nguyễn Xuân Trung (Vật lý)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
4	12A	CN. Nguyễn Thị Thanh Hà (Khoa học tự nhiên)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
5	12A	CN. Trần Thị Sơn (Vật lý)	Chi tiết	30	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
6	12test	CN. Trần Thị Sơn (Vật lý)	Chi tiết	30	Xem chi tiết			Sửa	Xóa

Danh sách thông tin học sinh của lớp học đó sẽ hiện ra với các thông tin cơ bản mà học sinh khai báo như mã học sinh, họ tên, ngày sinh, địa chỉ...

* Danh sách có 32 học sinh.

1 2 3 4 5 6 7 Số lượng hiển thị: 10

#	Họ tên	Thông tin cơ bản	Thông tin liên lạc	Trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
1	 HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
2	 HS.00109.00302	Mã HS: HS.00109.00302 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
3	 HS.00109.00303	Mã HS: HS.00109.00303 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
4	 HS.00109.00304	Mã HS: HS.00109.00304 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa

+ *Thêm học sinh vào lớp*: có thể thêm các học sinh tự do (học sinh đang không thuộc lớp nào) vào lớp học bằng cách chọn nút “**Thêm học sinh**” trong không gian quản trị của lớp học.



Danh sách học sinh tự do của trường sẽ hiện ra.

GÁN HỌC SINH VÀO LỚP 12A5

Danh sách học sinh tự do (10)

Chọn tất cả | Xóa tất cả

1 Số lượng hiển thị: 10

#	MÃ HS	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Trạng thái
☐	HS.00109.00271				Xóa lớp
☐	HS.00109.00272				Xóa lớp
☐	HS.00109.00273				Xóa lớp
☐	HS.00109.00274				Xóa lớp
☐	HS.00109.00275				Xóa lớp
☐	HS.00109.00276				Xóa lớp
☐	HS.00109.00277				Xóa lớp
☐	HS.00109.00278				Xóa lớp
☐	HS.00109.00279				Xóa lớp
☐	HS.00109.00280				Xóa lớp

Tích chọn các học sinh muốn gán vào lớp rồi ấn nút “**Gán học sinh**”.

+ *Chuyển trạng thái học sinh (thôi học, đuổi học, bảo lưu)*: Trong quá trình học tập, học sinh có thể bị đuổi học, xin thôi học hay xin bảo lưu kết quả học tập, nhà

trường có thể chuyển trạng thái của học sinh đó thành “thôi học”, “đuổi học”, “bảo lưu” bằng cách chọn nút “**Chọn trạng thái**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh của lớp.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	--	---	------------------------------------

Chọn nút tương ứng với trạng thái muốn chuyển thành của học sinh.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
Thôi học Đuổi học Bảo lưu						

Sau khi đã chuyển trạng thái, tài khoản học sinh đó sẽ không thể truy cập được nữa.

+ *Chuyển lớp cho học sinh*: có thể chuyển học sinh từ lớp học này sang lớp học khác bằng cách chọn nút “**Chuyển lớp**” tương ứng với mỗi học sinh.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	--	---	------------------------------------

Chọn lớp học muốn chuyển tới rồi ấn nút “**Chuyển**”.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
12B Chuyển						

Thông tin của học sinh được chuyển đi sẽ được hiển thị trong danh sách của lớp chuyển tới.

+ *Xóa học sinh*: Để xóa học sinh, chọn nút “**Xóa**” tương ứng.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	--	---	------------------------------------

Sẽ có hai lựa chọn xóa được hiển thị.

1	NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
Xóa khỏi lớp Xóa						

“**Xóa khỏi lớp**”: xóa học sinh này ra khỏi danh sách lớp học, nếu chọn nút này, học sinh đó sẽ chuyển thành học sinh tự do (không thuộc lớp nào) và có thể gán học sinh đó vào một lớp học khác.

“**Xóa**”: xóa hẳn tài khoản học sinh, nếu chọn nút này, tài khoản học sinh đó sẽ bị xóa và không thể truy cập được nữa. Tuy nhiên, trong trường hợp xóa nhầm vẫn có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa bằng tính năng sẽ được trình bày dưới đây.

d) Quản lý học sinh

- Quản lý danh sách học sinh: Để truy cập không gian quản lý học sinh, chọn nút “**Quản lý học sinh**” trên thanh menu ngang. Danh sách thông tin học sinh của nhà trường sẽ hiện ra bao gồm các thông tin của học sinh như họ tên, ngày sinh, lớp học, địa chỉ...

- Tạo tài khoản cho học sinh: Để tạo tài khoản cho học sinh, chọn nút “**Tạo TK học sinh**” trong không gian quản lý học sinh.

Trang chủ > Không gian trường học > Quản lý trường > Quản lý học sinh > Tạo tài khoản học sinh

Số TK học sinh tối đa: 500. Còn lại: 168 TK.

Tài khoản: HS.00109.00333

Mật khẩu: IFV4N31h

Tạo tài khoản

Hai mục “**Tài khoản**” và “**Mật khẩu**” có dữ liệu do hệ thống tự động sinh ra, người dùng **KHÔNG** có quyền sửa chữa trực tiếp hai mục này.

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Trước khi kích chuột vào nút “**Đồng ý**”, cần copy dữ liệu ở hai mục này lại trước để gửi cho học sinh. Nếu không thực hiện bước copy này, sẽ không thể nhớ được dữ liệu của tài khoản vừa được tạo ra. Tuy nhiên, trong trường hợp quên không thực hiện thao tác này thì có thể sử dụng tính năng sẽ được trình bày dưới đây để khắc phục.

Số lượng tài khoản học sinh do sở GDĐT cấp cho mỗi trường, nếu số tài khoản còn lại là 0, cần liên lạc với quản trị cấp sở để được tăng số lượng.

Sau khi ấn nút “**Đồng ý**”, hệ thống sẽ tạo ra một tài khoản mới (ví dụ trong trường hợp này là tài khoản có tên truy cập **học sinh.00109.00333** với mật khẩu truy cập **IfV4N31h**).

- **Đổi mật khẩu cho học sinh:** Trong trường hợp khi tạo tài khoản học sinh quên lưu lại thông tin khởi tạo (đặc biệt là mật khẩu truy cập) hoặc trong quá trình sử dụng, học sinh quên mật khẩu truy cập, quản trị nhà trường có thể cấp lại một mật khẩu truy cập mới cho học sinh bằng cách chọn “**Đổi mật khẩu**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh của trường.

1	 Đỗ Xuân Đồng	Mã HS: HS.00109.00001 Giới tính: <i>Nam</i> Ngày sinh: <i>16/01/1971</i> Lớp: <i>6A</i>	Điện thoại: <i>0905990003</i> Email: <i>binhminh@hnue.edu.vn</i> Địa chỉ: <i>Bãi Thượng - Đoàn Bái - Hiệp Hòa - Bắc Giang</i>	Đổi mật khẩu	Xóa
---	---	---	---	---------------------	-----

Khung thay đổi mật khẩu sẽ hiện ra bên dưới tương ứng với học sinh

1	 Đỗ Xuân Đồng	Mã HS: HS.00109.00001 Giới tính: <i>Nam</i> Ngày sinh: <i>16/01/1971</i> Lớp: <i>6A</i>	Điện thoại: <i>0905990003</i> Email: <i>binhminh@hnue.edu.vn</i> Địa chỉ: <i>Bãi Thượng - Đoàn Bái - Hiệp Hòa - Bắc Giang</i>	Đổi mật khẩu	Xóa
Mật khẩu mới: gbcVlvqB Sinh mật khẩu Đổi mật khẩu					

Lưu lại mật khẩu trong khung trống để gửi lại cho học sinh.

LƯU Ý: mật khẩu hiển thị ở đây là một chuỗi mật khẩu **HOÀN TOÀN MỚI** chứ không phải mật khẩu cũ của tài khoản học sinh, có thể yêu cầu một chuỗi mật khẩu mới nếu chuỗi hiện tại có các kí tự dễ nhầm lẫn bằng cách chọn nút “**Sinh mật khẩu**”.

Cuối cùng, hãy ấn vào nút “**Đổi mật khẩu**” để xác nhận thay đổi mật khẩu cho tài khoản học sinh đó.

- **Xóa tài khoản học sinh:** Để xóa tài khoản học sinh không dùng tới, chọn nút “**Xóa**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh.

2	 Nguyễn Mai Lan	Mã HS: HS.00109.00002 Giới tính: <i>Nữ</i> Ngày sinh: <i>01/01/2002</i> Lớp: <i>6A</i>	Điện thoại: <i>903990066</i> Email: <i>lan@gmail.com</i> Địa chỉ: <i>Xóm 35 - Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định</i>	Đổi mật khẩu	Xóa
---	---	--	--	---------------------	------------

Sau khi xóa, tài khoản học sinh đó sẽ không thể truy cập được nữa.

Trong trường hợp xóa nhầm tài khoản học sinh, chúng ta có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa bằng tính năng sẽ được trình bày dưới đây.

- Khôi phục tài khoản học sinh đã bị xóa: Để khôi phục tài khoản học sinh đã bị xóa, chọn mục “**Khôi phục học sinh**” trong không gian quản lý học sinh.

Danh sách tài khoản đã bị xóa trong vòng 10 ngày trở lại sẽ hiện lên.

KHÔI PHỤC TÀI KHOẢN HỌC SINH				
<i>* Danh sách có 1 học sinh.</i>				
1 Số lượng hiển thị: 10				
Mã HS	Thông tin	Điện thoại/Email	Ngày xóa	Khôi phục
 HS.00109.00002	Họ tên: Nguyễn Mai Lan Giới tính: Nữ Ngày sinh: 01/01/2002 Trạng thái:	Điện thoại: 903990066 Email: lan@gmail.com	10:38 13/03/2015	Khôi phục

Chọn nút “**Khôi phục**” tương ứng để khôi phục lại tài khoản.

Sau khi được khôi phục, tài khoản học sinh đó sẽ có thể truy cập và sử dụng lại bình thường.

e) Sắp xếp thời khóa biểu

Nhiệm vụ sắp xếp thời khóa biểu nhà trường được xây dựng trong mục “**Thời khóa biểu**” trên thanh menu ngang.

LƯU Ý: cần lưu ý thao tác đầu tiên trước khi sử dụng các tính năng được trình bày trong mục này là điều khiển trạng thái học kì của trường mình. Trạng thái này sẽ ảnh hưởng tới thông tin được tạo ra khi sử dụng các tính năng liên quan đến thời khóa biểu của nhà trường.

Để điều khiển trạng thái học kì của trường mình, thực hiện như sau:

Chọn “**Thời khóa biểu**” trên thanh menu ngang.

[Trang chủ](#) > [Không gian trường học](#) > [Quản lý trường](#) > [Phân công giảng dạy](#)

PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

NĂM HỌC 2014 - 2015
Học kì: Học kì 1
Học kì 2

[Phân công giáo viên](#) [Sắp xếp thời khóa biểu](#) [Thời khóa biểu toàn trường](#)

Trong khung điều khiển “**Học kì**”, hãy chọn học kì tương ứng với thời gian hiện tại.

- Phân công giáo viên giảng dạy: Trước khi tiến hành sắp xếp thời khóa biểu, cần phân công các giáo viên giảng dạy cho từng lớp học muốn xếp thời khóa biểu.

CHỌN LỚP: 10A1

#	Môn học	Giáo viên
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán) ✕
2	Lý	Đặng Văn Phiến (Lý) ✕
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa) ✕
4	Sinh	Nguyễn Thị Vân Anh (Sinh) ✕
5	Văn	Lê Thị Trang Nhung (Văn) ✕
6	Sử	Trịnh Ngọc Thu (Sử) ✕
7	Địa	Đỗ Thị Kim Dung (Địa) ✕
8	Tin	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕
9	Công nghệ	Trần Hữu Anh (Công nghệ) ✕
10	GDCD	Phạm Minh Lương (GDCD) ✕
11	Mỹ thuật	
12	GDQPAN	

Giáo viên

Huân (Toán)	Nga (Toán)
Trang (Toán)	Trung (Toán)
Tuấn (Toán)	An (Toán)
Vượng (Toán)	Ý (Toán)
Thuật (Toán)	Đào (Toán)

1

2

3

4

5

6

7

8

9

Hãy chọn lớp học muốn phân công giáo viên giảng dạy.

Nhập giáo viên muốn phân công giảng dạy trong khung “**Giáo viên**” và thả vào bảng tương ứng với môn học.

Ấn nút “**Ghi lại**” để xác nhận.

Nếu thả nhầm hoặc muốn xóa giáo viên đã được phân công giảng dạy, chọn nút “**X**” tương ứng với giáo viên đó để xóa đi và ấn nút “**Ghi lại**” để lưu lại thông tin.

- Sắp xếp thời khóa biểu: Sau khi hoàn thành phân công giảng dạy, chúng ta có thể tiến hành sắp xếp thời khóa biểu.

Chọn mục “**Sắp xếp thời khóa biểu**” trong không gian thời khóa biểu để truy cập không gian sắp xếp thời khóa biểu.

CHỌN LỚP: 10A1

Thứ	Tiết	Sáng	Giáo viên	Chiều	Giáo viên
2	1	Chào cờ ✕		Sinh ✕	Nguyễn Thị Vân Anh (Sinh) ✕
	2	Toán ✕	Phạm Thị Nga (Toán) ✕	Sử ✕	Trịnh Ngọc Thu (Sử) ✕
	3	Toán ✕	Phạm Thị Nga (Toán) ✕	Địa ✕	Đỗ Thị Kim Dung (Địa) ✕
	4	Lý ✕	Đặng Văn Phiến (Lý) ✕	Công nghệ ✕	Trần Hữu Anh (Công nghệ) ✕
	5	Hóa ✕	Phan Thị Thủy Hương (Hóa) ✕	GDCD ✕	Phạm Minh Lương (GDCD) ✕
3	1	Toán ✕	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕		
	2	Toán ✕	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕		
	3				
	4				
	5				
1	1				
	2				

Môn học

Chào cờ	Toán
Hóa	Sinh
Sử	Địa
Công nghệ	GDCD
GDQPAN	Tiếng Anh
Nhạc	KHTN

Giáo viên

Thanh (Tin)	Nga (Toán)
Phiến (Lý)	Hương (Hóa)
Anh (Sinh)	Nhung (Văn)
Thu (Sử)	Dung (Địa)
Anh (CN)	Lương (GDCD)

1

2

Đầu tiên, hãy chọn lớp muốn xếp thời khóa biểu trước.

Hãy nhập các môn học trong khung “**Môn học**” và thả vào ô tương ứng trong bảng (tiết, thứ, buổi), nhập các giáo viên trong khung “**Giáo viên**” và thả vào ô tương ứng với môn học.

***Lưu ý:** chỉ có các giáo viên đã được phân công giảng dạy trong lớp đang xếp thời khóa biểu mới hiển thị trong khung “**Giáo viên**”.*

Nếu thả nhầm, có thể chọn nút “**X**” tương ứng để xóa đi và làm lại.

Cuối cùng, hãy ấn nút “**Ghi lại**” ở cuối trang để lưu lại thông tin.

Hệ thống hiển thị khung “**Thông kê**” ở bên phải để có thể xem thống kê sơ bộ số tiết tương ứng với các môn học của lớp học đó, tiện cho việc kiểm soát và sắp xếp thời khóa biểu.

- Xem thời khóa biểu toàn trường: Sau khi sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp học, có thể xem lại thời khóa biểu tổng thể của nhà trường bằng cách chọn mục “**Thời khóa biểu toàn trường**” trong không gian thời khóa biểu.

☒ Sáng ☐ Chiều

Thứ	Tiết	10A1	10A2	10B1	10B2	10B3	10B4	10B5	10B6	10B7	10B8	10B9	11A1	11A2	11B1	11B2	11B3
2	1	Chào cờ	Sinh														
	2	Toán	Sinh														
	3	Toán	Sử														
	4	Lý	Địa														
	5	Lý	Tiếng Anh														
3	1																
	2																
	3																
	4																
	5																

f) Tiếp nhận hồ sơ học sinh/giáo viên chuyển tới

Học sinh/giáo viên xin chuyển trường, chuyển công tác tới sẽ được hiển thị trong mục “**Xin chuyển đến**”. Quản trị trường cần xác nhận yêu cầu chuyển đó thì học sinh/giáo viên xin chuyển tới mới có thể thuộc quyền quản lý của trường mình.

Chọn nút “**Tiếp nhận**” để xác nhận yêu cầu chuyển trường của học sinh/giáo viên. Sau khi tiếp nhận, quyền quản lý thông tin của học sinh/giáo viên sẽ được chuyển về trường mới.

Chọn nút “**Hủy bỏ**” để hủy bỏ yêu cầu chuyển trường của học sinh/giáo viên. Khi đó, yêu cầu xin chuyển trường của học sinh/giáo viên sẽ bị hủy bỏ, quyền quản lý thông tin của học sinh/giáo viên đó vẫn thuộc về trường cũ.

1.2. Tài khoản giáo viên

a) Quản lý danh sách lớp chủ nhiệm và lớp giảng dạy

Trong “**Không gian trường học**”, chọn mục “**Danh sách lớp**” trên thanh menu bên phải. Danh sách các lớp chủ nhiệm và các lớp được phân công giảng dạy sẽ hiện ra.

DANH SÁCH LỚP

Trường: THPT Châu Thành

Năm học: 2014 - 2015

1. Danh sách lớp chủ nhiệm

Lớp	Sĩ số	Giáo viên chủ nhiệm	Xem danh sách
13GiaoVien	83	ThS. Nguyễn Văn Thanh (Tin học)	Xem danh sách lớp
13GVChauThanh	84	ThS. Nguyễn Văn Thanh (Tin học)	Xem danh sách lớp

2. Danh sách lớp giảng dạy

Lớp	Sĩ số	Giáo viên chủ nhiệm	Xem danh sách
10A2	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	Xem danh sách lớp
10A1 (VNEN)	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	Xem danh sách lớp

Để xem danh sách học sinh của lớp, chọn nút “**Xem danh sách lớp**” tương ứng.

b) Quản lý điểm

- Nhập điểm và nhận xét cho học sinh:

Để chấm điểm và nhận xét cho các lớp giảng dạy, truy cập mục “**Quản lý điểm**” trong “**Không gian trường học**”.

Trang chủ > Không gian trường học > Không gian quản lý điểm của giáo viên

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp:

Chọn lớp

 Nhận xét:

Chọn lớp

10A2 (Đĩa)

10A1 (Đĩa)

HÃY CHỌN LỚP TRƯỚC

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
HÃY CHỌN LỚP TRƯỚC						

Đầu tiên, hãy chọn lớp để vào điểm. Danh sách học sinh sẽ hiện ra.

Trang chủ > Không gian trường học > Không gian quản lý điểm của giáo viên

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp: 10A2 (Đia)
 Nhận xét: ☐ Bất ☒ Tất

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
1	Nguyễn Hùng Chính (HS.02753.00394)	10 10 10 4.5	8 8 9 8	10 9 2.5 3.5		9.2
2	Phạm Đức Đồng (HS.02753.00395)	8 7 1.5	8	6 5 5 5		6.8
3						
4						
5						
6						
7						
8						

0 0.5

1 1.5

2 2.5

3 3.5

4 4.5

5 5.5

6 6.5

7 7.5

8 8.5

9 9.5

10 NX

Để vào điểm, chọn điểm tương ứng và kéo thả vào các ô tương ứng (Hệ số 1,2,3 ..) với mỗi học sinh. Khi cho điểm, lưu ý lựa chọn “**Nhận xét**”.

Nếu “**Bất**”: với mỗi điểm số, cần cho một nhận xét tương ứng.

Ví dụ khi cho điểm với trạng thái nhận xét bất:

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp: 10A2 (Đia)
 Nhận xét: ☐ Bất ☒ Tất

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
1	Nguyễn Hùng Chính (HS.02753.00394)					9.2
2	Phạm Đức Đồng (HS.02753.00395)					6.8
3						
4						
5						
6						

0 0.5

1 1.5

2 2.5

3 3.5

4 4.5

5 5.5

6 6.5

7 7.5

8 8.5

9 9.5

Nhận xét

Nhận xét: Bài chưa tốt!

Đồng ý Hủy

Hộp thoại nhận xét hiện lên, gõ lời nhận xét sau đó ấn nút “**Đồng ý**”.

Nếu “**Tất**”: chỉ cho điểm, không có nhận xét.

Sau khi cho điểm, có thể chỉnh sửa hoặc xóa điểm số đã cho bằng cách ấn vào điểm tương ứng.

Hệ số 2	Hệ số 3	Khác
8 8 9 8	10 9 2.5 3.5	4.5
8		

Chi tiết

Điểm: 8

Nhận xét: Cần cố gắng hơn nữa

Sửa Xóa

Để sửa điểm số hoặc lời nhận xét, chọn nút “**Sửa**”. Khung chỉnh sửa sẽ hiện lên.

Chỉnh sửa điểm và nhận xét rồi ấn nút “**Đồng ý**”.

Để xóa điểm số, chọn nút “**Xóa**”.

Sau khi hoàn thành việc cho điểm và nhận xét, ấn nút “**Ghi lại**” ở cuối trang để lưu lại thông tin.

Lưu ý: Dành cho các lớp học theo Mô hình trường học mới

Các lớp học theo mô hình trường học mới sẽ có không gian quản lý điểm khác so với các lớp học bình thường (hình dưới).

LỚP HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM - VNEN				
#	Học sinh	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục.	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có)	Đánh giá định kì
1	Cao Hoàng Ân (HS.02753.00199)	10 10 9	10 10 NX	9.5
2	Lê Đình Phương Anh (HS.02753.00200)			
3	Nguyễn Hải Anh (HS.02753.00201)	10		
4	Đường Trúc Duyên (HS.02753.00202)			
5	Đoàn Ngọc Thiện Đạt (HS.02753.00203)			
6	Lê Tuấn Anh Hải (HS.02753.00204)			
	Lê Thị Ngọc Hân			

Đánh giá học sinh trong các lớp học theo mô hình trường học mới sẽ được chia thành hai mục chính:

Đánh giá thường xuyên: đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng. Đánh giá Biểu hiện về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các

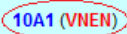
phong trào, các hoạt động giáo dục. Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có).

Đánh giá định kì kết quả học tập cuối học kì, cuối năm học.

- Tổng kết môn: Sau khi hoàn thiện điểm số trong học kì cho học sinh, có thể tính điểm tổng kết cho học sinh bằng cách chọn nút “**Tổng kết môn**” ở cuối trang. Điểm số này được tính tự động theo điểm số trong 3 mục Hệ số 1, hệ số 2 và hệ số 3.

c) Trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ học sinh

Để truy cập không gian trao đổi giữa giáo viên và phụ huynh học sinh, kích chuột vào tên lớp trong “**Danh sách lớp**”.

	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	Xem danh sách lớp
---	----	-------------------------------	-------------------

- Giáo viên chủ nhiệm tạo tài khoản cho cha mẹ học sinh

Để sinh tài khoản cho phụ huynh học sinh, “**Giáo viên chủ nhiệm**” chọn nút “**Tạo TK cho PH học sinh**” trong không gian trao đổi.

Tài khoản dành cho PHHS:	Tạo TK cho PHHS
--------------------------	------------------------

Sau khi tạo tài khoản cho phụ huynh học sinh, một file định dạng excel sẽ được hệ thống tạo ra lưu trữ thông tin danh sách tài khoản và mật khẩu truy cập của phụ huynh. “**Giáo viên chủ nhiệm**” tải file này xuống và gửi tới cha mẹ học sinh tương ứng trong danh sách.

Tài khoản dành cho PHHS:	
--------------------------	--

Ngoài ra, có thể lựa chọn tạo từng tài khoản CM học sinh tương ứng với mỗi học sinh thay vì tạo theo danh sách lớp (ví dụ trong trường hợp có học sinh mới chuyển tới mà chưa cho CM học sinh kèm theo) bằng cách chọn nút “**Tạo tài khoản PH học sinh**” tương ứng với mỗi học sinh.

1	 HS.02753.01248	Mã HS: HS.02753.01248 Giới tính: Ngày sinh:	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Xem chi tiết	Tạo tài khoản PHHS
---	---	---	-----------------------------------	--------------	---------------------------

- Trao đổi cá nhân giữa giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh:

Để trao đổi cá nhân với mỗi phụ huynh học sinh, chọn nút “**Trao đổi**” tương ứng với mỗi vị phụ huynh.

#	Họ tên	Thông tin cơ bản	Thông tin liên lạc	Kết quả học tập	Trao đổi với PHHS
1	 Cao Hoàng Ân	Mã HS: HS.02753.00199 Giới tính: <i>Nam</i> Ngày sinh: 10/11/1999	Điện thoại: 0643827361 Email: caohoangan1999@gmail.com Địa chỉ: 31 Hùng Vương - Phước Hưng - Bà Rịa - Bà Rịa - Vũng Tàu	Xem chi tiết	Phạm Văn Đức Điện thoại: 012345678 Email: profdongphd@gmail.com Trao đổi

Để khởi tạo một chủ đề thảo luận mới với phụ huynh học sinh, gõ nội dung vào khung soạn thảo, sau đó ấn nút “**Gửi**”.

Trang chủ > Không gian trường học > Danh sách lớp học > Lớp 10A1 > Trao đổi với phụ huynh em: **Cao Hoàng Ân**



Họ và tên: Cao Hoàng Ân

Trường: THPT Châu Thành

Lớp: 10A1

Kết quả học tập: [Xem chi tiết](#)

HS.02753.00199

Phụ huynh học sinh: Ông. **Phạm Văn Đức** (Tel: 012345678)

 Gắn đây em Ân học rất tốt, thưa bác!

CHƯA CÓ TRAO ĐỔI NÀO

Lưu ý: thảo luận trong mục này là thảo luận cá nhân giữa giáo viên và phụ huynh của một học sinh cụ thể.

- Thảo luận chung giữa các giáo viên và phụ huynh học sinh: Trong không gian trao đổi của mỗi lớp học, không gian “**Thảo luận chung**” là nơi trao đổi giữa tất cả các giáo viên đang giảng dạy lớp học đó và phụ huynh của học sinh. Để truy cập không gian “**Thảo luận chung**”, chọn nút “**Thảo luận chung**” trên thanh menu ngang. Thao tác tạo chủ đề thảo luận và trả lời một chủ đề tương tự như phần trao đổi cá nhân đã trình bày ở trên.

Lưu ý: các thảo luận trong mục này tất cả giáo viên và phụ huynh học sinh trong lớp học đều có thể xem và tham gia thảo luận.

d) Tổ chức dạy học cho học sinh

Tạo bài học mới: Mô đun “**Quản lý bài học**” cho phép giáo viên: tạo một bài học hoặc chủ đề mới; chỉnh sửa lại bài học; xóa bài học; quản lý danh sách các bài học.

- Khi tạo một bài học hoặc một chủ đề mới, giáo viên cần đặt tiêu đề, chỉ rõ lĩnh vực (môn học), mô tả cụ thể chủ đề hoặc yêu cầu hoạt động cho học sinh, đặt phạm vi cho phép truy cập bài học (dành cho đối tượng nào).

- Sau khi tạo xong, giáo viên có thể upload thêm tài liệu tham khảo, giúp học sinh thuận lợi hơn trong việc tiến hành các hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

- Theo dõi quá trình đăng kí học và xác nhận đăng kí cho học sinh:

Sau khi giáo viên tạo ra bài học mới, những học sinh thuộc phạm vi cho phép sẽ có quyền đăng kí theo học. Tùy vào khóa học/chủ đề, giáo viên có thể yêu cầu học sinh làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

Đối với từng khóa học, giáo viên có thể theo dõi quá trình đăng kí học của học sinh, của từng nhóm học sinh:

DANH SÁCH CÁC NHÓM ĐĂNG KÝ KHÓA HỌC			THẮC MẮC CỦA HỌC SINH	THÔNG BÁO CHUNG		
STT	Nhóm	Thành viên	Sản phẩm	Quyền sửa	Điểm	Xác nhận
1.	Nhóm học sinh số 1	1. Học sinh 1 (Nhóm trưởng) 2. Học sinh 2	 DOWNLOAD		10	
2.	Nhóm 2	1. Học sinh 3 (Nhóm trưởng) 2. Học sinh 4	 DOWNLOAD		19	
Chọn tất cả Xóa tất cả						
Đồng ý						

Trong mục này, giáo viên có công cụ để cho phép, hoặc không cho phép học sinh/nhóm học sinh nào đó tham gia khóa học/chủ đề.

Khi giáo viên xác nhận đủ điều kiện tham gia, các học sinh/nhóm học sinh mới có quyền truy cập đến các dữ liệu khác của khóa học/chủ đề.

- Điều khiển quá trình học tập: Ra thông báo chung cho cả lớp các hoạt động, gợi ý hoặc chỉ dẫn,... trong mục “**THÔNG BÁO CHUNG**”; trả lời thắc mắc, hỗ trợ, gợi ý học sinh. Khi học sinh đặt câu hỏi, giáo viên có thể trao đổi trực tiếp trên hệ thống trong mục “**THẮC MẮC CỦA HỌC SINH**”.

- Quản lí nhóm và sản phẩm nhóm: Trong hình trên, giáo viên có thể nhìn thấy sản phẩm mà học sinh/nhóm học sinh đã upload lên. Giáo viên có thể download xuống để đọc và cho điểm.

- Chấm điểm cho sản phẩm: Sau khi đọc xong và cho điểm, giáo viên có công cụ để nhập điểm vào hệ thống để thông báo cho học sinh/nhóm học sinh.

e) Xin chuyển công tác

Học sinh/giáo viên có quyền xin chuyển sang một trường khác bằng các thao tác được mô tả dưới đây.

Trong “**Không gian trường học**”, chọn “**Xin chuyển trường**”.

Chọn trường muốn chuyển tới theo trình tự: chọn tỉnh → chọn huyện → chọn trường.

XIN CHUYỂN TRƯỜNG

1. Chọn trường chuyển tới.

Chọn tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu ✕

Chọn quận/huyện: Bà Rịa ✕

Chọn trường: THPT Châu Thành ▼

2. Xác nhận xin chuyển trường.

Xin chuyển trường

Ấn nút “**Xin chuyển trường**” để xác nhận.

Sau khi xác nhận thành công, thông tin chuyển trường của học sinh/ giáo viên sẽ được gửi tới trường chuyển đến, học sinh/giáo viên chờ quản trị trường chuyển tới đồng ý thì học sinh/giáo viên đó sẽ do trường chuyển tới quản lý.

XIN CHUYỂN TRƯỜNG

Bạn đã xin chuyển đến:

Trường: THPT Châu Thành

Địa chỉ: Đường 27/4 - Bà Rịa - Bà Rịa - Vũng Tàu

Hủy bỏ

Học sinh/giáo viên có thể hủy bỏ lệnh xin chuyển trường trước khi trường chuyển tới đồng ý cho chuyển bằng cách chọn nút “**Hủy bỏ**”.

f) Tổ chức sinh hoạt chuyên môn

Các khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn của giáo viên được đặt trong mục “**Sinh hoạt chuyên môn**”. Khi đã đăng nhập bằng tài khoản cá nhân, giáo viên có thể lựa chọn khóa học/bài học theo môn học/hoạt động giáo dục, lớp, giáo viên; đăng kí tham gia các khóa học/bài học và thực hiện các hoạt động học theo hướng dẫn.

Giáo viên sẽ nhìn thấy danh sách những khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn do Bộ GDĐT hoặc sở GDĐT tạo ra. Kích chuột vào tiêu đề của khóa học/chủ đề, giáo viên sẽ xem được mô tả tổng thể của khóa học/chủ đề.

Quy trình tổ chức nhóm sinh hoạt chuyên môn trên hệ thống như sau:

- Bước 1: Tổ trưởng đăng ký tham gia cho tổ/nhóm của mình.
- Bước 2: Các thành viên trong tổ/nhóm trao đổi, thảo luận trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- Bước 3: Tổ trưởng tập hợp, biên tập lại sản phẩm và nộp lên hệ thống.

Thao tác kỹ thuật:

Bước 1: Tổ trưởng chuyên môn đăng ký tham gia và tổ chức nhóm.

Tìm hiểu mục đích - yêu cầu của khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn trước khi đăng kí tham gia.

Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn có trách nhiệm đăng kí tham gia và làm nhóm trưởng, sau đó thêm các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn để thực hiện theo nhóm. Quy trình đăng kí như sau:

- Chọn chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
 - + Chọn “**Sinh hoạt chuyên môn**”.
 - + Chọn “**Lĩnh vực**” (VD: Toán).
 - + Chọn “**Lớp**” (VD: 12).
 - + Chọn chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- Đăng ký tham gia.

Trong không gian của chủ đề chuyên môn, chọn nút “**Đăng ký**”.

Lưu ý: người đầu tiên đăng ký sẽ tự động là nhóm trưởng, các giáo viên khác trong trường muốn tham gia chủ đề này buộc phải được người này mời vào nhóm chứ không thể đăng ký được nhóm mới. Do đó, tốt nhất tổ trưởng chuyên môn nên là người đầu tiên đăng ký tham gia cho tổ/nhóm của mình.

- Mời thành viên.
 - + Chọn nút “**Thêm thành viên**”.
 - + Không gian tìm kiếm và thêm thành viên sẽ hiện ra.

Tìm kiếm giáo viên để thêm vào nhóm

— Chọn bộ môn —



Tài khoản:	ttson
Họ và tên:	Trần Thị Sơn
Chuyên môn:	Vật lí
Điện thoại:	0913563341
Email:	thanhhdhsphn@yahoo.com

Lưu ý: có thể tìm kiếm giáo viên bằng các cách tìm kiếm theo chuyên môn, theo mã giáo viên (VD: GV.00012.001) hoặc theo tên giáo viên.

+ Sau khi tìm kiếm, danh sách các giáo viên thỏa mãn điều kiện tìm kiếm sẽ hiện ra. Lựa chọn và ấn nút **“Thêm thành viên”** tương ứng với mỗi giáo viên để thêm vào nhóm.

Ghi chú: Sau khi đăng kí, có thể xem được thông tin về các thành viên trong nhóm bằng cách kích vào nút **“Thông tin nhóm”**. Danh sách nhóm sẽ hiện ra như dưới đây. Tổ trưởng có quyền xóa giáo viên (nếu thêm nhầm) hoặc thêm các thành viên khác vào nhóm.

ĐĂNG KÝ THAM GIA KHÓA HỌC

1. Tên nhóm

2. Thành viên trong nhóm




Tài khoản:	nxtrung
Họ và tên:	Nguyễn Xuân Trung (Nhóm trưởng)
Chuyên môn:	Vật lí
Điện thoại:	0913568506
Email:	trungthpbtdnd@gmail.com




Tài khoản:	ttson
Họ và tên:	Trần Thị Sơn
Chuyên môn:	Vật lí
Điện thoại:	0913563341
Email:	thanhhdhsphn@yahoo.com

Bước 2: Tham gia trao đổi trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn.

- **“Hoạt động – Thông báo”**: khu vực trao đổi của giáo viên toàn quốc (chỉ có thể tham gia trao đổi khi Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động một nội dung trao đổi nào đó trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn).

Sau khi đã đăng kí thành công, giáo viên bắt đầu thực hiện các nhiệm vụ học tập/sinh hoạt chuyên môn. Trong quá trình học tập/sinh hoạt chuyên môn, giáo viên cần thường xuyên xem thông báo chung của khóa học/chủ đề. Giáo viên sẽ nhận được thông báo trong mục **"Hoạt động - Thông báo"**. Giáo viên có quyền đặt câu hỏi để trao đổi lại với giảng viên/ban tổ chức. Lưu ý rằng, trong thông báo chung, mọi giáo viên tham gia khóa học/chủ đề đều có thể đọc được thông tin.

- **“Trao đổi nhóm”**: Thảo luận trong nhóm: Các thành viên trong nhóm có thể thảo luận trực tuyến. Những trao đổi này sẽ được giảng viên/ban tổ chức nhìn thấy, tham gia và hỗ trợ cũng như điều hành hoạt động của nhóm.

- **“Hỏi & đáp”**: Đặt câu hỏi cho giảng viên/ban tổ chức và thảo luận: Để gửi câu hỏi và trao đổi giảng viên/ban tổ chức, giáo viên vào mục **"Hỏi & Đáp"** và upload câu hỏi lên hệ thống. Giảng viên/ban tổ chức sẽ nhận được câu hỏi và trao đổi riêng với từng giáo viên.

Thao tác kĩ thuật:

Trong không gian trao đổi của mỗi mục trên, thao tác như sau:

- + Gõ nội dung trao đổi.
- + Đính kèm file (nếu cần) bằng cách chọn nút **“BROWSE”**.
- + Ấn nút **“Gửi”**.

Bước 3: Tổ trưởng chuyên môn nộp sản phẩm

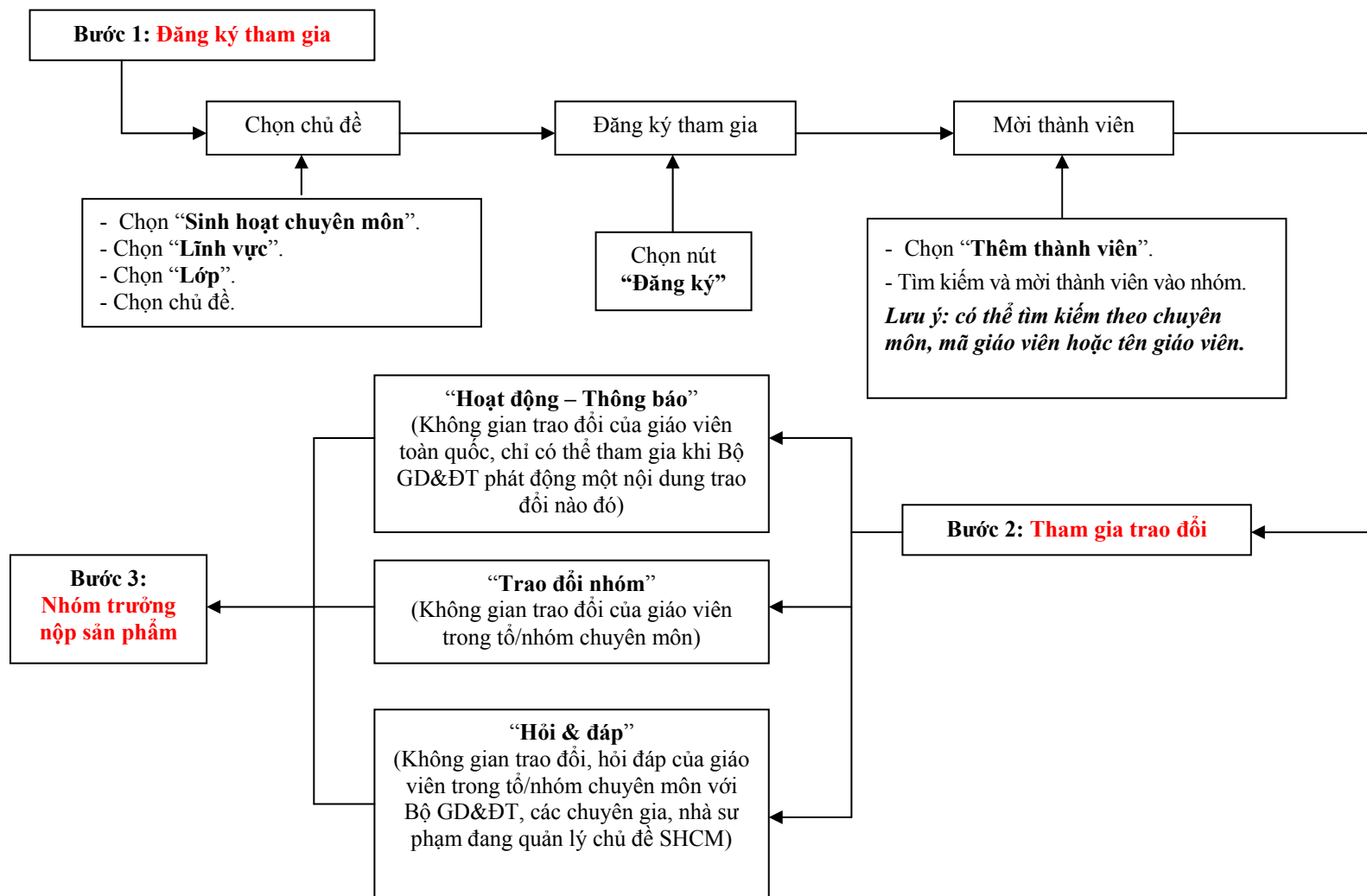
Sau quá trình làm việc, tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn hoàn thành sản phẩm của mình, đại diện cho nhóm gửi sản phẩm cho giảng viên/ban tổ chức trong mục **"Sản phẩm - Kết quả"**.

Trong không gian nộp sản phẩm, thao tác như sau:

- + Đính kèm file bằng cách chọn nút **“BROWSE”**.
- + Ấn nút **“Gửi”**.

Lưu ý: chỉ có nhóm trưởng mới có quyền nộp sản phẩm.

Sản phẩm này sau khi nộp lên hệ thống, các cấp quản lý từ nhà trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ nhìn thấy, theo dõi và đánh giá kết quả sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm chuyên môn trong phạm vi quản lý của mình.



1.3. Quyền chuyên gia

Với mục đích hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn của các trường phổ thông trên toàn quốc thực hiện hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH kí ngày 08/10/2014, Bộ GD&ĐT chỉ đạo xây dựng và tổ chức **Quyền chuyên gia** trên Trường học kết nối. Quyền chuyên gia được cấp cho các nhà khoa học và các nhân tố điển hình ở khắp mọi miền để kết nối với các tổ/nhóm chuyên môn thông qua hệ thống trực tuyến. Những chuyên gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định sẽ có quyền xem tất cả các sản phẩm của các tổ/nhóm chuyên môn do chuyên gia đó phụ trách, đồng thời, các chuyên gia có thể trao đổi trực tuyến với các tổ/nhóm chuyên môn thông qua mục **Hỏi&Đáp** của Trường học kết nối.

Trong “**Sinh hoạt chuyên môn**”, chọn “**Quản lý SHCM**”, sau đó lựa chọn một chủ đề cụ thể. Quyền chuyên gia sẽ có các chức năng sau:

Mục đích - Yêu cầu

Sản phẩm SHCM

Hoạt động - Thông báo

Hỏi & đáp

- Chọn “**Sản phẩm SHCM**” để theo dõi kết quả Sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm chuyên môn trong toàn quốc, trong phạm vi chuyên môn của mình.

HK1.1. Vật lý 12. Năm học 2014-2015

Ngày bắt đầu đăng ký: 04/10/2014. Ngày hết hạn đăng ký: 03/11/2015

Giáo viên: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lĩnh vực: Vật lý

DANH SÁCH TỔ / NHÓM CHUYÊN MÔN

Lọc dữ liệu:

Tỉnh: -- Chọn tỉnh --

Quận/huyện: Vui lòng chọn tỉnh trước

Trường: -- Vui lòng chọn huyện trước --

* Danh sách có 248 Tổ / nhóm chuyên môn

« Trước 1 2 3 4 5 ... 13 Sau » Số lượng hiển thị: 20

STT	Tổ / nhóm chuyên môn	Thành viên	Sản phẩm
1	(Tin học) THPT GDTRH-GDTrH 94 Quang Trung - Hải Dương - Hải Dương	1. Đỗ Văn Hào (Tổ / nhóm trưởng)	
2	(Vật lý) TTGDTX Tỉnh Phòng GDCN-GDTrH Ngõ 185-Phường Hoàng Văn Thụ - TP Thái Nguyên - Thái Nguyên	1. Nguyễn Ngọc Hưng (Tổ / nhóm trưởng) 2. Bùi Thái An 3. Lương Thị Mai Hương 4. Nguyễn Văn Khiêm	 DOWNLOAD

Bảng thống kê kết quả sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm trong chủ đề sẽ hiện ra. Cột “**Tổ/nhóm chuyên môn**” hiển thị thông tin cơ bản về đơn vị công tác, địa chỉ nơi công tác của mỗi tổ/nhóm chuyên môn. Cột “**Thành viên**” hiển thị danh sách các thành viên trong mỗi tổ/nhóm chuyên môn. Cột “**Sản phẩm**” hiển thị sản phẩm sinh hoạt chuyên môn của mỗi tổ nhóm. Nếu tổ/nhóm nào đã nộp sản phẩm, chuyên gia có thể download sản phẩm đó.

- Chọn “**Hoạt động – Thông báo**”: Tham gia trao đổi chuyên môn với giáo viên toàn quốc.

- Chọn “**Hỏi & đáp**”: Tham gia giải đáp, trả lời các câu hỏi, thắc mắc của giáo viên toàn quốc trong quá trình sinh hoạt chuyên môn trong phạm vi chuyên môn của mình.

Danh sách các câu hỏi, thắc mắc của giáo viên sẽ hiện ra. Chuyên gia có thể sử dụng bộ lọc ở trên để tìm kiếm, trao đổi tới từng trường trong toàn quốc.

Để tham gia trao đổi, giải đáp với các tổ/nhóm chuyên môn, chọn “**Chi tiết**” tương ứng với mỗi chủ đề câu hỏi của giáo viên.

Chuyên gia có thể trao đổi bằng cách gõ nội dung vào ô nhập dữ liệu hoặc bằng file dữ liệu (nếu cần) bằng cách chọn nút “**BROWSE**”.

1.4. Tài khoản cha mẹ học sinh

Cha mẹ học sinh sau khi được giáo viên chủ nhiệm chuyển giao tài khoản và mật khẩu có thể truy cập hệ thống, xem kết quả học tập của con em mình và tham gia trao đổi, thảo luận với các giáo viên đang giảng dạy con em mình. Để truy cập không gian dành cho phụ huynh học sinh, chọn mục “**Không gian trường học**”.


LỚP HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM - VNEN



NO PHOTO

HS.02753.00199

Họ và tên: Cao Hoàng Ân

Trường: THPT Châu Thành

Lớp: 10A1

Kết quả học tập: Xem chi tiết

Giáo viên chủ nhiệm: Bùi Thị Thanh Huân (Trao đổi (1))

#	Môn học	Giáo viên	Trao đổi
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán)	Trao đổi
2	Lý	Đặng Văn Phiến (Lý)	Trao đổi
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa)	Trao đổi
4	Sinh	Nguyễn Thị Văn Anh (Sinh)	Trao đổi

Để xem kết quả học tập của con em mình, chọn nút “**Xem chi tiết**” tương ứng với mục “**Kết quả học tập**”.

THÔNG TIN KẾT QUẢ HỌC TẬP
HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2014 - 2015

NO PHOTO HS.02753.00199	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 30%;">Họ và tên:</td> <td>Cao Hoàng Ân</td> </tr> <tr> <td>Trường:</td> <td>THPT Châu Thành</td> </tr> <tr> <td>Lớp:</td> <td>10A1</td> </tr> <tr> <td>Điện thoại:</td> <td>0643827361</td> </tr> <tr> <td>Email:</td> <td>caohoangan1999@gmail.com</td> </tr> </table>	Họ và tên:	Cao Hoàng Ân	Trường:	THPT Châu Thành	Lớp:	10A1	Điện thoại:	0643827361	Email:	caohoangan1999@gmail.com
Họ và tên:	Cao Hoàng Ân										
Trường:	THPT Châu Thành										
Lớp:	10A1										
Điện thoại:	0643827361										
Email:	caohoangan1999@gmail.com										

#	Môn học	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục.	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có)	Đánh giá định kì
1	Toán			
2	Lý			
3	Hóa			
4	Sinh			
5	Văn			
6	Sử			

Để tham gia trao đổi cá nhân với mỗi giáo viên bộ môn hoặc giáo viên chủ nhiệm, chọn nút “**Trao đổi**” tương ứng với mỗi giáo viên trong bảng giáo viên giảng dạy.

#	Môn học	Giáo viên	Trao đổi
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán)	Trao đổi
2	Lý	Đặng Văn Phiên (Lý)	Trao đổi
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa)	Trao đổi
4	Sinh	Nguyễn Thị Văn Anh (Sinh)	Trao đổi
5	Văn	Lê Thị Trang Nhung (Văn)	Trao đổi
6	Sử	Trịnh Ngọc Thu (Sử)	Trao đổi
7	Địa	Đỗ Thị Kim Dung (Địa)	Trao đổi
8	Tin	Nguyễn Văn Thanh (Tin)	Trao đổi

Để tham gia thảo luận chung với tất cả giáo viên giảng dạy và các vị phụ huynh khác, chọn nút “**Thảo luận chung**”.

2. Tập huấn triển khai mô hình trường học mới trên mạng

Nội dung tập huấn triển khai mô hình trường học mới đối với lớp 6 trên trang mạng "Trường học kết nối" bao gồm 4 bài học sau như sau:

Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

Bài 2: Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa

Bài 3: Nghiên cứu video bài học minh họa

Bài 4: Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn



Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

a) Mục đích, yêu cầu

- Những đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở;
- Ý nghĩa của mỗi Hoạt động học (Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng) trong mỗi bài học theo mô hình trường học mới; Vai trò của giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động học của học sinh;
- Tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới và vai trò của Hội đồng tự quản học sinh;
- Sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng địa phương trong việc hỗ trợ hoạt động học của học sinh.

(VNEN6) Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

Ngày bắt đầu đăng ký: 21/06/2015. Ngày hết hạn đăng ký: 20/08/2015. Đơn vị quản lý: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lĩnh vực: Khoa học tự nhiên.

I. Mục đích, yêu cầu

Trình bày được:

- Những đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở;
- Ý nghĩa của mỗi Hoạt động học (Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng) trong mỗi bài học theo mô hình trường học mới; Vai trò của giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động học của học sinh;
- Tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới và vai trò của Hội đồng tự quản học sinh;
- Sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng địa phương trong việc hỗ trợ hoạt động học của học sinh.

II. Thực hiện bài học

1. Ngoài 02 giáo viên cốt cán tham gia tập huấn trực tiếp, mỗi sở GDĐT chọn cử thêm 10 giáo viên/môn tham gia triển khai mô hình trường học mới tạo thành 1 nhóm tập huấn trên mạng (xem như 1 tổ/nhóm chuyên môn trong nhà trường). Cử 1 trong 2 giáo viên cốt cán đang dự tập huấn trực tiếp làm nhóm trưởng. Nhóm trưởng đăng nhập vào "Trường học kết nối" bằng tài khoản của mình (Mỗi giáo viên bắt buộc phải có 01 tài khoản do nhà trường cấp từ tháng 11/2014, khai báo đầy đủ thông tin và nộp ảnh thẻ để sinh hoạt chuyên môn qua "Trường học kết nối"); đăng kí vào bài học "Một số vấn đề chung về

b) Thực hiện bài học

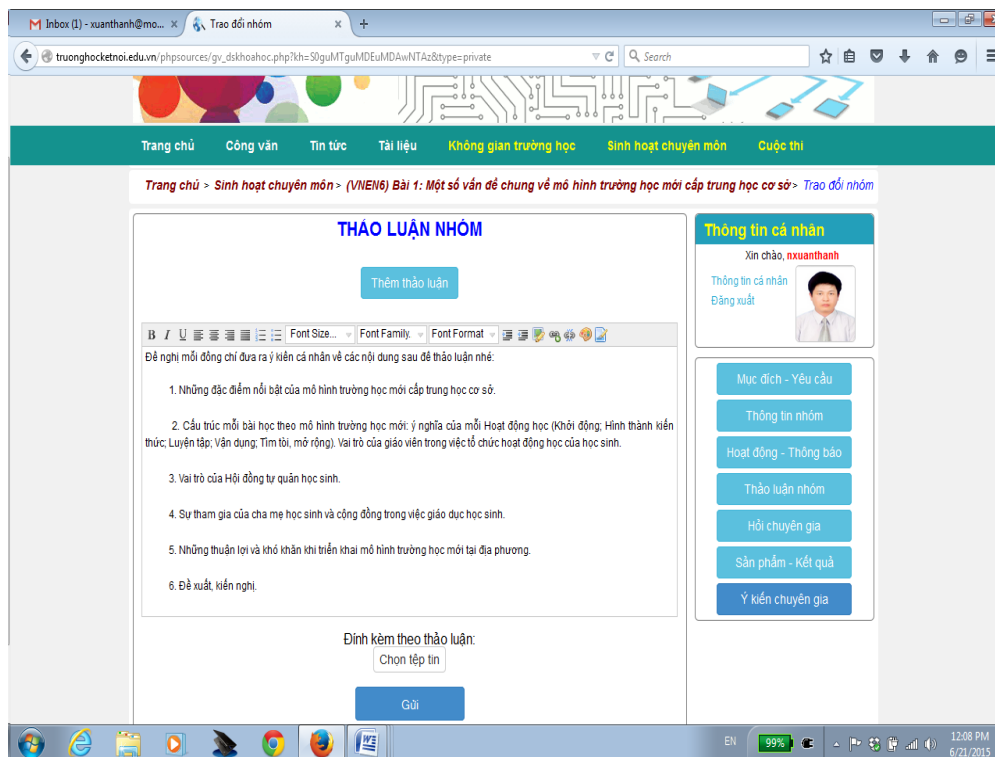
- Ngoài 02 giáo viên cốt cán tham gia tập huấn trực tiếp, mỗi sở Giáo dục và Đào tạo chọn cử thêm 10 giáo viên/môn tham gia triển khai mô hình trường học mới tạo thành 1 nhóm tập huấn trên mạng (xem như 1 tổ/nhóm chuyên môn trong nhà trường). Cử 1 trong 2 giáo viên cốt cán đang dự tập huấn trực tiếp làm nhóm trưởng. Nhóm trưởng đăng nhập vào "Trường học kết nối" bằng tài khoản của mình (Mỗi giáo viên bắt buộc phải có 01 tài khoản do nhà trường cấp từ tháng 11/2014, khai báo đầy đủ thông tin và nộp ảnh thẻ để sinh hoạt chuyên môn qua "Trường học kết nối"); đăng kí vào bài học **"Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở"**; sau đó thêm các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn của mình để tạo thành 01 nhóm tập huấn qua mạng. Nhóm trưởng khởi tạo bài học và chỉ huy cả nhóm (bao gồm các giáo viên đang tham gia tập huấn trực tiếp và các giáo viên tham gia qua "Trường học kết nối" tại địa phương) thảo luận để hoàn thành bài học.

+ Tạo tổ/nhóm sinh hoạt chuyên môn trên mạng:

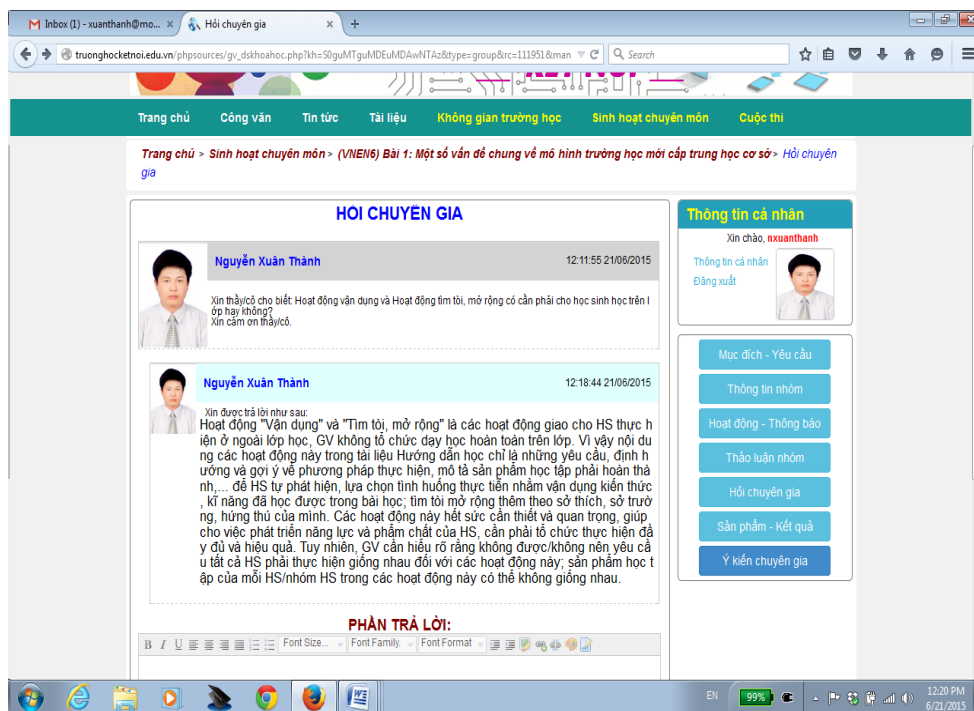


- Các học viên nghiên cứu tài liệu sau:

- + Bài phát biểu chỉ đạo của Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển;
- + Bài trình bày "Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở";
- + Tài liệu tập huấn mô hình trường học mới lớp 6.
- + Thảo luận nhóm trên mạng:



+ Hỏi ý kiến chuyên gia qua mạng:



c) Nộp báo cáo lên mạng

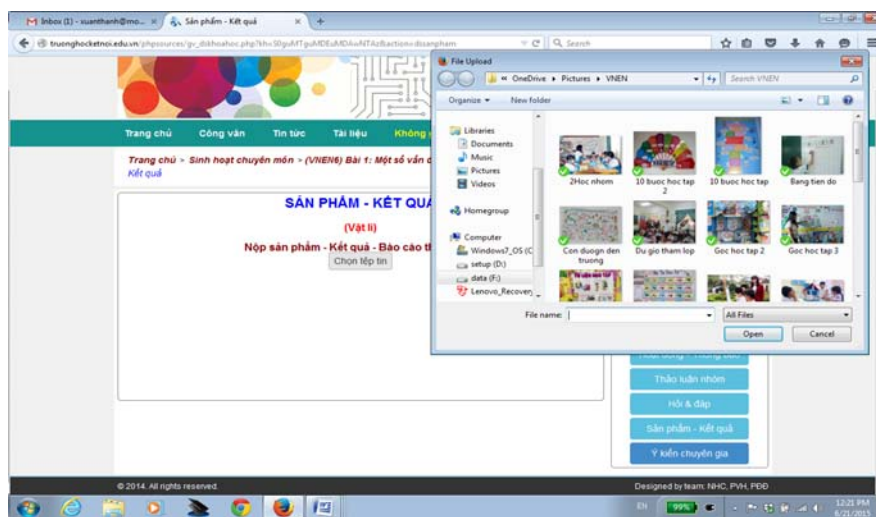
Nội dung báo cáo như sau:

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email

- Nội dung:

- + Những đặc điểm của mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở.
- + Cấu trúc mỗi bài học theo mô hình trường học mới: ý nghĩa của mỗi Hoạt động học. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động học của học sinh.
- + Vai trò của Hội đồng tự quản học sinh.
- + Sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong giáo dục học sinh.
- + Những thuận lợi và khó khăn khi triển khai mô hình trường học mới tại địa phương.
- + Đề xuất, kiến nghị.

- Nộp báo cáo lên mạng:



Bài 2: Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa

a) Mục đích, yêu cầu

- Trình bày được tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học thông qua chuỗi Hoạt động học: Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng;
- Trình bày được: Mục đích, nội dung, phương thức hoạt động (kỹ thuật học tích cực được sử dụng) và sản phẩm học tập của học sinh trong mỗi Hoạt động học trong bài học;
- Dự kiến được những khó khăn của học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập và chuẩn bị biện pháp hỗ trợ hợp lý;
- Trình bày được phương án kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh trong bài học. Ví dụ: thông qua quan sát hoạt động học của học sinh; thông qua sản phẩm học tập; cho học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau;...

b) Thực hiện bài học

- Tạo nhóm học trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa**".
- Các học viên nghiên cứu tài liệu sau: Tài liệu tập huấn mô hình trường học mới lớp 6; Tài liệu Hướng dẫn học lớp 6; Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014.

c) Nộp báo cáo lên mạng

Nội dung báo cáo như sau:

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email

- Nội dung:

- + Tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học, thể hiện qua nội dung, ý nghĩa của từng hoạt động học trong cả chuỗi hoạt động học của bài học.
- + Kỹ thuật học tích cực được sử dụng trong tổ chức mỗi hoạt động học thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học; đề xuất các kỹ thuật dạy học khác có thể được sử dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.
- + Thiết bị dạy học, học liệu được sử dụng trong mỗi hoạt động (nếu có) đã được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học; Đề xuất những thiết bị dạy học, học liệu có thể thay thế.
- + Cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh đã được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học qua: lời nói; tài liệu, thiết bị dạy học, học liệu; cách quan sát hoạt động học của học sinh, những khó khăn mà học sinh có thể gặp...; các biện pháp giúp học sinh vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập; biện pháp theo dõi, giúp đỡ học sinh hoạt động học ở ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng; biện pháp tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận;...
- + Phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh đã được thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học (đánh giá bằng quan sát, nhận xét; cách biên soạn câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập; cách đánh giá sản phẩm học tập của học sinh; xây dựng rubric đánh giá; cách tổ chức cho học sinh tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; cách ghi nhật ký dạy học...); Đề xuất các phương án đánh giá khác có thể sử dụng.

Bài 3: Nghiên cứu video bài học minh họa

a) Mục đích, yêu cầu

- Nâng cao nhận thức về ý nghĩa và cách tổ chức các hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học theo mô hình trường học mới;

- Tăng cường năng lực sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học cho cán bộ quản lý, giáo viên;

- Thực hành vận dụng được các tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài học theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014.

b) Thực hiện bài học

- + Tạo nhóm trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Nghiên cứu video bài học minh họa**";
- + Các học viên nghiên cứu video bài học, vận dụng các tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài học theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 để phân tích về các hoạt động học.

c) Nộp báo cáo lên mạng

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email.

- Nội dung:

- + Tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học.
- + Hoạt động của giáo viên: Cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: lời nói; tài liệu, thiết bị dạy học, học liệu; Khả năng quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình hoạt động học; Các biện pháp đã sử dụng giúp học sinh vượt qua khó khăn; Biện pháp theo dõi, giúp đỡ học sinh hoạt động học ở ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng; Khả năng tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận về sản phẩm học tập;... Phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh.
- + Hoạt động của học sinh: Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học sinh; Mức độ tích cực, chủ động, hợp tác trong các hoạt động học; Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập: tính chính xác, sự phù hợp, tiến độ; Khả năng và mức độ tích cực, chủ động trong báo cáo và thảo luận.

Bài 4: Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn (KTĐG?)

a) Mục đích, yêu cầu

- Nghiên cứu tài liệu Hướng dẫn học và tài liệu Tập huấn để xây dựng Kế hoạch dạy học của bộ môn trong cả năm học;

- Hoàn thành Kế hoạch dạy học và nộp lên mạng.

b) Thực hiện bài học

- + Tạo nhóm trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn**".

+ Nghiên cứu tài liệu Hướng dẫn học để xây dựng Kế hoạch dạy học.

c) Nộp Kế hoạch dạy học lên mạng

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email.

- Nội dung: Báo cáo chi tiết về Kế hoạch dạy học của bộ môn trong cả năm học.

G. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Triển khai và ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo, trường THCS thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới và các văn bản liên quan.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên các trường tham gia dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới 6, 7 trước khi bắt đầu năm học mới 2015-2016.

- Lựa chọn và xây dựng thành cụm các trường dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới để tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Cử cán bộ, chuyên viên tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục triển khai mô hình trường học mới của các phòng Giáo dục và Đào tạo; kiểm tra việc thực hiện các văn bản, chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các phòng Giáo dục và Đào tạo và trường THCS trên tinh thần giao quyền chủ động cho các nhà trường trong quá trình thực hiện.

- Hướng dẫn các phòng GDDT và các trường THCS định kỳ đánh giá, góp ý các tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị,... cho các nhà trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới.

- Thường xuyên quản lý, đôn đốc, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn các trường, cụm trường tham gia mô hình trường học mới trường học mới trên mạng “Trường học kết nối”, tạo nên hệ thống kết nối trong toàn tỉnh/thành phố.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Triển khai và ban hành văn bản đề hướng dẫn, chỉ đạo các trường THCS thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo về dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới và các văn bản liên quan.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục của các trường THCS tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới .

- Xây dựng kế hoạch giáo dục đối với các trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới, trình sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ sở giáo dục tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới 6, 7 thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ/Sở Giáo dục và Đào tạo. Chỉ đạo các trường THCS tham gia góp ý cho các tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo

- Có các biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nguồn học liệu,...cho các nhà trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới .

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo sinh hoạt chuyên môn cấp huyện hoặc cụm trường để tạo điều kiện cho các tổ trưởng, nhóm trưởng và giáo viên trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, cập nhật thông tin về hoạt động dạy và học theo mô hình trường học mới, điều chỉnh tài liệu khi thấy cần thiết.

- Thường xuyên quản lý, đôn đốc, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn các trường, cụm trường tham gia mô hình trường học mới trên mạng “Trường học kết nối”, tạo nên hệ thống kết nối trong toàn tỉnh/thành phố.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA HIỆU TRƯỞNG

- Triển khai, đôn đốc, kiểm tra giáo viên và các tổ chuyên môn đối với việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ, Sở và phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục của tổ, nhóm chuyên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, trình phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Thường xuyên chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động nghiên cứu bài học, điều chỉnh tài liệu khi thấy cần thiết. Tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất cho các tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên để triển khai công việc.

- Tổ chức một số buổi sinh hoạt chuyên môn chung cho các trường tham gia dạy thử nghiệm mô hình trường học mới trường học mới, thảo luận, rút kinh nghiệm về việc thực hiện các bài học và hoạt động giáo dục, về đánh giá học sinh trong quá trình dạy học.

- Xây dựng cơ chế động viên giáo viên tự làm thiết bị dạy học; tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục; có các biện pháp để tăng cường sự tham gia của cha mẹ học sinh vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức cho cán bộ và giáo viên tham gia góp ý các loại tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về phòng Giáo dục và Đào tạo./.

PHẦN THỨ HAI

TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CÁC MÔN HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TẠI VIỆT NAM

I. VỊ TRÍ ĐẶC ĐIỂM CỦA MÔN KHXH CẤP THCS

Môn Khoa học xã hội có ưu thế và ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển toàn diện cũng như phát triển lâu dài của học sinh; có vai trò nền tảng trong việc giáo dục tinh thần nhân văn, phát huy tinh thần dân tộc, lòng yêu nước và xu thế thời đại là cải cách, đổi mới, sáng tạo; giúp học sinh hiểu biết và nhận thức được quy luật khách quan về sự phát triển của xã hội loài người; lý giải quan hệ giữa con người và xã hội, con người và tự nhiên; nhận thức về Việt Nam đương đại cũng như thế giới ngày nay. Thông qua môn giáo dục Khoa học xã hội, học sinh có thể bước đầu học được cách quan sát và tư duy về xã hội, cuộc sống từ góc độ khoa học xã hội, coi trọng chứng cứ và nâng cao năng lực lý giải hiện tượng xã hội, biết cách phân tích và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội trong không gian và thời gian,...

- Môn Khoa học xã hội ở cấp trung học cơ sở được hiểu theo nghĩa hẹp, là môn học tích hợp chủ yếu nội dung của phân môn Lịch sử, Địa lý; lồng ghép tích hợp kiến thức về tự nhiên, kinh tế, văn hoá, khoa học, tôn giáo,... ở mức độ đơn giản.

- Môn Khoa học xã hội giúp cho chúng ta có những hiểu biết về Trái Đất, môi trường sống của chúng ta, những kiến thức cơ bản, cần thiết về lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới. Nhận biết được trên bề mặt Trái Đất, mỗi miền đều có những phong cảnh, đặc điểm tự nhiên, truyền thống văn hoá và lịch sử khác nhau ; con người sinh sống ở các miền ấy cũng có những cách làm ăn, sinh hoạt riêng. Từ đó, chúng ta thêm yêu quê hương, đất nước, truyền thống dân tộc ; có hành động ứng xử đúng đắn với tự nhiên và trong đời sống xã hội.

- Nội dung cốt lõi của các môn học được tổ chức theo các mạch chính: Đại cương, thế giới, khu vực, Việt Nam và địa phương, để bảo đảm cấu trúc sau: Quá trình tiến hoá (thời gian, không gian), sự phát triển của tiến bộ xã hội và nguyên nhân của hưng thịnh, suy vong qua các thời kỳ; điều kiện tự nhiên, các thành tựu chính về kinh tế, xã hội, văn hoá, văn minh; cá nhân,

Phương pháp dạy học dựa trên nguyên tắc chủ yếu là khuyến khích, tạo cơ hội cho học sinh được trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở giáo viên là người hướng dẫn, tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động lĩnh hội kiến thức. Kết hợp các hình thức học cá nhân, cặp, nhóm, học tại lớp học, học thực địa, bảo tàng, học theo dự án, tự học,...

1. Phân môn Lịch sử

a) Ví trí

Môn Lịch sử ở trường phổ thông được tổ chức dạy học từ lớp 4 đến lớp 12, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục chung, đáp ứng nhu cầu của học sinh trong việc tìm hiểu quá khứ, nhận thức xã hội hiện tại và hành động hợp quy luật. Những hiểu biết về quá khứ sẽ giúp học sinh hiểu hiện tại hơn, hành động đúng đắn và có hiệu quả hơn. Là “thầy giáo của cuộc sống”, “tấm gương soi của muôn đời”, bộ môn Lịch sử định hướng hành động, giáo dục học sinh bằng những kinh nghiệm của quá khứ, cung cấp cho học sinh những bài học về sự thành công, thất bại, về cái tốt, cái xấu, về tiến bộ, lạc hậu...

Trong bối cảnh mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế và khu vực, vấn đề giữ vững bản sắc dân tộc, giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, ý thức trách nhiệm công dân... càng phải được đề cao hơn bao giờ hết. Bộ môn Lịch sử có ưu thế đặc biệt trong việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ấy, trong mối quan hệ chặt chẽ với các môn Khoa học Xã hội và Nhân văn khác.

Học tập lịch sử, học sinh sẽ được bồi dưỡng những phương pháp tìm hiểu lịch sử như nhận biết các loại tư liệu lịch sử và giá trị của chúng trong việc nắm sự thật lịch sử, rèn luyện các thao tác tiếp cận với các loại sử liệu, các nguồn thông tin cần thiết, vừa sức như : phân tích, tổng hợp, khái quát, đánh giá.... Qua đó, học sinh hiểu biết đúng về lịch sử, hình thành năng lực tự học, tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử – xã hội, vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống.

b) Đặc điểm của kiến thức lịch sử

Môn Lịch sử ở phổ thông có nhiệm vụ cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản, khoa học được quy định trong chương trình. Nhiệm vụ này cũng giống như tất cả các môn khoa học khác. Tuy nhiên, môn Lịch sử cũng có những đặc trưng riêng do đặc điểm của hệ thống kiến thức cấu thành nên nó.

- Kiến thức lịch sử mang tính quá khứ: Đây là điều khác biệt giữa hiện tượng lịch sử với các hiện tượng tự nhiên. Như vậy, trong việc giảng dạy lịch sử có những khó khăn nhất định, song xét từ góc độ khác nó cũng mang lại cho việc giảng dạy lịch sử

những ưu thế mà các bộ môn khác không thể có được. Chẳng hạn, nó rất có ích trong việc chúng ta bồi dưỡng và phát triển trí tưởng tượng cho học sinh.

- **Kiến thức lịch sử mang tính không lặp lại** về thời gian và cả không gian. Chính điều này buộc những nhà giảng dạy lịch sử khi trình bày một sự kiện, hiện tượng nào đó trong lịch sử phải xem xét tính cụ thể cả về thời gian và không gian làm nảy sinh sự kiện, hiện tượng đó. Qua đó nhận thấy các sự kiện lịch sử cụ thể, riêng biệt song có mối quan hệ kế thừa.

- **Kiến thức lịch sử mang tính cụ thể** cũng là đặc điểm nổi bật của kiến thức lịch sử. Chính đặc điểm này đòi hỏi việc trình bày các sự kiện, hiện tượng lịch sử càng cụ thể bao nhiêu, càng sinh động bao nhiêu lại càng hấp dẫn bấy nhiêu. Nếu tách sự kiện ra khỏi không gian, thời gian, nhân vật thì không thể hiểu được lịch sử, các sự kiện lịch sử sẽ chỉ là một tập hợp tư liệu ngồn ngộn không có ý nghĩa. Các di tích lịch sử - cách mạng được lưu giữ ở các địa phương đều gắn liền với những sự kiện, biến cố lịch sử cụ thể. Việc sử dụng những di tích này trong dạy học, đặc biệt khi tổ chức cho các em học sinh được học tại thực địa sẽ tạo cho bài học không khi nào nhàm chán, làm cho học sinh cảm thấy như đang được chứng kiến sự kiện diễn ra một cách chân thực nhất.

- **Kiến thức lịch sử còn mang tính hệ thống** (lô gích lịch sử). Không có sự kiện nào là tồn tại đơn lẻ, riêng rẽ mà nó có mối liên hệ với những sự kiện trước nó, sau nó và đồng thời với nó. Do đó, nếu sử dụng tốt các di tích lịch sử - cách mạng vào dạy học bộ môn sẽ giúp học sinh có được một cái nhìn toàn diện, hệ thống về các sự kiện, hiện tượng lịch sử với tất cả những đặc trưng kinh tế, chính trị văn hóa - xã hội... của từng giai đoạn, từng thời kỳ lịch sử.

Xuất phát từ những đặc trưng này ta thấy, nếu như các bộ môn khoa học tự nhiên như Vật lý, hóa học, học sinh có thể biểu diễn trong phòng thí nghiệm thì các sự kiện lịch sử các em không được trực tiếp quan sát cũng không thể mô hình hóa lại trong phòng thí nghiệm, đúng như nó đã tồn tại.

Hiểu được đặc điểm này, trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông, giáo viên phải vận dụng nhuần nhuyễn nhiều phương pháp dạy học, trong đó đồ dùng trực quan nhất là các đồ dùng trực quan hiện vật (các di tích lịch sử - cách mạng) góp một phần không nhỏ quyết định thành bại việc cung cấp kiến thức cho học sinh. Nó giúp học sinh không chỉ "biết" mà còn hiểu lịch sử đã diễn ra như thế nào một cách chân thực nhất, sống động nhất.

c) Mục tiêu

Môn Lịch sử ở trường phổ thông nhằm giúp cho học sinh có được những kiến thức cơ bản, cần thiết về lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới ; góp phần hình thành ở học sinh thế giới quan khoa học, giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, truyền thống dân tộc, cách mạng, bồi dưỡng các năng lực tư duy, hành động, thái độ ứng xử đúng đắn trong đời sống xã hội.

Môn Lịch sử ở trường phổ thông nhằm giúp học sinh đạt được :

(i) Về kiến thức

Nhận thức được sự kiện lịch sử tiêu biểu, những bước phát triển chủ yếu, những chuyển biến quan trọng của lịch sử thế giới từ thời nguyên thủy đến nay. Chú trọng đến những nội dung quan trọng nhất để hiểu biết về quá trình phát triển của lịch sử loài người, những nền văn minh, những mô hình xã hội tiêu biểu, lịch sử các nước trong khu vực và các sự kiện lịch sử thế giới có ảnh hưởng lớn, liên quan đến lịch sử nước ta.

Hiểu được quá trình phát triển của lịch sử dân tộc từ nguồn gốc đến nay, trên cơ sở nhận thức được những sự kiện tiêu biểu của từng thời kì, những chuyển biến lịch sử và sự phát triển hợp quy luật của lịch sử dân tộc trong sự phát triển chung của thế giới.

Hiểu biết được về một số nội dung cơ bản, cần thiết về nhận thức xã hội như : kết cấu xã hội loài người, mối quan hệ giữa các yếu tố trong cơ cấu hệ thống xã hội, vai trò to lớn của sản xuất (vật chất, tinh thần) trong tiến trình lịch sử, vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân, nguyên nhân và động lực tạo ra các chuyển biến lịch sử, quy luật vận động của lịch sử...

(ii) Về kĩ năng

Hình thành các kĩ năng cần thiết trong học tập bộ môn như :

- Xem xét các sự kiện lịch sử trong các quan hệ không gian, thời gian (đồng đại, lịch đại).

Làm việc với sách giáo khoa và các nguồn sử liệu.

Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát, đánh giá các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử.

Bồi dưỡng năng lực phát hiện, đề xuất và giải quyết các vấn đề trong học tập lịch sử (điều tra, thu thập, xử lí thông tin, nêu dự kiến giải quyết vấn đề, tổ chức thực hiện

dự kiến, kiểm tra tính đúng đắn của kết quả, thông báo, trình bày về kết quả, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế đời sống và để tiếp nhận kiến thức mới...).

(iii) Về tình cảm, thái độ, tư tưởng

Có tình yêu quê hương, đất nước gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc, có thái độ trân trọng đối với các di sản lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Trân trọng nền văn hoá của các dân tộc trên thế giới, có tinh thần quốc tế chân chính, vì hoà bình, tiến bộ xã hội.

Có niềm tin về sự phát triển từ thấp đến cao, từ lạc hậu đến văn minh của lịch sử nhân loại và lịch sử dân tộc.

Có những phẩm chất cần thiết nhất của người công dân : thái độ tích cực trong việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm đối với đất nước – cộng đồng ; yêu lao động ; sống nhân ái, có kỉ luật, tôn trọng và làm theo luật pháp, đoàn kết dân tộc và quốc tế...

(iiii) Về năng lực

- Hình thành năng lực tự học, tự làm giàu tri thức lịch sử cho học sinh thông qua các nguồn sử liệu khác nhau (đã có và phát hiện mới).

- Năng lực khai thác và sử dụng tranh ảnh, lược đồ lịch sử.

- Khả năng sâu chuỗi, phân tích, so sánh, đưa nhận xét các sự kiện, hiện tượng nhân vật lịch sử., liên hệ kiến thức đã học với thực tiễn...

d) Về phương pháp dạy học

Tài liệu hướng dẫn học mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở môn Khoa học xã hội phân môn Lịch sử nhấn mạnh yêu cầu khắc phục lối truyền thụ một chiều còn khá phổ biến hiện nay, chuyển mạnh sang việc dạy học phát huy tính tích cực của học sinh, chú trọng rèn luyện kĩ năng, bồi dưỡng năng lực tư duy sáng tạo của người học, khả năng vận dụng kiến thức đã biết vào các tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

Trước hết, cần chú trọng bảo đảm tính cụ thể, tính hình ảnh, khả năng gây xúc cảm của các thông tin về các sự kiện, nhân vật lịch sử, bối cảnh xã hội,... bằng cách cho học sinh tiếp cận nhiều nguồn tư liệu lịch sử khác nhau, sử dụng nhiều phương tiện trực quan khác nhau, phù hợp với điều kiện dạy học cụ thể.

Chú trọng tổ chức các hoạt động tự học tập của học sinh (như làm các bài tập lịch sử ở lớp, ở nhà : tra cứu tài liệu, sưu tầm tư liệu các loại về một chủ đề ; trình bày diễn biến sự việc trên bản đồ trống...).

Trao đổi, thảo luận là điều cần làm. Cần tạo ra không khí thoải mái, dân chủ, khuyến khích học sinh trình bày ý kiến riêng, nhìn nhận và đánh giá lịch sử từ nhiều góc độ khác nhau, tránh áp đặt, bắt buộc học sinh tiếp nhận một cách thụ động kết luận của giáo viên. Chú trọng rèn luyện năng lực lập luận, trình bày vấn đề cho học sinh.

Tìm hiểu, nắm bắt những hiểu biết, kinh nghiệm đã có của học sinh, những điều học sinh đang quan tâm, ham thích ; tận dụng những điều đó trong quá trình hình thành kiến thức, kĩ năng mới. Những gì học sinh có thể nói được, làm được thì giáo viên không làm thay.

Nội dung dạy học không chỉ giới hạn ở Tài liệu Hướng dẫn học, việc dạy học không chỉ diễn ra ở trong phòng học. Tận dụng mọi khả năng, điều kiện để học sinh có thể tìm hiểu lịch sử ở bảo tàng, trên hiện trường lịch sử, các di tích lịch sử, được tiếp xúc, trao đổi với các nhân chứng, nhân vật lịch sử, được vận dụng điều đã học vào việc hiểu và đánh giá các vấn đề thời sự quốc tế, đất nước, địa phương. Bước đầu rèn luyện hứng thú, ý thức và khả năng nghiên cứu lịch sử, phù hợp với trình độ và yêu cầu học tập của học sinh.

Chú trọng rèn luyện các năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác cùng giải quyết các nhiệm vụ đặt ra cho học sinh bằng cách tổ chức làm việc theo nhóm, làm việc tay đôi.

Đổi mới phương pháp dạy học gắn liền với thiết bị dạy học cần cung cấp đầy đủ ở mức cần thiết các thiết bị dạy học Lịch sử nhằm thay đổi căn bản tình hình “dạy chay” phổ biến hiện nay, trong đó chú trọng các loại hình :

Mô hình hiện vật, tranh, ảnh lịch sử, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...

Bản đồ, sơ đồ.

Phim video.

Phần mềm dạy học.

Việc thiết kế, sản xuất và sử dụng các thiết bị dạy học Lịch sử không phải theo định hướng minh hoạ bài giảng của giáo viên mà nhằm tạo ra các nguồn sử liệu phong phú, cụ thể, sinh động, giàu hình ảnh và giàu sức thuyết phục ; trên cơ sở đó, tổ chức các hoạt động học tập, tự tìm kiếm tri thức lịch sử của học sinh một cách tự lập, tích cực, sáng tạo. Cần quan tâm, chú ý tạo điều kiện cho học sinh làm việc trực tiếp với các

thiết bị dạy học theo phương châm: Hãy để cho các giác quan của học sinh tiếp xúc nhiều hơn với các thiết bị dạy học, để cho các em suy nghĩ nhiều hơn, làm việc nhiều hơn và thể hiện mình nhiều hơn.

Các thiết bị dạy học hiện đại không đồng nghĩa với các thiết bị dạy học đắt tiền. Tính hiện đại của thiết bị dạy học thể hiện ở việc sử dụng các loại thiết bị sao cho đạt yêu cầu cao nhất trong việc thể hiện mục tiêu dạy học. Việc tìm kiếm, sản xuất các thiết bị dạy học Lịch sử, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, của vùng, làm cho học sinh hứng thú học tập, phát huy tối đa tính tích cực nhận thức của học sinh, luôn luôn đóng vai trò quan trọng. Vì vậy, cần phối hợp việc cung cấp các thiết bị dạy học từ trên xuống với phong trào sưu tầm, xây dựng thiết bị dạy học “tự tạo” của học sinh, giáo viên và các lực lượng xã hội.

2. Phân môn Địa lý

a) Vị trí

Môn Địa lí trong nhà trường phổ thông cấp THCS giúp học sinh có được những hiểu biết cơ bản, hệ thống về Trái Đất – môi trường sống của con người, về thiên nhiên và những hoạt động kinh tế của con người trên phạm vi quốc gia, khu vực và thế giới ; rèn luyện cho học sinh những kỹ năng hành động, ứng xử thích hợp với môi trường tự nhiên, xã hội. Đó là một phần của học vấn phổ thông cần thiết cho mỗi người lao động trong xã hội hiện đại, trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trên nền tảng những kiến thức và kỹ năng trang bị cho học sinh, môn Địa lí góp phần đáng kể vào việc thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông.

b) Đặc điểm

1. Học tập địa lí là quá trình nhận thức những sự vật, đối tượng, hiện tượng và quá trình về tự nhiên, dân cư, kinh tế-xã hội đã diễn ra trong quá khứ, hiện tại và dự báo sự biến đổi trong tương lai. Trong quá trình học tập HS cần học tập qua tài liệu, kết hợp với quan sát, khảo sát điều tra các sự vật, đối tượng và hiện tượng tự nhiên, dân cư, kinh tế-xã hội ở thực địa và ứng dụng CNTT, từ đó góp phần hình thành biểu tượng, khái niệm địa lí, so sánh, xác lập các mối quan hệ địa lí.

2. Các sự vật, đối tượng, hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội không tồn tại độc lập mà có quan hệ mật thiết với nhau, hiện tượng địa lí này là nguyên nhân và kết quả của các hiện tượng địa lí khác và cùng tồn tại trên phạm vi lãnh thổ. Vì vậy, học tập địa lí cần tư duy trên quan điểm tổng hợp theo lãnh thổ. Việc tự

học, tự nghiên cứu và sáng tạo là những nhiệm vụ hết sức quan trọng và hiệu quả trong quá trình học tập bộ môn.

3. Bản đồ vừa là phương tiện dạy học, vừa là nguồn tài liệu khoa học độc lập, là đối tượng nghiên cứu của môn Địa lí và được coi như "sách giáo khoa của Địa lí". Nhiệm vụ của sử dụng bản đồ là thu nhận những thông tin được biểu hiện trên bản đồ để phân tích, so sánh đối chiếu nhằm tìm ra những đặc điểm, các quy luật phân bố, các mối liên hệ, các quá trình biến đổi của các đối tượng, hiện tượng địa lí trên lãnh thổ nghiên cứu.

c) Mục tiêu

(i) Kiến thức

Cung cấp cho học sinh những kiến thức phổ thông, cơ bản, cần thiết về :

- Trái Đất, các thành phần cấu tạo của Trái Đất, các hiện tượng, sự vật địa lí và tác động qua lại giữa chúng ; một số quy luật phát triển của môi trường tự nhiên trên Trái Đất ; dân cư và các hoạt động của con người trên Trái Đất ; mối quan hệ giữa dân cư, hoạt động sản xuất và môi trường ; sự cần thiết phải khai thác hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững.

- Đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội của một số khu vực khác nhau và của một số quốc gia trên thế giới ; một số đặc điểm của thế giới đương đại.

- Đặc điểm tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam ; những vấn đề đặt ra đối với cả nước nói chung và các vùng, các địa phương nơi học sinh đang sinh sống nói riêng.

(ii) Kỹ năng

Hình thành và phát triển ở học sinh :

- Kỹ năng học tập và nghiên cứu địa lí : quan sát, nhận xét, phân tích, so sánh, đánh giá các sự vật, hiện tượng địa lí ; phân tích, sử dụng bản đồ, Atlat ; vẽ và phân tích biểu đồ, đồ thị, lát cắt ; phân tích số liệu thống kê...

- Kỹ năng thu thập, xử lí và thông báo thông tin địa lí.

- Kỹ năng vận dụng tri thức địa lí để giải thích các hiện tượng, sự vật địa lí và bước đầu tham gia giải quyết những vấn đề của cuộc sống phù hợp với khả năng của học sinh.

(iii) Thái độ, tình cảm

Góp phần bồi dưỡng cho học sinh :

- Tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước thông qua việc ứng xử thích hợp với tự nhiên và tôn trọng các thành quả kinh tế - văn hoá của nhân dân Việt Nam cũng như của nhân loại.

- Niềm tin vào khoa học, ham học hỏi, hứng thú, say mê tìm hiểu các sự vật, hiện tượng địa lí.

- Có ý chí tự cường dân tộc, niềm tin vào tương lai của đất nước, có tâm thế sẵn sàng tham gia xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước ; có ý thức trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động sử dụng hợp lí, bảo vệ, cải tạo môi trường ; nâng cao chất lượng cuộc sống của gia đình, cộng đồng.

(iiii) Định hướng hình thành năng lực

Ngoài hình thành các năng lực chung như: Năng lực tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực tính toán; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT). Môn Địa lí cấp THCS còn hướng đến việc hình thành các năng lực đặc thù của môn học như: Năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Năng lực khảo sát thực tế; Năng lực hoạt động, tham gia, hoà nhập với cộng đồng; Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng của môn Địa lí để giải quyết những vấn đề đặt ra trong cuộc sống phù hợp với khả năng của học sinh.

d) Phương pháp dạy học

- Cùng với các phương pháp dạy học chung (như thuyết trình, đàm thoại...), một số phương pháp nghiên cứu của khoa học Địa lí đã được sử dụng với tư cách là phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn trong quá trình dạy học địa lí. Đó là phương pháp sử dụng bản đồ, biểu đồ, phân tích số liệu thống kê, phân tích tranh ảnh... (thuộc nhóm các phương pháp làm việc trong phòng) và phương pháp quan sát, đo vẽ trên thực địa... (thuộc nhóm các phương pháp thực địa). Các phương pháp này được lựa chọn phù hợp với trình độ, khả năng nhận thức của học sinh tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các em.

- Việc phối hợp các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học mới như phương pháp thảo luận, điều tra khảo sát,... sẽ góp phần hình thành và phát triển ở học sinh năng lực tham gia, hoà nhập, khả năng vận dụng kiến thức địa lí trong quá trình học tập và trong cuộc sống.

Các phương pháp dạy học tích cực đòi hỏi có sự thay đổi trong việc tổ chức dạy học. Do đó, cần sử dụng nhiều hình thức dạy học, phối hợp hình thức tổ chức dạy học truyền thống - dạy học theo lớp với dạy học theo nhóm, theo cặp hoặc cá nhân học sinh, tạo điều kiện phát huy vai trò tích cực, chủ động của từng học sinh ; kết hợp dạy học trên lớp và ngoài thực địa.

- Các phương tiện dạy học địa lí như bản đồ, tranh ảnh, mô hình, mẫu vật, phim giáo khoa... đều có chức năng kép: vừa là nguồn tri thức địa lí, vừa là phương tiện minh hoạ nội dung dạy học. Trong quá trình dạy học, giáo viên cần tổ chức, hướng dẫn để học sinh biết khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ các phương tiện dạy học địa lí, qua đó học sinh vừa có được kiến thức, vừa được rèn luyện các kĩ năng địa lí.

II. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Cấu trúc chương trình

a) Chương trình môn KHXH

Hướng dẫn học môn Khoa học xã hội lớp 6 gồm 21 bài, trong đó có 01 bài nhập môn Tìm hiểu môn khoa học xã hội, 02 bài liên môn Lịch sử và Địa lí; 8 bài được xây dựng từ chương trình Lịch sử 6, 10 bài từ chương trình Địa 6 hiện hành. Mỗi bài thường được thực hiện trong 2 hoặc 3 tiết học, tùy theo dung lượng nội dung từng bài. Cá biệt, có 01 bài với thời lượng dạy học 5 tiết. Về nội dung cơ bản theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, chương trình môn KHXH theo mô hình trường học mới sắp xếp lại các đơn vị kiến thức, kĩ năng và tổ chức thành các hoạt động học trong mỗi bài học để HS được tăng cường tính tự học, chủ động trong tiếp thu kiến thức.

Kế hoạch chương trình môn KHXH theo mô hình trường học mới lớp 6:

TT	Bài	Số tiết	Ghi chú
1	Bài 1. Tìm hiểu môn Khoa học xã hội	2	Trong SGK hiện hành môn Lịch sử có Bài 1. Sơ lược về môn Lịch sử và Địa lí có Bài 1. Bài mở đầu hai bài này nói về vị trí môn học, cách học tập môn học. Tài liệu HDH môn KHXH hai bài này được tích hợp lại và xây dựng thành Bài 1. Tìm hiểu môn Khoa học xã hội, với mục đích giới thiệu về môn KHXH: mục tiêu, cấu trúc, nội dung chủ yếu, cách học tập môn học.

2	Bài 2. Bản đồ và cách sử dụng bản đồ	3	Đối với việc học tập môn KHXH bản đồ có vai trò quan trọng, sử dụng bản đồ trong học tập có chức năng kép: vừa là nguồn tri thức, vừa là phương tiện minh họa cho nội dung học tập. Vì vậy xây dựng bài học liên môn về bản đồ, lấy ý tưởng từ bài bản đồ trong SGK Địa lí 6 hiện hành là rất cần thiết, nhằm trang bị cho HS những hiểu biết về bản đồ, cách sử dụng bản đồ, khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ bản đồ, qua đó HS vừa có được kiến thức, vừa được rèn luyện các kĩ năng.
3	Bài 3. Xã hội nguyên thủy	3	Trong chương trình, sách giáo khoa (SGK) hiện hành chỉ học nội dung xã hội nguyên thủy của thế giới. Nhưng khi xây dựng nội dung của bài học này của phân môn Lịch sử có chuyển nội dung Thời nguyên thủy trên đất nước ta ở phần Lịch sử Việt Nam vào bài này. Việc chuyển nội dung này vào phần lịch sử thế giới giúp học sinh học xã hội nguyên thủy thế giới liên hệ đến xã hội nguyên thủy của Việt Nam.
4	Bài 4. Các quốc gia cổ đại trên thế giới	2	Chương trình, SGK gồm 2 bài riêng, nay cấu trúc thành một bài. Việc cấu trúc thành một bài giúp HS tìm hiểu các nội dung của cả 2 mô hình quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây cùng với nhau qua đó sẽ thấy được những đặc điểm chung và những nét khác biệt của 2 mô hình quốc gia này.
5	Bài 5. Văn hóa cổ đại	3	
6	Phiếu ôn tập 1		Hướng dẫn HS ôn tập nội dung trong phiếu kiểm tra; thực hiện có thể trên lớp hoặc ở nhà

7	Bài 6. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc	3	Bài này so với chương trình, SGK cũ vẫn đảm bảo được mục tiêu của chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS hiện hành. Tuy nhiên, các nội dung của bài có tích hợp lại với nhau như nội dung Hoàn cảnh ra đời nhà nước Văn Lang và nội dung Nước Văn Lang thành lập được tích hợp thành mục Sự thành lập nước Văn Lang.
8	Bài 7. Chăm - pa và Phù Nam	3	Bài này trong chương trình hiện hành nằm ở trong chương Thời Bắc thuộc và đấu tranh độc lập. Nay được đưa lên cùng với chủ đề các quốc gia cổ đại trên đất nước ta, bởi vì cùng một nội dung các quốc gia cổ đại ở nước ta lại học gắn liền và liên tục với nhau.
9	Phiếu ôn tập 2		Hướng dẫn HS ôn tập nội dung trong phiếu kiểm tra; thực hiện có thể trên lớp hoặc ở nhà
10	Bài 8. Chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và những chuyển biến của xã hội nước ta (179 TCN – thế kỉ X)	3	Trong chương trình hiện hành nội dung chế độ của các triều đại phong kiến phương Bắc và những chuyển biến của xã hội nước ta (179 TCN – thế kỉ X) nằm rải rác từ bài 17 đến bài 23 của chương trong chương Thời Bắc thuộc và đấu tranh độc lập nay được cấu trúc thành một bài với nội dung chỉ về Chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và những chuyển biến của xã hội nước ta.
11	Bài 9. Các cuộc đấu tranh giành độc lập tiêu biểu (thế kỉ I - IX)	5	Nội dung này chỉ cấu trúc những nội dung về các cuộc đấu tranh giành độc lập tiêu biểu (thế kỉ I - IX) trong chương chương trong chương Thời Bắc thuộc và đấu tranh độc lập.

12	Phiếu ôn tập 3		Hướng dẫn HS ôn tập nội dung trong phiếu kiểm tra; thực hiện có thể trên lớp hoặc ở nhà.
13	Bài 10. Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X	3	
14	Phiếu ôn tập 4		Hướng dẫn HS ôn tập nội dung trong phiếu kiểm tra; thực hiện có thể trên lớp hoặc ở nhà.
15	Bài 11. Kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí	3	Theo SGK hiện hành
16	Bài 12. Trái Đất, các chuyển động của Trái Đất	3	Được tích hợp từ các bài Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả; Sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời; Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo mùa. Mục đích để HS có được cái nhìn tổng quát, dễ hiểu và đỡ nhầm lẫn về 02 nội dung: Trái Đất tự quay quanh trục và hệ quả; Trái Đất quay quanh Mặt Trời và hệ quả.
17	Phiếu ôn tập 5		Giao nhiệm vụ cho HS ôn tập trên lớp hoặc về nhà
18	Bài 13. Cấu tạo bên trong của Trái Đất	2	Theo chương trình hiện hành
19	Bài 14. Nội lực và ngoại lực, khoáng sản	2	Được tích hợp từ hai bài trong SGK hiện hành: Tác động của nội lực và ngoại lực trong việc hình thành địa hình bề mặt Trái Đất; Các mỏ khoáng sản. Việc tích hợp làm cho vấn đề được lô gic hơn, các khoáng sản thường được sinh ra trong quá trình vận động của Trái Đất và do tác động của hai lực chủ yếu là nội lực và ngoại lực.
20	Bài 15. Địa hình bề mặt Trái Đất	3	Theo SGK hiện hành

21	Phiếu ôn tập 6		Giao nhiệm vụ cho HS ôn tập trên lớp hoặc về nhà
22	Bài 16. Không khí và các khối khí	2	Được tích hợp từ hai bài trong SGK hiện hành: Lớp vỏ khí và một phần của bài thời tiết, khí hậu và nhiệt độ không khí. Việc tích hợp làm cho vấn đề được lô gic hơn, khi tìm hiểu về các khối khí, căn cứ vào nhiệt độ người ta chia ra khối khí nóng và khối khí lạnh. Để hiểu được nội dung này HS cần có khái niệm và những hiểu biết về nhiệt độ không khí.
23	Bài 17. Khí áp và các loại gió	2	Theo SGK hiện hành
24	Bài 18. Thời tiết, khí hậu và một số yếu tố của khí hậu		Được tích hợp từ bài 18. Thời tiết, khí hậu và nhiệt độ không khí với bài 22 Các đới khí hậu trên Trái Đất. Đảm bảo tính hợp lý hơn.
25	Phiếu ôn tập 7		Giao nhiệm vụ cho HS ôn tập trên lớp hoặc về nhà
26	Bài 19. Nước trên Trái Đất	3	Được tích hợp từ bài 23. Sông và hồ, bài 24. Biển và đại dương, bài 25. Thực hành. Sự chuyển động của các dòng biển trong các đại dương. Đảm bảo học lý thuyết gắn với luyện tập và thực hành.
27	Bài 20. Đất và sinh vật trên Trái Đất	2	Được tích hợp từ bài 26. Đất, các nhân tố hình thành đất và bài 27. Lớp vỏ sinh vật. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố thực, động vật trên Trái Đất.
28	Phiếu ôn tập 8		Giao nhiệm vụ cho HS ôn tập trên lớp hoặc về nhà
29	Bài 21. Tìm hiểu quê hương em	3	Đây là nội dung mới dựa trên cơ sở nội dung địa phương nhằm tìm hiểu vị trí địa lý, các điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành, phát triển và truyền thống của quê hương (xã, phường) học sinh.

b) Hướng dẫn thực hiện chương trình

*** Khung phân phối chương trình**

1. Cả năm: 35 tuần; 66 tiết.

- Bài học liên môn: 7 tiết.

- Bài học Địa lí: 25 tiết.

- Bài học Lịch sử: 26 tiết.

2. Học kì I: 18 tuần

- **Phần các bài học liên môn 05 tiết:** Bài 1. Tìm hiểu môn khoa học xã hội; Bài 2. Bản đồ và cách sử dụng bản đồ, được thực hiện trong đầu năm học, trước khi thực hiện các bài theo phân môn Lịch sử và Địa lí.

- **Phân môn Lịch sử 13 tiết:** Thực hiện từ Bài 3. Xã hội nguyên thủy đến hết bài 7. Chăm - pa và Phù Nam; Hướng dẫn HS ôn tập phiếu ôn tập 1 và 2.

- **Phân môn Địa lí 13 tiết:** Thực hiện từ Bài 11. Kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí đến hết Bài 15. Địa hình bề mặt Trái Đất; Hướng dẫn HS ôn tập phiếu ôn tập 5 và 6.

3. Học kì II: 17 tuần

- **Phần các chủ đề liên môn 3 tiết:** bài 21 thực hiện vào những tuần cuối của năm học, sau khi thực hiện xong các bài Lịch sử và Địa lí.

- **Phân môn Lịch sử:** Thực hiện các bài còn lại; Hướng dẫn học sinh ôn tập các phiếu ôn tập 4 và 5.

- **Phân môn Địa lí 12 tiết:** Thực hiện các bài còn lại; Hướng dẫn học sinh ôn tập các phiếu ôn tập 7 và 8.

*** Những vấn đề cụ thể của môn KHXH**

Tiến trình dạy học môn KHXH thực hiện như hướng dẫn ở phần I. Khung phân phối chương trình, các nhà trường chủ động sắp xếp kế hoạch dạy học đảm bảo nội dung của từng phân môn Lịch sử và Địa lý trong mỗi học kì được thực hiện song song.

2. Tài liệu hướng dẫn học

Cấu trúc của chương trình được thể hiện thông qua các bài học trong tài liệu Hướng dẫn học môn KHXH và được thiết kế như sau:

a) Cách trình bày chung của tài liệu

- Về kích thước của tài liệu:

So với SGK Địa lí 6, Lịch sử 6 thì tài liệu Hướng dẫn học môn KHXH có kích thước lớn hơn 20,5cmx27cm và được ghép thành 01 quyển.

- Về hệ thống kênh hình và kênh chữ:

Cũng giống như SGK, hệ thống kênh hình của tài liệu Hướng dẫn học môn KHXH lớp 6 rất phong phú và đa dạng với các hình ảnh, sơ đồ sinh động, màu sắc tươi sáng, thu hút sự chú ý và hấp dẫn HS học tập. Kênh hình trong tài liệu là nguồn thông tin phong phú, sinh động; là phương tiện làm việc hữu hiệu đối với HS, giúp các em tìm tòi, khám phá đi tới các kiến thức mới cũng như rèn các kĩ năng học tập.

Hệ thống kênh chữ trong tài liệu bao gồm: mục tiêu của bài học, chỉ dẫn các hoạt động học tập, hệ thống các lệnh (yêu cầu HS làm việc) các câu hỏi, bài tập và các đoạn thông tin, các tình huống học tập để HS đọc, suy ngẫm và phát hiện ra kiến thức cần tiếp nhận, các kĩ năng cần rèn luyện,....

So với SGK Lịch sử, Địa lí hiện hành, số lượng kênh hình tăng nhiều, hệ thống kênh hình mang tính trực quan, sinh động nên giúp HS lớp 6 dễ nhận biết, khai thác kiến thức dễ dàng hơn. Kênh hình trong tài liệu giúp bổ sung kiến thức cho kênh chữ, giúp HS khai thác kiến thức, tìm mối liên hệ giữa các đối tượng tự nhiên, kinh tế, xã hội.

- Về các kí hiệu cho các hoạt động của HS

Ngoài hệ thống tranh, ảnh, sơ đồ, lược đồ thì kênh hình trong Hướng dẫn học môn KHXH 6 còn có các hình kí hiệu thể hiện hình thức tổ chức các hoạt động học tập: cả lớp, làm việc theo nhóm trên 3 HS, là việc nhóm đôi (cặp đôi) hoặc cá nhân, thực hành ở nhà với gia đình hoặc cộng đồng. Cụ thể như sau:

<i>Kí hiệu</i>	<i>Hoạt động học tập</i>
	Hoạt động cá nhân
	Hoạt động cặp đôi

	Hoạt động nhóm
	Hoạt động cả lớp
	Hoạt động với cộng đồng

Căn cứ vào những kí hiệu đó, HS chủ động thực hiện các hoạt động học tập với sự giám sát và hỗ trợ của GV, các hoạt động này có thể diễn ra ở trong lớp, ngoài lớp học. Ngoài ra, Hướng dẫn học KHXH 6 cũng chú trọng đến hoạt động học tập được thực hiện ở nhà của HS, tạo điều kiện cho cha mẹ HS và cộng đồng tham gia vào quá trình học tập của các em một cách thường xuyên hơn thông qua việc giúp đỡ, hướng dẫn HS học tập; bổ sung các kiến thức, kĩ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu học tập của các em. Cha mẹ lắng nghe HS trình bày nội dung học tập, kể về những gì em học được, tìm tòi mở rộng thêm, sẽ giúp HS củng cố kiến thức, rèn kĩ năng cũng như tăng thêm sự hứng thú học tập.

Sự khác nhau giữa SGK Lịch sử, Địa lí hiện hành và tài liệu HDH môn KHXH theo mô hình trường học mới

SGK Lịch sử , Địa lí hiện hành	Tài liệu HDH môn KHXH
Gồm 02 cuốn, SGK Địa lí và Lịch sử	Gồm 01 cuốn KHXH
Gồm các bài học đơn môn	Gồm các bài học Liên môn, Lịch sử và Địa lí
Các bài học được trang bị chủ yếu là nội dung	Các bài học được trình bày theo các hoạt động, với hình thức tự học có hướng dẫn
	Các phiếu ôn tập
	Số lượng kênh hình nhiều hơn

b) Cách trình bày từng bài học

Các bài học trong Hướng dẫn học KHXH 6 đều có một cấu trúc chung bao gồm: tên, số tiết, mục tiêu, hoạt động khởi động, hoạt động hình thành kiến thức, hoạt động luyện tập, hoạt động vận dụng, hoạt động tìm tòi mở rộng.

Tên bài học: Khái quát nội dung chính thường tương thích với đơn vị kiến thức của một vài bài so với sách giáo khoa hiện hành. Ví dụ như Văn hóa cổ đại; Địa hình bề mặt Trái Đất.

Mục tiêu: Từng bài học được đặt ngay sau tên bài học nhằm giúp HS xác định được đích cần đạt khi hoàn thành bài học và định hướng được nhiệm vụ học tập của mình trước khi đi vào các HĐ học tập cụ thể. Ngoài các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ như đối với mục tiêu các bài Lịch sử, Địa lí lớp 6 hiện hành, trong mục tiêu bài học còn chú ý đến việc hình thành và phát triển ở HS khả năng liên hệ thực tế và khả năng giải quyết vấn đề gắn với cuộc sống của các em nhằm hướng vào các năng lực mà môn KHXH có trách nhiệm thực hiện. Ví dụ, mục tiêu của bài Bản đồ và cách sử dụng bản đồ: Nêu được khái niệm bản đồ; Trình bày được ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ, hai dạng tỉ lệ bản đồ; Nêu được một số loại, dạng kí hiệu thường được sử dụng để thể hiện các đối tượng địa lí, lịch sử trên bản đồ; Tính được khoảng cách trên thực tế và ngược lại dựa vào tỉ lệ bản đồ; Sử dụng được bản đồ trong học tập Địa lí, Lịch sử và trong đời sống.

Các hoạt động học tập trong mỗi bài học thường gồm 5 HĐ. Đó là HĐ khởi động, HĐ hình thành kiến thức, HĐ luyện tập, HĐ vận dụng, HĐ tìm tòi mở rộng.

III. TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TẠI VIỆT NAM

1. Chuẩn bị của giáo viên

- So với việc chuẩn bị bài lên lớp của cách dạy học hiện hành, dạy học theo mô hình trường học mới Việt Nam có sự khác biệt. Trước khi lên lớp, trong công tác chuẩn bị, GV phải suy nghĩ đến việc lựa chọn cách tổ chức các hoạt động học tập để đạt mục tiêu bài học đặt ra; đến các bước tiến hành các hoạt động đó như thế nào cho hiệu quả; đến việc sử dụng phương pháp, kỹ thuật, phương tiện dạy học nào cho phù hợp với nội dung bài học và với đối tượng HS,.... Trong dạy học theo mô hình trường học mới Việt Nam, phần lớn những vấn đề nêu trên đã được gợi ý trong tài liệu Hướng dẫn học. Song các hướng dẫn đó không phải là bắt buộc, GV có thể thực hiện hoặc thay đổi theo sự sáng tạo của mình sao cho đảm bảo được sự phù hợp với đối tượng HS, phù hợp với đặc điểm giáo dục địa phương và chất lượng học tập của HS.

- Với sự đổi mới đó, GV cần chuẩn bị gì cho bài học mới?

+ Trước hết GV cần nghiên cứu kĩ mục tiêu chủ đề, tương tự như việc chuẩn bị bài lên lớp hiện nay. Tuy nhiên GV cần chú ý đến yêu cầu HS liên hệ, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học vào thực tiễn của cuộc sống.

+ GV đọc kĩ các hoạt động khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi, mở rộng. Mỗi hoạt động có đảm bảo được đặc trưng không? Nếu không đảm bảo thì cần phải điều chỉnh như thế nào? cần lưu ý gì khi tiến hành tổ chức các hoạt động cho HS,...

+ GV xem xét trong chủ đề có hoạt động cả lớp (HS với GV) không? Nếu có, GV cần nghiên cứu kĩ thời điểm có hoạt động này bởi nếu là hoạt động đầu tiên của tiết học thì xuất phát điểm của mọi HS gần như là tương đồng, GV có thể chưa cần chú ý đến nhịp độ học của các em. Song nếu là hoạt động trong tiến trình tiết học, GV cần quan tâm đến nhịp độ học của tất cả HS sao cho đến thời điểm đó các em đều thực hiện được hoạt động cả lớp.

+ Hoạt động cá nhân, theo cặp, theo nhóm được bố trí với nội dung nào, ở thời điểm nào để GV lưu ý cách chia nhóm và dự kiến cách hỗ trợ HS, chuẩn bị các học liệu cần thiết.

+ Trong quá trình học, HS cần phương tiện học tập, tài liệu tham khảo, các nguồn học liệu nào? Số lượng là bao nhiêu? Trong góc học tập của lớp đã có đủ phương tiện đó chưa? Nếu lớp học không có góc học tập, GV cần chuẩn bị hoặc yêu cầu HS cùng chuẩn bị phương tiện học tập và học liệu cần thiết cho bài học. GV cũng cần chú ý đến sự liên kết giữa nguồn học liệu ở thư viện nhà trường với nội dung các bài học để giới thiệu cho HS đọc và tham khảo, mở rộng nội dung bài học.

+ GV cần dự kiến những nội dung học tập có thể phát sinh nghi vấn, tình huống có vấn đề đối với HS. GV cần tìm hiểu kĩ hơn những nội dung này và chuẩn bị câu trả lời cũng như hướng dẫn HS tham gia giải quyết.

+ GV cần dự kiến những hoạt động học tập có thể gây khó khăn cho HS yếu kém và chuẩn bị hướng dẫn chi tiết hơn. Đồng thời GV cũng cần chú ý tới những nội dung có thể bổ sung cho HS khá giỏi, tạo điều kiện cho các em phát triển khả năng của mình, tránh gây nhàm chán cho một số nhóm đối tượng HS trong lớp.

+ Mô hình trường học mới Việt Nam không yêu cầu giáo viên soạn giáo án, vì tài liệu Hướng dẫn học đã hướng dẫn chi tiết các hoạt động. Song giáo viên cần phải chuẩn bị bài dạy, dự kiến tình huống lên lớp, điều chỉnh các hoạt động khi thấy cần thiết, bổ

sung thông tin cho phù hợp với đối tượng HS, ghi chép những nội dung cần điều chỉnh trong tài liệu, ghi chép lại các thắc mắc của HS và cha mẹ HS về nội dung bài học, ghi chép những điều cần lưu ý liên quan đến HS,... Các nội dung đó được ghi chép vào "Sổ tay lên lớp" (ghi chép cá nhân), các cấp quản lý không kiểm tra nội dung ghi chép trong "Sổ tay lên lớp" của giáo viên.

Như vậy việc chuẩn bị bài của GV tưởng đơn giản hơn song thực tế GV cần đầu tư công sức và thời gian để tổ chức tiết học tạo điều kiện cho HS được làm việc thực sự, tự chiếm lĩnh kiến thức và rèn kỹ năng học tập của mình.

2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động học

a) Hoạt động khởi động

- Mục đích: Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. Giáo viên sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu Hướng dẫn học; làm bộc lộ "cái" HS đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp HS suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

- Phương thức hoạt động: Để tạo ra tình huống có vấn đề, kết nối hiểu biết của HS với nội dung bài mới, đồng thời tạo hứng thú cho HS khi bước vào bài học mới, HĐ khởi động thường sử dụng tranh, ảnh, các tình huống, đồ vui,... có liên quan đến nội dung của bài học. Các nút lệnh trong tài liệu HDH đã thể hiện hình thức tổ chức dạy học, GV lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học để tổ chức hoạt động học cho HS.

- Đánh giá: Thông qua kết quả hoạt động của HS, GV đánh giá được những hiểu biết ban đầu của các em về các vấn đề liên quan đến kiến thức trong chủ đề được học.

Ví dụ 1: Bài Văn Lang Âu Lạc (Lịch sử)

- GV giới thiệu và nêu câu hỏi để xem học sinh có những hiểu biết gì về những kiến thức liên quan đến nhà nước Văn Lang, khu di tích thành Cổ Loa của nước Âu Lạc. HS có thể biết, biết nhưng chưa đầy đủ, hoặc chưa biết về những kiến thức trên qua đó kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu những điều chưa biết về nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

- GV tổ chức hoạt động nhóm, sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại trong dạy học lịch sử yêu cầu học trao đổi và trả lời các câu hỏi :

+ Hằng năm, giỗ Tổ Hùng Vương diễn ra vào ngày nào ? Tại sao?

+ Em biết gì về khu di tích thành Cổ Loa ?

- HS trao đổi thảo luận, trình bày ý kiến trước lớp. Những vấn đề HS có thể biết là ngày giỗ Tổ Hùng Vương hay biết về tên thành Cổ Loa qua câu truyện Trọng Thủy – Mỵ Châu, An Dương Vương bị mất nỏ thần. Nhưng vấn đề HS có thể chưa biết là tại sao nhân dân ta lại tổ chức giỗ Tổ Hùng Vương và nhà nước Văn Lang ra đời thời Hùng Vương; Thành cổ Loa có kiến trúc như thế nào? Những điều chưa biết đó sẽ HS mong muốn khám phá, tìm hiểu. Cuối cùng GV đánh giá, và dẫn dắt: những vấn đề các em chưa biết, hoặc biết chưa đầy đủ về nhà nước Văn Lang, Âu Lạc chúng ta sẽ tìm hiểu thông qua bài học .

* Tuy nhiên, GV có thể thực hiện hoạt động bằng việc cho HS xem một đoạn video, tư liệu về Lễ giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ hội Cổ Loa, tranh ảnh về thành Cổ Loa. Hoặc một đoạn tư liệu, tranh ảnh của địa phương có liên quan đến nhà nước Văn Lang, Âu Lạc và nêu câu hỏi:

+ Video, hình ảnh trên là lễ hội nào? Nêu biết gì về lễ hội đó ?

+ Tại sao nhân dân ta lại tổ chức lễ hội đó?

HS tra đổi đàm thoại và báo cáo kết quả làm việc. GV nhận xét và dẫn dắt: những vấn đề các em chưa biết, hoặc biết chưa đầy đủ về lễ hội liên quan đến nhà nước Văn Lang, Âu Lạc chúng ta sẽ tìm hiểu thông qua bài học .

Ví dụ 2: Bài Khí áp và các loại gió (Địa lý)

- Mục đích khởi động của bài này là tìm xem HS đã có những hiểu biết gì về gió: tác động tích cực và tiêu cực của gió đối với đời sống, nguyên nhân nào sinh ra gió, gió thổi ở mọi nơi trên Trái Đất có giống nhau không? Vì sao? Nếu chỉ bằng hiểu biết của cá nhân, HS sẽ không thể có câu trả lời đầy đủ và trọn vẹn. Như vậy hoạt động khởi động đã tạo ra được sự mâu thuẫn giữa "cái" đã biết là một số tác động tích cực và tiêu cực của gió đối với hoạt động sản xuất và đời sống với "cái" muốn biết và "cái" chưa biết là: nguyên nhân nào sinh ra gió? gió thổi ở mọi nơi trên Trái Đất có giống nhau không? đây chính là động lực thôi thúc HS học tập, tìm tòi, khám phá. Câu trả lời được đầy đủ, có căn cứ khoa học đối với câu hỏi: *Nguyên nhân nào sinh ra gió, gió thổi ở mọi nơi trên Trái Đất có giống nhau không? Vì sao?* chính là nội dung của bài học.

- Trong tài liệu Hướng dẫn học, hoạt động khởi động được tổ chức với hình thức toàn lớp, học liệu là tranh ảnh, GV yêu cầu cả lớp quan sát tranh ảnh và huy động những hiểu biết của bản thân để hoàn thành sơ đồ và trả lời các câu hỏi. Như vậy GV

cần nghiên cứu và dự kiến việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học nào để đạt được hiệu quả cao, phương án kiểm tra đánh giá như thế nào?

Trong tài liệu Hướng dẫn học có yêu cầu HS sử dụng tranh ảnh kết hợp với hiểu biết của bản thân để hoàn thành sơ đồ và trả lời câu hỏi, vậy các phương pháp và kỹ thuật dạy học có thể được sử dụng là: *phương pháp dạy học trực quan, kỹ thuật sử dụng tranh ảnh địa lí, kỹ thuật hỏi tưởng, kỹ thuật sơ đồ hóa*. HS có thể thực hiện các thao tác sau:

- + Bước 1: xác định xem bức ảnh đó thể hiện nội dung gì?
- + Bước 2: phân loại nội dung tác động tích cực hay tiêu cực
- + Bước 3: kết hợp với kiến thức đã có của bản thân, bổ sung thêm các tác động tích cực và tiêu cực của gió đối với sản xuất và đời sống, điền vào sơ đồ.
- + Bước 4: chuẩn bị ý kiến trao đổi với cả lớp và tự điều chỉnh.

Để có thể trao đổi kết quả làm việc với cả lớp, GV cần dành thời gian cho HS làm việc cá nhân, cá nhân hoàn thành sơ đồ và trả lời câu hỏi, trên cơ sở kết quả đó trao đổi, chia sẻ với các bạn trong lớp. Bằng hiểu biết của mình, kết hợp với phân tích hình ảnh, HS dễ dàng nêu được những tác động tích cực và tác động tiêu cực của gió đối với đời sống và sản xuất. Tuy nhiên, ở câu hỏi: *Nguyên nhân nào sinh ra gió, gió thổi ở mọi nơi trên Trái Đất có giống nhau không? Vì sao?* HS sẽ có câu trả lời không đầy đủ, chưa chính xác hoặc có thể không trả lời được, đây chính là tình huống để GV vào bài học mới và tạo ra hứng thú học tập, tìm tòi khám phá cho HS.

- Hoạt động này GV có thể đánh giá HS bằng cách khác nhau như: quan sát HS trong thời gian làm việc cá nhân; đánh giá sản phẩm của cá nhân HS; đánh giá thông qua việc thảo luận trao đổi với cả lớp,...

- Hoạt động khởi động trong tài liệu HDH chỉ là một trường hợp để HS bộc lộ những hiểu biết của mình về nội dung bài học và tạo hứng thú học tập cho HS. Tùy theo đặc điểm của từng địa phương GV có thể điều chỉnh, sử dụng những tranh, ảnh minh họa gần gũi với địa phương HS hoặc lựa chọn cách khởi động khác và đem lại hiệu quả cao hơn.

b) Hoạt động hình thành kiến thức

- Mục đích của hoạt động này là giúp HS lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng mới và đưa các kiến thức, kỹ năng mới vào hệ thống kiến thức, kỹ năng của bản thân. Giáo viên sẽ giúp HS xây dựng kiến thức mới của bản thân trên cơ sở đối chiếu kiến thức,

kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới; kết nối/sắp xếp kiến thức cũ và kiến thức mới dựa trên việc phát biểu, viết ra các kết luận/ khái niệm/ công thức mới...

- Phương thức hoạt động: trong các hoạt động học cần tập trung tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập với yêu cầu như sau:

+ *Chuyển giao nhiệm vụ học tập*: nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của HS, thể hiện ở yêu cầu về sản phẩm mà HS phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của HS; đảm bảo cho tất cả HS tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

+ *Thực hiện nhiệm vụ học tập*: khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của HS và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả; không có HS bị "bỏ quên".

+ *Báo cáo kết quả và thảo luận*: hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho HS trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lý.

+ *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*: nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của HS; chính xác hóa các kiến thức mà HS đã học được thông qua hoạt động.

Mỗi bài học được thực hiện ở nhiều tiết học nên một nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong và ngoài lớp học. Vì thế, trong một tiết học có thể chỉ thực hiện một số bước trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kỹ thuật dạy học được sử dụng.

Ví dụ 1: Bài Văn Lang Âu Lạc (Lịch sử)

Khi tổ chức hoạt động 1 : ***Tìm hiểu về sự thành lập nước Văn Lang***

Hoạt động này giúp HS có những hiểu biết về hoàn cảnh ra đời của nhà nước Văn Lang, sự thành lập nhà nước Văn Lang. Để đạt được mục tiêu đó, GV cần tổ chức HS thực hiện hoạt động học tập theo nhóm và sử dụng một số phương pháp và kỹ thuật dạy học sau:

GV cho học sinh đọc thông tin, kết hợp với quan sát các hình 1,2,3 trong mục ***sự thành lập nước Văn Lang*** và thực hiện yêu cầu sau:

- Xác định trên lược đồ vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, nơi hình thành các bộ lạc lớn tiền thân của nhà nước Văn Lang.

- Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh nào? Ai là người có thể đứng ra giải quyết tình trạng đó?

- Tên đầu tiên của nước ta là gì? Đóng đô ở đâu? Do ai đứng đầu?

- Đối với yêu cầu : *Xác định trên lược đồ vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ*, nơi hình thành các bộ lạc lớn tiền thân của nhà nước Văn Lang. GV dùng phương pháp *sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học Lịch sử*. Cách tiến hành như sau:

GV treo lược đồ lên bảng (hoặc yêu cầu HS qua sát lược đồ trong tài liệu hướng dẫn học), yêu cầu HS quan sát lược đồ thảo luận nhóm và xác định trên lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ nơi hình thành các bộ lạc lớn tiền thân của nhà nước Văn Lang.

GV gọi HS lên chỉ trên lược đồ, HS khác có thể bổ sung cho bạn.

GV nhận xét kết quả việc xác định trên lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ nơi hình thành các bộ lạc lớn tiền thân của nhà nước Văn Lang của HS.

- Với câu hỏi: Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh nào? Ai là người có thể đứng ra giải quyết tình trạng đó? GV viên sử dụng dạy học nêu vấn đề. Cách tiến hành như sau:

GV có thể tạo tình huống có vấn đề như sau : Khoảng thế kỉ VIII – VII TCN, các bộ lạc ở vùng đồng bằng ven các con sông lớn Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay xuất hiện: sự phân hóa giàu nghèo, xung đột, đe dọa từ bên ngoài... Trước tình hình đó đặt ra yêu cầu gì? Ai là người có thể đứng ra giải quyết tình trạng đó? Với những câu hỏi đó tình huống có vấn đề đã được đặt ra, điều đó kích thích HS phải suy nghĩ, tìm tòi và giải quyết trên cơ sở kiến thức ở nội dung thông tin.

Sau đó GV có thể sử dụng *Kỹ thuật khăn trải bàn* để giải quyết vấn đề được đặt ra như sau:



- Chia HS thành các nhóm.
- Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, và viết vào phần mang số của mình.
- Khi hết thời gian làm việc cá nhân, các thành viên trong nhóm chia sẻ, thảo luận, thống nhất câu trả lời.
- Ý kiến thống nhất của nhóm được viết vào phần chính giữa.
- Với câu hỏi: Tên đầu tiên của nước ta là gì? Đóng đô ở đâu? Do ai đứng đầu? GV viên sử dụng phương pháp dạy học *Trao đổi đàm thoại*. Cách tiến hành như sau:

Trước hết, GV nêu câu hỏi ở trên, đây chính là vấn đề HS phải trao đổi, đàm thoại với bạn để trả lời. HS muốn trả lời được câu hỏi này phải làm việc cá nhân đọc thông tin trong mục của tài liệu Hướng dẫn học, độc lập suy nghĩ, xâu chuỗi các sự kiện lịch sử, phân tích và tự rút ra nội dung trả lời, sau đó trao đổi, đàm thoại với bạn trong nhóm, thống nhất nội dung để trả lời thầy /cô về Tên đầu tiên của nước ta; Nơi đóng đô; Người đứng đầu nhà nước Văn Lang. Trong quá trình sử dụng phương pháp dạy học trao đổi đàm thoại, GV chú ý phát huy tính tích cực của HS, thường xuyên nêu các câu hỏi gợi mở để kịp thời định hướng tư duy cho HS, cần tôn trọng, động viên, khích lệ HS.

Ví dụ 2: Bài Khí áp và các loại gió (Địa lý)

- Hoạt động hình thành kiến thức của bài này gồm các hoạt động: Tìm hiểu khí áp và các đai khí áp trên Trái Đất; Tìm hiểu gió và các hoàn lưu khí quyển. Để biết được nguyên nhân sinh ra gió và các loại gió thổi trên Trái Đất, HS phải đi tìm hiểu về khí áp.
- Đối với nội dung Tìm hiểu khí áp và các đai khí áp trên Trái Đất, mục tiêu là: Trình bày được khái niệm khí áp và sự phân bố các đai áp cao, áp thấp trên Trái Đất; Dựa vào hình vẽ nhận xét được sự phân bố các đai khí áp trên Trái Đất.
- Trong tài liệu Hướng dẫn học mạch kiến thức được trình bày lô gic, HS cần phải tìm hiểu khái niệm về khí áp, khí áp đó được đo bằng dụng cụ gì? để hoàn thành được yêu cầu này HS đọc đoạn hội thoại, sau đó HS quan sát hình ảnh để trả lời câu hỏi trên Trái Đất có mấy đai khí áp, trình bày sự phân bố các đai khí áp từ Xích đạo về hai cực. Hình thức tổ chức hoạt động là cặp đôi, hai HS đóng vai đọc đoạn hội thoại, thảo luận và trả lời các câu hỏi.
- Phương tiện dạy học được sử dụng trong hoạt động này là hình ảnh về các đai khí áp trên Trái Đất, HS khai thác hình ảnh để tìm ra nội dung kiến thức, thông qua đó

HS rèn được kĩ năng bộ môn, đồng thời đây cũng chính là một trong những kĩ thuật dạy học đặc trưng của môn Địa lí, hình thành các khái niệm, thuật ngữ địa lí thông qua biểu tượng, hình ảnh.

- Để HS có ý kiến thảo luận cặp đôi, GV bắt đầu bằng việc cho HS làm việc cá nhân trước, sau khi cá nhân tìm hiểu, có được câu trả lời, HS sẽ tiến hành trao đổi cặp, so sánh với các cặp bên cạnh để khẳng định lại kết quả khám phá của mình, đồng thời thông qua trao đổi cặp, so sánh kết quả với cặp bên cạnh chính là HS tham gia tự đánh giá và đánh giá bạn và điều chỉnh kết quả học tập của bản thân.

- Đánh giá: GV đánh giá HS thông qua quan sát HS làm việc cá nhân và cặp, đánh giá sản phẩm làm việc cá nhân, cặp đôi; GV cũng có thể cho HS tự đánh giá và sửa chữa sản phẩm của mình thông qua việc gọi một cặp HS nào đó báo cáo kết quả và GV chuẩn hóa kiến thức. Trong đánh giá HS GV lưu ý không chỉ đánh giá sản phẩm cuối cùng, đánh về kiến thức mà GV cần quan sát, đánh giá khả năng hợp tác, giao tiếp của HS, tinh thần thái độ học tập của HS.

c) Hoạt động luyện tập

- Mục đích của hoạt động này là giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được. Giáo viên sẽ yêu cầu HS làm các “bài tập” cụ thể giống như “bài tập” trong bước hình thành kiến thức để diễn đạt được đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình và áp dụng trực tiếp kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

- Nội dung: Đây là những hoạt động củng cố kiến thức, kĩ năng đã được học bao gồm những nhiệm vụ như trình bày, viết văn, bài thực hành tạo ra tư duy chặt chẽ; yêu cầu HS phải vận dụng những hiểu biết đã học vào giải quyết các bài tập cụ thể; giúp cho HS thực hiện tất cả những hiểu biết ở trên lớp. Ví dụ như phải đối chiếu, so sánh giữa kinh nghiệm (hoạt động 1) và kiến thức khoa học (hoạt động 2); làm các bài báo cáo (powerpoint hay poster) về các kiến thức khoa học trong bài...

- Phương thức hoạt động: HS có thể được hướng dẫn hoạt động cá nhân hoặc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, bài tập, bài thực hành... Đầu tiên nên cho HS hoạt động cá nhân để các em hiểu và biết được mình hiểu kiến thức như thế nào, có đóng góp gì vào hoạt động nhóm và xây dựng các hoạt động của tập thể lớp. Sau đó cho HS hoạt động nhóm để trao đổi chia sẻ kết quả mình làm được, thông qua đó các em có thể học tập lẫn nhau, tự sửa lỗi cho nhau, giúp cho quá trình học tập hiệu quả hơn. Kết thúc hoạt động này HS sẽ trao đổi với GV để được bổ sung, uốn nắn những nội dung chưa đúng.

- Đánh giá: Thông qua hoạt động này, đánh giá được kiến thức, kĩ năng, sự vận dụng kiến thức kĩ năng vào bài tập cụ thể. Nếu HS chưa đạt cần có kế hoạch bồi dưỡng thêm.

Ví dụ 1: Bài Văn Lang Âu Lạc (Lịch sử)

GV tổ chức, hướng dẫn HS làm bài tập sau:

1. Em hãy vẽ sơ đồ tổ chức nhà nước Văn Lang và Âu Lạc và nêu nhận xét.

- Với yêu cầu này GV cho HS làm việc cá nhân sau đó báo cáo kết quả làm việc.
- Sau đó dựa trên sơ đồ đã được vẽ HS nhận xét về tổ chức nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

2. Mô tả lại thành Cổ Loa. Nêu nét độc đáo của thành.

Với việc mô tả thành Cổ Loa GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ và những hình ảnh về thành Cổ Loa để mô tả. Sau đó, dựa vào việc mô tả để nhận xét những nét độc đáo của thành Cổ Loa.

3. Lập bảng thống kê về nhà nước Văn Lang và nhà nước Âu Lạc theo yêu cầu sau:

Nội dung	Nước Văn Lang	Nước Âu Lạc
Hoàn cảnh ra đời		
Tổ chức nhà nước		
Sự sụp đổ		

GV làm việc cá nhân hướng dẫn HS dựa vào nội dung kiến thức bài học lập bảng thống kê về nhà nước Văn Lang và Âu Lạc nhằm hiểu sâu sắc hơn nội dung bài học.

Sau khi cá nhân HS trao đổi cặp đôi hoặc nhóm để sửa lỗi sai, bổ sung hoàn thiện. Kết thúc hoạt động luyện tập với 3 yêu cầu trên HS trao đổi với GV, GV hướng dẫn HS bổ sung, sửa chữa, hoàn thiện những nội dung chưa đúng.

Ví dụ 2: Bài Khí áp và các loại gió (Địa lý)

Để giúp HS củng cố kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội được, tài liệu HDH yêu cầu HS vẽ hình tròn, trên hình tròn đó thể hiện được các vĩ độ 0^0 , 30^0 , 60^0 , 90^0 , việc xác định các vĩ độ giúp HS xác định được các đai khí áp; HS xác định phạm vi hoạt động

của các loại gió dựa vào các đai khí áp, sau đó HS dùng các kí hiệu mũi tên để biểu hiện hướng chuyển động của các loại gió đó. HĐ này được thực hiện cá nhân, mỗi cá nhân huy động kiến thức đã được học trong bài và hoàn thành bài tập, sau khi hoàn thành cá nhân, HS trao đổi so sánh kết quả với bạn bên cạnh để đánh giá sản phẩm của mình. Như vậy, việc hoàn thành bài tập luyện tập giúp cho HS nắm vững kiến thức, rèn luyện được kĩ năng và hình thành nội dung bài học thông qua biểu tượng địa lí.

d) Hoạt động vận dụng

- Mục đích của hoạt động này là giúp HS vận dụng được nội dung bài học để giải quyết các tình huống/vấn đề mới, không giống với những tình huống/vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống/vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống. Giáo viên sẽ hướng dẫn HS kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống/vấn đề tương tự tình huống/vấn đề đã học. Đây có thể là những hoạt động mang tính nghiên cứu, sáng tạo, vì thế cần giúp HS gần gũi với gia đình, địa phương, tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trước một tình huống/vấn đề, HS có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau.

- Nội dung: Hoạt động vận dụng khác với hoạt động luyện tập. Hoạt động luyện tập là làm bài tập cụ thể do GV hoặc sách hướng dẫn đặt ra còn hoạt động vận dụng là HS tự đặt ra bài tập cho mình. Đây là hoạt động triển khai ở nhà, cộng đồng; động viên, khuyến khích HS nghiên cứu, sáng tạo; giúp các em gần gũi với gia đình, địa phương, tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương. HS có thể tự đặt ra bài tập cho mình, trao đổi, thảo luận với gia đình và cộng đồng để cùng giải quyết. Tài liệu cần nêu các vấn đề cần phải giải quyết và yêu cầu HS phải tìm ra các cách giải quyết vấn đề khác nhau; yêu cầu HS phải thể hiện năng lực thông qua trao đổi, thảo luận với các bạn trong lớp, với GV, gia đình và cộng đồng. Có một yếu tố quan trọng để giúp cho HS sáng tạo là các vấn đề đưa ra không chỉ gắn chặt với những gì đã học trên lớp mà còn là vấn đề của cộng đồng, xã hội.

- Phương thức hoạt động: HS được hướng dẫn hoạt động cá nhân và nhóm để trao đổi với các bạn về nội dung và kết quả về bài tập do mình đặt ra, sau đó thảo luận với GV. Đặc biệt cần lưu ý hướng dẫn HS trao đổi, thảo luận với gia đình về những vấn đề cần giải quyết hoặc nêu những câu hỏi để các thành viên trong gia đình trả lời.... Hoạt động với cộng đồng như tìm hiểu thêm về những vấn đề thực tiễn có liên quan đến nội dung bài học. Hoạt động với GV có thể là trao đổi những kết quả và yêu cầu đánh giá.

Ví dụ 1: Bài Văn Lang Âu Lạc (Lịch sử)

GV yêu cầu HS làm bài tập phần vận dụng, nếu có thời thì làm ở trên lớp, nếu không còn thời gian hướng dẫn HS làm ở nhà hoặc ngoài lớp.

1. Em hiểu thế nào về câu nói của Bác Hồ:

“ Các vua Hùng đã có công dựng nước

Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước ”

Ở câu hỏi này yêu cầu HS giải thích nội dung câu nói của Bác Hồ, thông qua đó nêu được trách nhiệm của người học sinh trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

2. Có phải nước Âu Lạc sụp đổ là do mất cảnh giác không? Qua đó, em rút ra bài học gì?

Yêu cầu HS đưa ra quan điểm khẳng định được nguyên nhân nước Âu Lạc sụp đổ là do mất cảnh giác và lý giải. Đồng thời, qua đó phải rút ra bài học lịch sử trong công cuộc bảo vệ tổ quốc hiện nay.

Ví dụ 2: Bài Khí áp và các loại gió (Địa lý)

Để HS vận dụng kiến thức đã học được, hoạt động vận dụng yêu cầu HS trao đổi với người thân để cho biết nước ta nằm trong phạm vi hoạt động của loại gió nào? Vì sao? Trong hai ý của câu hỏi vừa có nhiệm vụ dành cho HS đại trà, vừa có nhiệm vụ nâng cao để phát huy tính sáng tạo của HS. Hoạt động này HS trao đổi với người thân để hoàn thành tạo ra sự gần gũi với gia đình, tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

đ) Hoạt động tìm tòi mở rộng

- Mục đích của hoạt động này là giúp HS không bao giờ dừng lại với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học, ham mê học tập suốt đời. Giáo viên cần khuyến khích HS tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức ngoài lớp học. HS tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

- Nội dung: Giao cho HS những nhiệm vụ bổ sung và hướng dẫn các em tìm các nguồn tài liệu khác để mở rộng kiến thức đã học, cung cấp cho HS các nguồn sách tham khảo và nguồn tài liệu trên mạng. Ngoài nội dung được giới thiệu trong tài liệu Hướng

dẫn học, GV cũng có thể gợi ý để HS tự đề xuất vấn đề các em muốn tìm hiểu liên quan đến bài học và hỗ trợ các em về nguồn tài liệu, về cách thức thực hiện để có được sản phẩm cụ thể. Như vậy sẽ tạo cho HS nhiều hứng thú học tập và khuyến khích các em ham tìm hiểu hơn. GV cần theo dõi, giúp đỡ HS trong quá trình thực hiện và kiểm tra kết quả làm việc của HS.

- Phương thức hoạt động: Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, đồng thời yêu cầu các em làm các bài trắc nghiệm đánh giá năng lực.

Ví dụ 1: Bài Văn Lang Âu Lạc

GV hướng dẫn HS tìm tòi, mở rộng những kiến thức có liên quan đến bài học với các yêu cầu sau:

1) Em hãy sưu tầm hình ảnh, tư liệu về các di tích: Đền Hùng, thành Cổ Loa, các di sản có liên quan đến Hùng Vương và An Dương Vương.

Với yêu cầu này, GV hướng HS sưu tầm các hình ảnh, tư liệu trên các internet, cuốn sách: Đại cương Lịch sử Việt Nam (phần từ nguyên thủy đến thế kỉ X), NXB GDVN; HN năm 1998

2) Tìm hiểu tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, di tích Đền Hùng, thành Cổ Loa.

Yêu cầu này GV hướng dẫn HS đọc cuốn sách và trang Web: Phạm Bá Khiêm, Đền Hùng và tín thờ cúng Hùng Vương, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội 2013.

Tìm hiểu trang Web: truonghocketnoi.edu.vn..../

Ví dụ 2: Bài Khí áp và các loại gió (Địa lý)

Hãy tìm hiểu thêm thông tin về một trong những loại gió mà em đã học trong bài hôm nay. Với hoạt động này HS được tự chủ lựa chọn một loại gió để tìm hiểu, việc tìm hiểu thêm những nội dung của một loại gió nào đó mang tính nghiên cứu, sáng tạo và có sự giúp đỡ của gia đình, có những HS có thể chỉ tìm hiểu về tên của một loại gió như gió Mậu dịch hoặc đối với HS khác tìm hiểu về những quốc gia nằm trong phạm vi hoạt động của loại gió nào đó,... Như vậy trước một tình huống/vấn đề, HS có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau.

2.3. Những lưu ý

- Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học của mỗi bài trong Hướng dẫn học môn KHXH 6 đã được chỉ ra rất rõ qua các lô gô và các câu lệnh trước mỗi hoạt động. GV căn cứ vào các lô gô và các câu lệnh trong sách hướng dẫn để tổ chức dạy học cho

HS. Tuy nhiên khi tổ chức dạy học, GV cần phải linh hoạt thay đổi phương pháp và hình thức cho phù hợp với điều kiện trường, lớp học, đặc điểm của địa phương.

- Trong Hướng dẫn học môn KHXH 6, các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học chủ yếu được sử dụng nhằm phục vụ cho việc tự học của HS: Phương pháp quan sát, đọc, tìm thông tin, phân tích, trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi, thực hành, giải bài tập, điều tra, trò chơi học tập,... với các hình thức học cá nhân, cặp đôi, nhóm và cả lớp. Địa điểm học thường là ngay trong lớp học. Tuy nhiên, một nội dung học được HS tiếp tục tìm hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tế nên HS sẽ thực hiện tại gia đình hoặc trong cộng đồng, nơi các em sống. Đây chính là một trong những đặc trưng của mô hình trường học mới Việt Nam, được vận dụng phù hợp với việc học môn KHXH 6. Trong mô hình này, vai trò của GV thường “ẩn” bởi HS chủ yếu là tự học chiếm lĩnh kiến thức, thực hành rèn luyện kỹ năng. HS thực sự đóng vai trò trung tâm của quá trình dạy học. Trong quá trình học tập, các em phải phát huy khả năng làm việc độc lập, tích cực của mình thì mới hoàn thành nhiệm vụ học tập và đạt mục tiêu của chủ đề học tập.

- Trong mô hình trường học mới Việt Nam, các hoạt động trên lớp học hầu hết là hoạt động cá nhân, cặp và nhóm. Hoạt động cả lớp do GV tổ chức được bố trí không nhiều. Vì vậy, công việc của GV chủ yếu là theo dõi, giám sát và trợ giúp khi HS có nhu cầu. GV cần thường xuyên quan tâm tới việc HS có hiểu được những chỉ dẫn trong tài liệu hay không, có thực hiện được đúng những yêu cầu trong tài liệu hay không, cần trợ giúp gì? (làm rõ chỉ dẫn, hướng dẫn cách làm, giải thích thông tin hay cung cấp phương tiện/ đồ dùng dạy học,...). Nếu cần phương tiện/đồ dùng học tập gì thì GV cần kiểm tra xem phương tiện/ đồ dùng đó có được trang bị trong góc học tập của lớp học hay không? Nếu thiếu, GV cần chuẩn bị trước khi giờ học bắt đầu.

- Mô hình trường học mới Việt Nam chấp nhận tiến độ học tập khác nhau giữa các HS, nhóm HS

+ Tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian. HS hoặc nhóm HS đã hoàn thành nhiệm vụ của một hoạt động nào đó, trong khi chưa hết giờ giáo viên giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc nhiệm vụ giúp các bạn khác, nhóm bạn khác chưa hoàn thành.

+ Việc trợ giúp HS cần có độ sâu, giao nhiệm vụ cần cụ thể chi tiết, phân phối thời gian hợp lý, linh hoạt để trợ giúp cho HS. Cần huy động được sự trợ giúp của HS khá giỏi, các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ trong lớp để trợ giúp HS và các nhóm chậm hơn, yếu hơn.

- Phát huy vai trò của Hội đồng tự quản (HĐTQ): HĐTQ HS là một tổ chức của HS, do HS bầu ra ở từng lớp, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ HS để tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi của chính HS; đồng thời quản lí, giám sát, điều chỉnh các hoạt động đó. Ví dụ: HĐTQ HS chuẩn bị và trực tiếp các hoạt động sinh hoạt tập thể trong và ngoài giờ lên lớp ở lớp và ở trường; hỗ trợ giáo viên quản lí lớp học thông qua việc theo dõi, quản lí, sử dụng các công cụ hỗ trợ đang có trong lớp; truyền đạt ý kiến phản ánh của HS trong lớp... Các hoạt động của HĐTQ giúp HS tham gia một cách dân chủ tích cực vào quá trình học tập và giáo dục HS. HĐTQ không làm thay công việc của giáo viên.

- Căn cứ nội dung học tập, giáo viên chỉ chốt kiến thức của nội dung đã học khi thấy việc chốt là cần thiết cho việc tiến hành các hoạt động tiếp theo. Hình thức chốt kiến thức: giáo viên nên hướng dẫn để HS tự chốt; giáo viên chỉ hỗ trợ trong trường hợp HS của cả lớp không thể chốt kiến thức.

- Giáo viên hướng dẫn HS lựa chọn nội dung trong tài liệu Hướng dẫn học và kết quả thảo luận để ghi tóm tắt vào vở theo cách diễn đạt của HS. Nói chung, giáo viên không được đọc cho HS ghi bài, không yêu cầu HS chép lại toàn bộ nội dung bài học trong tài liệu Hướng dẫn học. HS có thể ghi nháp, bạn hoặc giáo viên giúp HS hoàn thiện trước khi ghi vào vở.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá HS THCS mô hình trường học mới Việt Nam được hiểu là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của HS THCS nhằm mục đích giúp:

- HS tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của HS trong quá trình giáo dục.

- Giáo viên rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động dạy học và giáo dục ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học và giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt

qua của HS để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi HS để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của HS.

- Cán bộ quản lý giáo dục các cấp có căn cứ để kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

- Cha mẹ HS hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ HS), cộng đồng quan tâm và tham gia nhận xét, góp ý quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, phát triển năng lực, phẩm chất của HS; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục HS.

2. Nội dung đánh giá

a) Đánh giá hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của HS theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục THCS theo từng môn học và hoạt động giáo dục.

b) Đánh giá sự hình thành và phát triển một số phẩm chất của HS:

- Nhân ái, khoan dung: Yêu gia đình, quê hương, đất nước; có trách nhiệm với cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường.

- Làm chủ bản thân: Trung thực, tự trọng, tự lập, tự tin, có tinh thần vượt khó.

- Thực hiện nghĩa vụ học sinh: Có ý thức đạo đức, chấp hành kỷ luật và các quy định của pháp luật.

c) Đánh giá sự hình thành và phát triển một số năng lực của HS:

- Tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, sáng tạo.

- Giao tiếp và hợp tác.

- Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

3. Đánh giá thường xuyên

- Đánh giá thường xuyên là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện, của HS, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

- Tham gia đánh giá thường xuyên gồm có: giáo viên, HS (tự rút kinh nghiệm và nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp); khuyến khích cha mẹ HS và cộng đồng tham gia nhận xét, góp ý cho HS, giáo viên, các hoạt động giáo dục của nhà trường.

(1) Giáo viên đánh giá

a) Đánh giá quá trình học tập của HS

Trong quá trình dạy học, căn cứ vào đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động trong bài học, giáo viên tiến hành một số việc như sau:

- Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS/nhóm HS theo tiến trình dạy học; quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của HS để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ HS vượt qua khó khăn. Chấp nhận sự khác nhau về thời gian và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các HS; những HS hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn tiến độ chung thì được giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc giúp đỡ bạn. Hằng tuần, giáo viên lưu ý đến những HS có nhiệm vụ chưa hoàn thành, giúp đỡ kịp thời để HS biết cách hoàn thành nhiệm vụ.

- Nếu có nhận xét đặc biệt, giáo viên ghi vào phiếu, vở, sản phẩm học tập... của HS về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được, mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức, mức độ thành thạo các thao tác, kỹ năng cần thiết...

b) Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS

Giáo viên quan sát các biểu hiện trong quá trình học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động tập thể để nhận xét sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS; từ đó động viên, khích lệ, giúp HS khắc phục khó khăn; phát huy ưu điểm và các phẩm chất, năng lực riêng; điều chỉnh hoạt động, ứng xử để tiến bộ.

c) Lưu ý

Giáo viên không đánh giá bằng cho điểm mà đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả học tập của HS; chủ yếu dùng lời nói để động viên, góp ý, hướng dẫn HS, đồng thời ghi lại những nhận xét đáng chú ý nhất vào "Sổ tay lên lớp" như: những kết quả HS đã đạt được hoặc chưa đạt được; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS; những biện pháp đã áp dụng và những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc nhóm HS trong học tập, rèn luyện.

Để đạt hiệu quả cao trong việc động viên, khích lệ HS, giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lý, hoàn cảnh riêng... của từng HS để có những nhận xét thỏa đáng; biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ giúp HS tự tin vươn lên; tuyệt đối tránh những nhận xét có tính xúc phạm, làm tổn thương tâm lý HS.

Giáo viên kịp thời trao đổi với cha mẹ HS và những người có trách nhiệm để có thêm thông tin và phối hợp giúp cho sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

Hằng tháng, đối với những HS cần được quan tâm, giáo viên ghi nhận xét vào "Sổ tay lên lớp" của giáo viên về thành tích hoặc hạn chế nổi bật trong học tập và rèn luyện; các biểu hiện của phẩm chất, năng lực; dự kiến áp dụng biện pháp cụ thể, riêng biệt nhằm bồi dưỡng HS có năng khiếu, giúp đỡ kịp thời những HS chưa hoàn thành nội dung học tập môn học và hoạt động giáo dục trong tháng.

(2) HS tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn

- HS tự rút kinh nghiệm ngay trong quá trình hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục khác; trao đổi với giáo viên để được góp ý, hướng dẫn.

- HS tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và hoạt động giáo dục; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

(3) Cha mẹ HS tham gia đánh giá: Cha mẹ HS được khuyến khích phối hợp với giáo viên và nhà trường động viên, giúp đỡ HS học tập, rèn luyện; được giáo viên hướng dẫn tham dự, quan sát, hỗ trợ các hoạt động của HS; trao đổi với giáo viên bằng các hình thức phù hợp như lời nói, viết thư... về các nhận xét, các biện pháp giúp đỡ HS.

(4) Các hình thức đánh giá quá trình có thể áp dụng như:

- *Quan sát*: Thái độ, hành vi và mức độ hoàn thành công việc được yêu cầu.
- *Kết hợp nhận xét các hoạt động học tập trong tiết học*: Trả lời câu hỏi, hoàn thành bài tập, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề,...
- *Các bài kiểm tra nhanh vào đầu giờ, giữa giờ, cuối giờ*: Trả lời nhanh các câu hỏi, phiếu trắc nghiệm, kỹ thuật 3-2-1, kỹ thuật tia chớp, điền nhanh thông tin vào phiếu thăm dò...
- Khi sử dụng đánh giá quá trình cần chú ý những yêu cầu sau:

+ Chia sẻ cho HS về những năng lực mà GV mong muốn HS sẽ hình thành được,
Ví dụ: Bài Môi trường nhân văn, sau khi học xong chủ đề, em có phân biệt được quần cư nông thôn và quần cư thành thị về hoạt động kinh tế, mật độ dân số, lối sống, có đọc được biểu đồ tháp tuổi, biểu đồ gia tăng dân số, bản đồ phân bố dân cư, thái độ, hành vi của mình sẽ thực hiện lối sống hòa nhập với cộng đồng như thế nào?

+ Phương pháp đánh giá và hình thức đánh giá phải phù hợp với nội dung học tập, mục tiêu của quá trình dạy học, năng lực và mức độ cần đạt được, phương pháp dạy học,... GV có thể thiết kế dự kiến kiểm tra, đánh giá trong một bài học bằng cách xác định các thành phần liên quan chính như sau:

Các thành phần liên quan trong quá trình thiết kế hoạt động KTĐG quá trình

Nội dung học tập	Mục tiêu	Góp phần hình thành NL	Đầu ra	PPDH	Hình thức, đối tượng đánh giá và được đánh giá, thời điểm đánh giá, kết quả đánh giá
Chương trình Địa lí 6, Chủ đề 17, mục 2 (Gió và các hoàn lưu khí quyển)	Nêu được tên, phạm vi hoạt động và hướng của các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất: Tín phong, gió Tây ôn đới, gió Đông cực	Sử dụng tranh ảnh, tư liệu địa lí.	- Biết cách xác định hướng thổi của các loại gió trên Trái Đất dựa vào hình trong tài liệu. - Liên kết giữa các hình trong tài liệu để xác định khu vực hoạt động của các loại gió trên Trái Đất.	- Đàm thoại; PP trực quan. - Hướng dẫn HS khai thác tri thức qua hình và đoạn văn.	- Hình thức: + Quan sát tiến trình và mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, cặp đôi. + Dựa vào kết quả hoạt động HS thu được (bao gồm cả những cặp đôi không trình bày). - Đối tượng được đánh giá: Cá nhân và cặp đôi. - Người đánh giá: GV và HS khác.

Nội dung học tập	Mục tiêu	Góp phần hình thành NL	Đầu ra	PPDH	Hình thức, đối tượng đánh giá và được đánh giá, thời điểm đánh giá, kết quả đánh giá
Chương trình Lịch sử, Bài Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc	Biết được hoàn cảnh và sự ra đời của nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.	Vẽ được sơ đồ bộ máy nhà nước Văn Lang, Âu Lạc. Mô tả được thành Cổ Loa	- Từ nội dung bài học rút ra được bài học cảnh giác trong công cuộc bảo vệ tổ quốc hiện nay. - Liên hệ kiến thức đã học hình thành ý thức bảo vệ các di tích Đền Hùng, Cổ Loa.	- Trao đổi đàm thoại, sử dụng đồ dùng trực quan. - Dạy học nêu vấn đề. - Các kĩ thuật dạy học khác: Khăn trải bàn...	Hình thức: + Quan sát tiến trình và mức độ hoàn thành công việc của cá học sinh. + Dựa vào kết quả hoạt động của HS thông qua làm việc cá nhân cặp đôi, nhóm. - Đối tượng được đánh giá: Cá nhân, cặp đôi, nhóm.

+ Kết quả của đánh giá phải được lưu giữ và phân tích để làm cơ sở cho những thay đổi trong quá trình dạy học sau này.

Ví dụ: Thông qua hướng dẫn, quan sát, giúp đỡ GV sẽ nhận biết được cá nhân nào tham gia/không tham gia, thái độ tham gia tích cực/không tích cực, mức độ thực hiện công việc là biết làm/không biết làm/biết làm nhưng còn lúng túng để chỉnh sửa ngay trong khi hoạt động cặp đôi, nhóm đang diễn ra và nhận xét sau khi hoạt động của HS kết thúc. Với những sai lầm hoặc khó khăn HS hay mắc phải GV phải uốn nắn và giải thích ngay. Dựa vào kết quả làm việc cặp đôi, nhóm, GV có thể nhận xét ngay tại lớp về mức độ hoàn thành công việc của các em. Những cặp đôi, nhóm chưa có cơ hội lên trình bày, GV phải nhận xét (bằng hình thức trực tiếp hoặc nhận xét gián tiếp) vào tiết sau.

GV nên tập hợp kết quả đánh giá HS qua các tiết học và lưu giữ như trong bảng dưới đây.

Ví dụ: Hình thức lưu giữ kết quả đánh giá HS ở từng lớp trong quá trình dạy môn KHXH.

Bảng lưu giữ kết quả đánh giá HS lớp

Ghi nhận kết quả đánh giá theo từng tiết học

Tên bài học: Lớp: Ngày thực hiện:/...../.....

1. Giảng dạy

- Những điểm thành công:.....
- Những điểm chưa thành công:
- Cần lưu ý gì:.....

2. Học tập

- Đa số HS có đạt được những mục tiêu GV đề ra hay không?.....
- Những HS có kết quả học tập tốt: Tên HS.....
- Những HS có kết quả học tập chưa tốt, lí do: Tên HS, Lí do:.....

b) Một số kĩ thuật chính sử dụng trong đánh giá quá trình

▪ Quan sát

– *Mục đích quan sát:* để thu thập thông tin một cách trực diện, liên tục và có hệ thống nhằm giúp HS cải thiện kết quả học tập, giáo dục; thu thập những thông tin về mức độ hoàn thành nhiệm vụ, những khó khăn cần giúp đỡ kịp thời, những ưu điểm cần phát huy, nhược điểm cần giúp đỡ khắc phục; biết được các hoạt động của HS/nhóm HS trong tương tác với bạn/nhóm bạn để tăng cường và cải thiện mối quan hệ hợp tác giữa các thành viên.

– *Nội dung quan sát:*

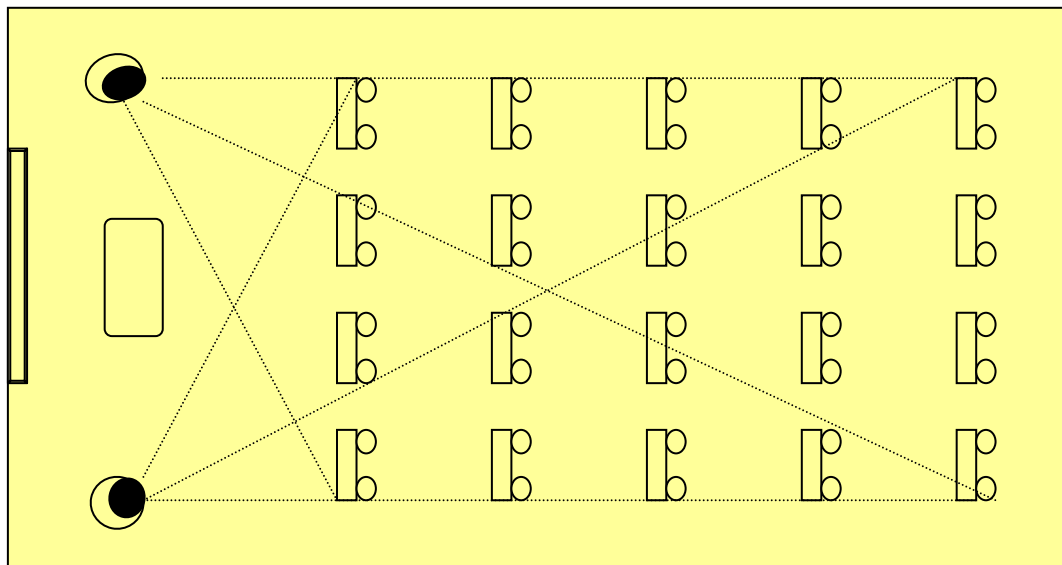
+ *Hành vi của HS* : Đặt trọng tâm quan sát vào các biểu hiện tâm lí, thái độ, hành vi trong các tình huống, hoạt động học tập cụ thể của HS: sắc thái, nét mặt, lời nói, hành động, cử chỉ, tương tác... để đưa ra những nhận định về HS như : đã hiểu nhiệm vụ chưa? HS học như thế nào? Có chăm chú lắng nghe khi thảo luận không ? Có chú tâm vào việc thực hiện nhiệm vụ không ? Hoàn thành hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ học tập ? HS gặp khó khăn gì? vì sao? cần thay đổi như thế nào để kết quả học tập của HS tốt hơn?...

Phản ứng khi nghe ý kiến nhận xét đánh giá của thầy/cô giáo, của các bạn, sự hợp tác với các bạn trong nhóm...

+ *Sản phẩm của HS:* Mức độ hoàn thành theo yêu cầu của bài học.

– *Thời điểm quan sát:* Quan sát nhóm HS hoặc cá nhân HS trong mọi hoạt động, thể thực hiện trong toàn thời gian của bài học.

– *Vị trí quan sát:* Vị trí quan sát thích hợp, kiểm soát được toàn bộ, không ảnh hưởng đến học tập của HS. Có thể tham khảo sơ đồ quan sát sau:



– *Ví dụ nhận định qua quan sát :*

+ Quan sát thấy nét mặt biểu lộ hoài nghi, ngơ ngác hoặc tư thế không bình thường, gục đầu xuống bàn, tay chống cằm lơ đãng,... có thể là dấu hiệu HS chưa thực sự hiểu nhiệm vụ và không tập trung giải quyết nhiệm vụ.

+ Khi HS nhìn thẳng, dõi theo GV, có cử chỉ muốn nói điều gì đó thì tùy từng tình huống có thể suy đoán là HS đã thực hiện xong nhiệm vụ và muốn được chuyển hoạt động tiếp theo hoặc muốn hỏi GV.

+ HS nào chưa sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ, chưa hợp tác với nhóm.

+ HS đã thực hiện xong, thực hiện đúng nhiệm vụ hoặc những điều HS còn cảm thấy chưa rõ, chưa yên tâm,...

– *Ví dụ thực hiện kỹ thuật quan sát :*

Để theo dõi một/nhóm HS thường bị chậm tiến độ khi thực hiện một hoạt động. Cách quan sát như sau :

+ Khi giao nhiệm vụ cho cả lớp, GV quan sát xem HS đã sẵn sàng chuẩn bị cho việc thực hiện nhiệm vụ học tập (tài liệu, dụng cụ học tập,...) chưa ?

+ Đứng gần quan sát xem HS này đang tập trung vào việc học hay chưa ? Có thể em đang làm việc riêng, hoặc còn chưa hiểu nhiệm vụ được giao.

+ Đến tận nhóm HS đang học để quan sát chung cả nhóm, xem HS nào đang gặp khó khăn hoặc cần sự giúp đỡ gì.

– *Sử dụng kết quả và phản hồi sau khi quan sát :*

Các thông tin có được từ quan sát là cơ sở để GV đưa ra các quyết định tác động, động viên, giúp đỡ kịp thời HS trong học tập. Sự can thiệp giúp đỡ có thể tiến hành ngay sau khi thu được thông tin quan sát, hoặc ghi lại trong Nhật kí đánh giá của GV để đưa ra quyết định giúp đỡ, can thiệp sau:

▪ *Kiểm tra nhanh*

Kiểm tra nhanh nhằm xác định kịp thời hiện trạng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ bài học hoặc những ý tưởng sáng tạo của HS,...

Nội dung câu hỏi kiểm tra nhanh tập trung vào các kiến thức có trong bài hoặc các kiến thức cũ có liên quan. Tùy theo mục đích kiểm tra nhanh, nội dung và thời gian kiểm tra nhanh GV quyết định số lượng câu hỏi cho phù hợp.

▪ *Phỏng vấn nhanh*

Giúp GV khẳng định những nhận xét ban đầu qua quan sát về mức độ đạt được theo tiến độ bài học của HS. Nếu HS thực hiện nhiệm vụ chậm hơn tiến độ chung thì cần có ngay biện pháp can thiệp như hỗ trợ trực tiếp, nhờ nhóm bạn hỗ trợ để HS có thể đẩy nhanh tốc độ học. Nội dung câu hỏi phỏng vấn không chỉ hỏi về kiến thức mà còn hỏi về hướng xử lí một tình huống cụ thể, về thái độ của HS trước tình huống,...

▪ *Đánh giá sản phẩm của HS*

Đánh giá mức độ hoàn thành của HS so với yêu cầu của mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra để đưa ra các tình huống xử lí thích hợp.

▪ *Tham khảo kết quả tự đánh giá và đánh giá của nhóm HS*

Dựa vào những nhận xét, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của chính HS hoặc nhóm bạn học để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HS. Tùy từng trường hợp mà GV có thể đánh giá để đưa ra giải pháp thích hợp.

Ví dụ : Khi HS phát biểu về một vấn đề, GV có thể đề nghị nhóm bạn cùng học hoặc bạn của nhóm khác có nhận xét về nội dung phát biểu đó. HS có thể đưa ra ý kiến bảo vệ quan điểm và cuối cùng GV gợi ý để HS tự thống nhất những quan điểm chung

về vấn đề đó hoặc để các em được bảo lưu các ý kiến khác nhau và coi đó là những nhiệm vụ cần tiếp tục tìm hiểu, giải quyết sau.

▪ *Tham khảo ý kiến đánh giá của cha mẹ HS*

Ý kiến của cha mẹ HS luôn là nguồn thông tin để GV tham khảo trong đánh giá thường xuyên kết quả giáo dục của HS. Một số đặc điểm riêng của HS được cha mẹ HS cung cấp sẽ giúp cho GV đánh giá đầy đủ, chính xác và phối hợp tốt hơn với gia đình trong giáo dục HS.

c) Hướng dẫn ghi Nhật kí đánh giá của giáo viên

Ghi chép mô tả những biểu hiện nổi bật qua các hoạt động học tập, sinh hoạt ; những ý tưởng, hành vi, sáng kiến của HS ; các cách học và những điều HS ưa thích ; các mối quan hệ, ứng xử của HS đối với bạn bè, thầy cô, cộng đồng...Việc ghi nhật kí của GV thường theo kế hoạch đã dự kiến trước nhưng cũng có thể ngoài kế hoạch dự kiến, cụ thể:

- Ghi nhật kí trong kế hoạch: Ghi nhật kí trong kế hoạch có ý nghĩa rất quan trọng, thông qua nhật kí GV biết được sự tiến bộ của từng HS trong suốt quá trình học. Tùy theo số lượng, nội dung bài học GV chọn số lượng HS được ghi nhật kí. Tuy nhiên, có khuyến cáo đưa ra là mỗi HS phải được ghi nhật kí tối thiểu 2 lần/tháng. Còn những HS có những dấu hiệu bất thường về học tập như: có nhiều tiến bộ vượt lên trong từng giờ học, học sút đi, không hợp tác nhóm,... thì cần được GV theo dõi thường xuyên để có những nhận định, giúp đỡ và điều chỉnh kịp thời

+ Ghi nhật kí ngoài kế hoạch: Việc ghi nhật kí cho những HS không nằm trong kế hoạch dự kiến của GV nhưng trong giờ học, những em đó lại có những biểu hiện nổi bật so với thường ngày thì người GV cũng nên ghi vào nhật kí.

Ví dụ :

Nhật kí giáo viên dạy môn Khoa học xã hội

Môn: Khoa học xã hội Lớp : 6A1 GV môn học: Lê Thị A

<i>Họ và tên HS</i>	<i>Ngày</i>	<i>Ghi chép</i>
Nguyễn Văn A	13/9/2013	Rụt rè trong hoạt động nhóm.
	20/9/2013	Mạnh bạo hơn trong hoạt động nhóm.

		
	16/5/2014	Hoàn thành tốt các hoạt động học tập.
...		
Phạm Thị B	20/9/2013	Học bài Môi trường đới nóng tốt, sôi nổi, chủ động học tập.
		
	11/4/2014	Cùng nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập nhanh, chuẩn xác.
		

g) Hướng dẫn ghi Nhật kí tự đánh giá của HS

Ghi lại những điều ấn tượng, những điều muốn nói với bản thân, bạn bè, bố mẹ, thầy/cô... về khả năng học tập, sự tiến bộ, cảm nghĩ, điều tâm đắc, mong ước, những điều tin rằng mình sẽ làm được,...

Ví dụ :

Họ và tên : Nguyễn Thị Hương A

Lớp : 6D, Năm học 2013 – 2014

<i>Ngày</i>	<i>Ghi chép</i>
10/9/2014	Hôm nay mình làm được hết các câu hỏi trong chủ đề Bản đồ và cách sử dụng bản đồ.
...	
4/11/2014	Tuần này nhóm mình không được khen. Tuần sau nhóm mình phải cố gắng để ngày nào cũng được cô khen.
10/11/2014	Mình thích nhất là được xem các hình ảnh trong chủ đề Xã hội nguyên thủy. Xem các ảnh này em hiểu được một số hoạt động sinh hoạt, sản xuất của xã hội nguyên thủy
...	
19/11/2014	Chủ đề Lịch sử hôm nay chưa hiểu lắm, Cô giáo phải giải thích

	cho mình nhiều lần mới làm được câu hỏi thực hành.
....	
10/12/2014	Hôm nay quên tài liệu học môn Khoa học xã hội ở nhà.
...	
20/4/2014	Hôm nay nhóm mình chiến thắng trong trò chơi đoán ô chữ của chủ đề Không khí và các khối không khí. Tuyệt vời!

d) Hướng dẫn đánh giá của nhóm

Trong hoạt động học tập, giáo dục các bạn trong nhóm góp ý về các câu trả lời, bài làm, tinh thần, thái độ,... cho mỗi cá nhân ; Nhật kí HS đã ghi lại những suy nghĩ, mong muốn của cá nhân để chia sẻ với các bạn. Trong các giờ sinh hoạt chung, nhóm cùng nhau bàn bạc về những kết quả đã đạt được trong tuần và tìm cách để có kết quả tốt hơn. Tài liệu hướng dẫn đánh giá đã trình bày cụ thể, GV vận dụng vào môn Khoa học xã hội.

đ) Cách tiến hành đánh giá

– Phương pháp, kĩ thuật :

GV sử dụng các phương pháp, kĩ thuật (quan sát, kiểm tra nhanh, phỏng vấn, xem xét sản phẩm,...) để đưa ra nhận định về HS. Chú ý nhiều hơn đến HS ở các mức chưa hoàn thành; hoàn thành nhưng chưa đầy đủ.

Mỗi bài học, GV tập trung đề ý nhiều hơn đến các vấn đề :

- + Tốc độ học bài, hoàn thành nhiệm vụ theo các hoạt động.
- + Mức độ hiểu biết về kiến thức bài học.
- + Khả năng thực hiện các thao tác, kĩ năng cần thiết, phù hợp với yêu cầu bài học.
- + Khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào việc thực hiện nhiệm vụ học tập.
- + Khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào môn học khác và vào các hoạt động sống hằng ngày.

– Đưa ra nhận định : Từ những thông tin thu được, đưa ra những nhận định cụ thể kèm theo những nguyên nhân và hướng hỗ trợ cho HS. Không cần ghi những biểu hiện tỉ mỉ, vụn vặt, chỉ ghi nhận định khái quát, phổ biến nhất, những điều đặc biệt cần lưu ý.

– Xử lý các tình huống: Sử dụng kết quả đánh giá để thực hiện sự trợ giúp kịp thời và điều chỉnh việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS phù hợp với các tình huống:

+ Còn nhiều thời gian: Đưa ra một số yêu cầu cao hơn đối với các em có kết quả đúng, tốt, đạt yêu cầu. Những em có kết quả sai, chưa đạt yêu cầu thì được làm lại với sự trợ giúp bằng cách gọi ra nguyên nhân dẫn đến kết quả sai, chưa đạt yêu cầu để các em thực hiện lại đúng quy trình và đưa ra kết quả đúng.

+ Sắp hết thời gian : Cho những HS hoàn thành và có kết quả đúng chuyển sang hoạt động tiếp theo. HS có kết quả sai, chưa đạt yêu cầu cùng với những HS chưa hoàn thành tiếp tục thực hiện hoạt động với sự trợ giúp của GV.

+ Hết thời gian : Những HS hoàn thành mà kết quả sai hoặc chưa đạt thì chấp nhận sự khác nhau về thời gian và tốc độ học của HS, vẫn cho chuyển sang hoạt động tiếp theo. Tuy nhiên, cần ghi lại những nguyên nhân, biện pháp đã trợ giúp, tiếp tục hỗ trợ riêng HS hoàn thành nhiệm vụ và theo dõi thường xuyên để hỗ trợ kịp thời trong từng hoạt động và động viên những tiến bộ trong quá trình học tập tiếp theo của HS.

2. Hướng dẫn đánh giá định kì

a) Đặc điểm của đánh giá định kì theo mô hình trường học trường học mới Việt Nam.

Kết hợp với đánh giá quá trình, đánh giá định kì cũng cần phải có những thay đổi để HS thực sự được đánh giá dựa trên năng lực, dựa trên những đặc trưng của môn Khoa học xã hội. Hai quá trình đánh giá này đồng thời các tác động tương hỗ lẫn nhau. Sau đây là một số yêu cầu đối với đánh giá định kì đối với môn Khoa học xã hội:

- Đánh giá qua bài kiểm tra định kì với thời lượng 90 phút. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc/và trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu:

+ Nhận biết: HS nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học khi được yêu cầu.

+ Thông hiểu: HS diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải thích, so sánh; áp dụng trực tiếp (làm theo mẫu) kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập.

+ Vận dụng: HS kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học.

+ Vận dụng cao: HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

- Tỷ lệ số câu hỏi, bài tập thuộc các phân môn trong bài kiểm tra đối với môn Khoa học xã hội phù hợp với nội dung phân môn đã học tính đến thời điểm kiểm tra.

- Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của HS ở từng học kỳ giáo viên và nhà trường xác định tỷ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng HS và tăng dần tỷ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

- Đánh giá qua bài kiểm tra định kì được lượng hóa bằng điểm số theo thang điểm 10 hoặc quy đổi về thang điểm 10, kết hợp với nhận xét những ưu điểm, hạn chế và sửa lỗi, góp ý cho HS. Nội dung nhận xét phải thỏa đáng, phù hợp với điều kiện học tập, sự tiến bộ, đặc điểm tâm lý HS; tránh những nhận xét chung chung, theo mẫu hay những nhận xét mang tính xúc phạm làm tổn thương tâm lý HS.

- Đối với HS có kết quả bài kiểm tra định kì không phù hợp với những nhận xét trong quá trình học tập (quá trình học tập tốt nhưng kết quả kiểm tra quá kém hoặc ngược lại), giáo viên cần tìm hiểu rõ nguyên nhân, nếu thấy cần thiết và hợp lí thì có thể cho HS kiểm tra lại.

- Những yêu cầu khi xây dựng ma trận và đề kiểm tra đánh giá định kì:

+ Đánh giá được các kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông, đánh giá được các năng lực chung, năng lực chuyên biệt. GV cần xác định rõ ràng mỗi câu hỏi sẽ hướng tới đánh giá năng lực nào và mức độ cần đạt được.

+ Chú trọng đánh giá dựa trên những tình huống gắn với thực tiễn. Việc chú trọng vào các tình huống thực tiễn sẽ làm cho quá trình đánh giá không quá tập trung vào đánh giá việc ghi nhớ và tái hiện kiến thức mà đòi hỏi HS vận dụng kiến thức và thực tiễn, đem thực tiễn để soi sáng lý thuyết.

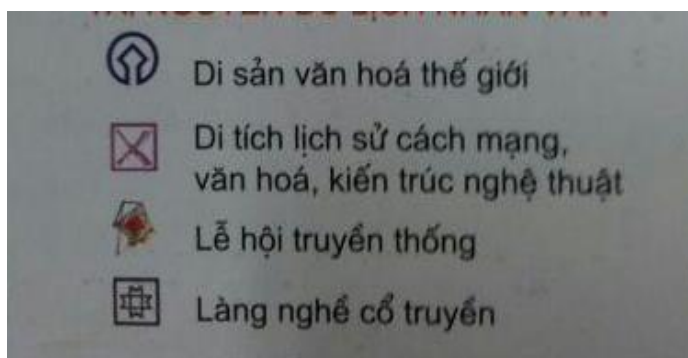
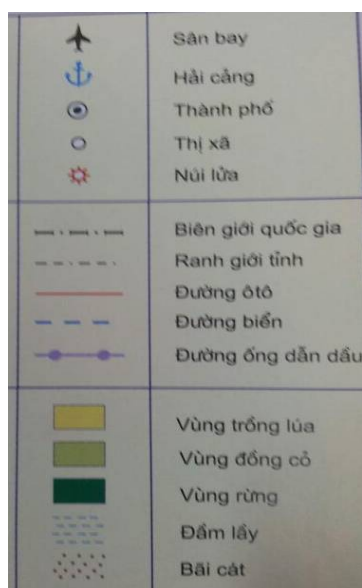
- Kết hợp đa dạng các hình thức đánh giá: Bài kiểm tra cá nhân (trắc nghiệm, tự luận), đánh giá nhóm (bài tập nhóm, bài tập dự án).

Ví dụ 1: Xây dựng một số câu hỏi kiểm tra, đánh giá nội dung bản đồ, kinh độ, vĩ độ và hệ tọa độ địa lí

Câu 1. *Hãy hoàn thành các câu trả lời sau:*

- Kí hiệu bản đồ là gì? Nêu ý nghĩa của kí hiệu bản đồ.
- Tỉ lệ bản đồ được biểu hiện ở mấy dạng?
- Thế nào vĩ tuyến gốc? vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam? Thế nào là kinh tuyến gốc? kinh tuyến Đông, kinh tuyến Tây?

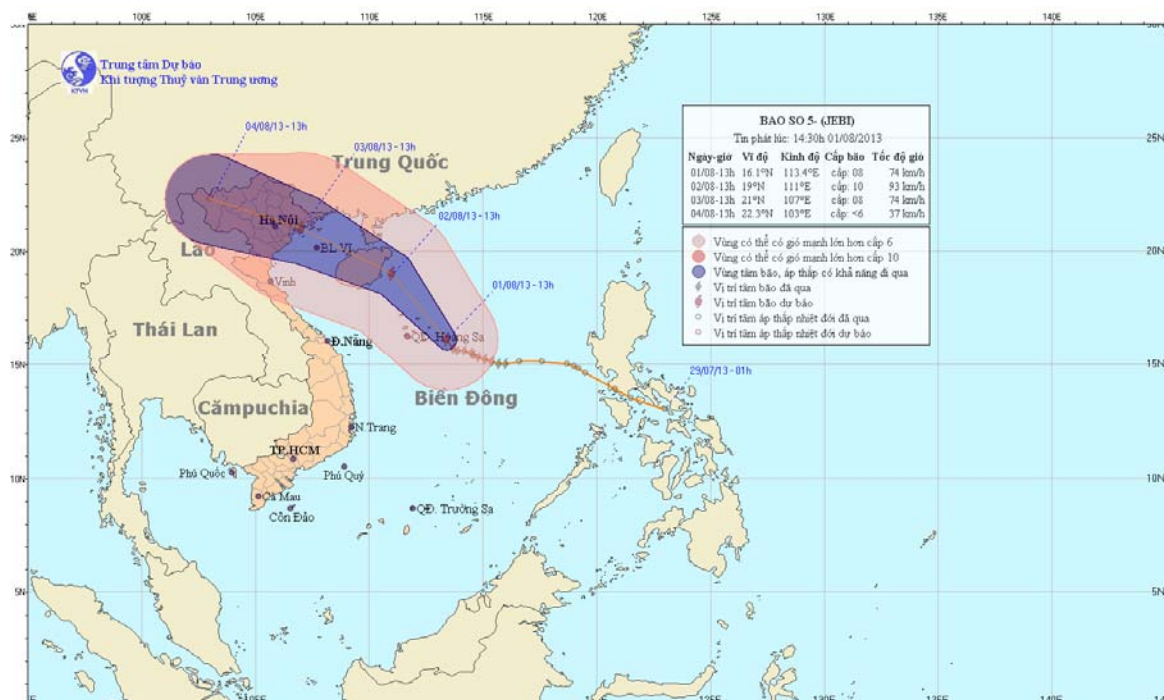
Câu 2. *Hoàn thành bảng bằng cách sắp xếp tên các kí hiệu ở các hình dưới đây vào ô đối tượng biểu hiện tương ứng*



Các loại kí hiệu	Đối tượng biểu hiện
Kí hiệu điểm	Sân bay,
Kí hiệu đường	
Kí hiệu diện tích	

Câu 3. Khoảng cách từ Hà Nội đến Hải Phòng là 105km. Trên một bản đồ Việt Nam, khoảng cách giữa hai thành phố đó đo được 10,5cm. Vậy bản đồ đó có tỉ lệ bao nhiêu?

Câu 4. Dựa vào bản đồ sau đây, hãy:

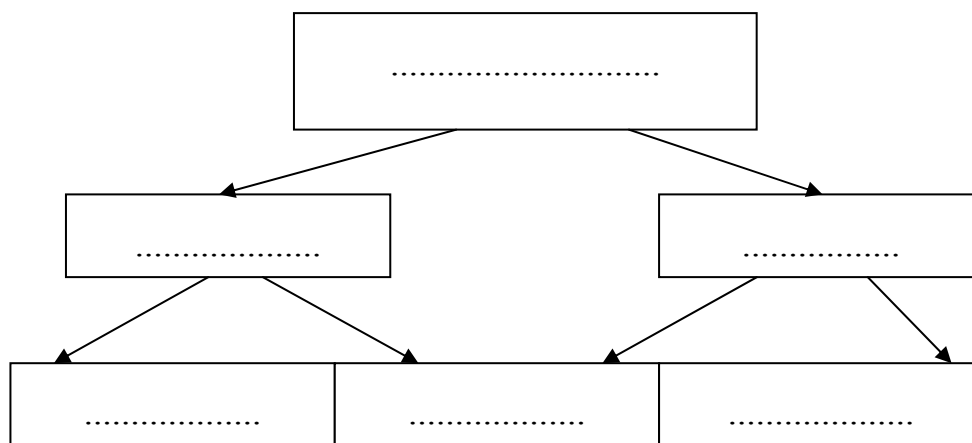


(Nguồn Trung tâm khí tượng thủy văn. Theo kí hiệu bằng Tiếng Anh: N vĩ độ bắc; E kinh độ đông)

- Xác định hướng di chuyển của cơn bão lúc 13 giờ ngày 01/8 đến 13 giờ ngày 04/8/2013.
- Viết tọa độ của cơn bão lúc 13 giờ các ngày 01/8, và ngày 04/8/2013.

Ví dụ 2: (Lịch sử) Xây dựng một số câu hỏi kiểm tra, đánh giá nội dung Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc

1. Điền thông tin sau vào ô trống để hoàn thành sơ đồ tổ chức của Nhà nước Văn Lang
 - Hùng Vương Lạc hầu – Lạc tướng (Trung ương)
 - Lạc tướng (bộ)
 - Bồ chính (chiềng, chạ)



2. Em hãy mô tả lại thành Cổ Loa, nêu nét độc đáo của quần thành này. Qua đó em có suy nghĩ gì về ý thức gìn giữ và bảo vệ di tích này ?

.....

.....

.....

.....

.....

3. Chọn và viết các ý dưới đây vào hai cột trong bảng cho thích hợp

- Thể chế chính trị quân chủ theo kiểu Ấn Độ, do vua đứng đầu nắm mọi quyền hành.

- Các vua Lâm Ấp đã hợp nhất bộ lạc Dừa với bộ lạc Cau ở phía nam, tấn công các nước láng giềng, mở rộng lãnh thổ - về phía bắc đến Hoành Sơn, phía nam đến Phan Rang, rồi đổi tên nước là Cham-pa.

- Thể chế chính trị quân chủ do vua đứng đầu nắm mọi quyền hành về kinh tế, chính trị, tôn giáo.

- Nguồn sống chủ yếu của họ là nông nghiệp trồng lúa nước. Nghề khai thác lâm thổ sản (trầm hương, ngà voi, sừng tê...), làm đồ gốm khá phát triển. Cư dân sống ven biển, ven sông có nghề đánh cá. Trao đổi, buôn bán với nhân dân các quận ở Giao Châu, Trung Quốc, Ấn Độ. Một số lái buôn Chăm còn kiêm nghề cướp biển và buôn bán nô lệ.

- Có chữ viết riêng, bắt nguồn từ chữ Phạn của người Ấn Độ. Nhân dân Chăm theo đạo Bà La Môn và đạo Phật. Có tục hỏa táng người chết.

- Trên cơ sở nền văn hóa Óc Eo, nước Phù Nam của cư dân cổ Nam Á và Nam Đảo sống trên đồng bằng sông Cửu Long đã hình thành vào khoảng thế kỉ I.

- Cư dân làm nghề nông trồng lúa (ngoài ra còn trồng cây ăn quả và cây lương thực khác), chăn nuôi (trâu, lợn, voi, ngựa...). Thủ công nghiệp rất phát triển, gồm nhiều ngành nghề: gốm, luyện kim (đồng, sắt, thiếc), nghề kim hoàn gắn liền với ngoại thương đường biển.

- Phật giáo và Hindu giáo được sùng tín. Nghệ thuật xây dựng, kiến trúc, ca, múa, nhạc khá phát triển.

Nội dung	Nước Champa	Nước Phù Nam
Hoàn cảnh ra đời		
Thể chế chính trị		
Tình hình kinh tế, văn hóa, tín ngưỡng		

b) Xây dựng ma trận và đề kiểm tra định kì

Việc xây dựng ma trận và đề kiểm tra được thực hiện theo công văn 8773/BGDĐT-GDTrH, ma trận cần thể hiện được kiến thức, kĩ năng cần đánh giá theo chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục phổ thông, đánh giá các phẩm chất, năng lực HS được hình thành trong quá trình học tập. Trên cơ sở đó xây dựng bộ công cụ đánh giá: câu hỏi, bài tập, tình huống,...

II. Đề kiểm tra

Ví dụ 1: ĐỀ KIỂM TRA MINH HỌA CHO LỚP 6, MÔN KHXH

(Thời gian : 90 phút)

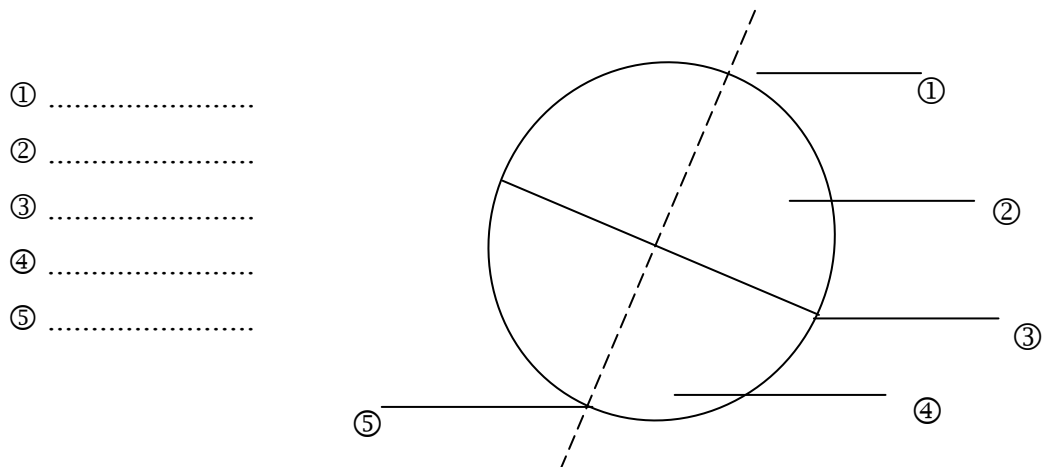
1. Ma trận đề kiểm tra

Mức độ nhận thức Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng cấp độ thấp	Vận dụng cấp độ cao
Trái đất Hình dạng, kích thước của Trái Đất	Xác định được các kinh tuyến, vĩ tuyến gốc, các kinh tuyến đông tây, vĩ tuyến bắc nam, các nửa cầu trên Trái Đất.			
10% = 1,0 điểm	100% TSD = 1,0 điểm;			
Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả		Trình bày được hệ quả chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất		Hiểu được ý nghĩa của sự phân chia Trái Đất ra 24 khu vực giờ
40%=4,0 điểm		50%=2,0 điểm		50%=2,0 điểm
Xã hội nguyên thủy		Lý giải được nguyên nhân Xã hội Nguyên thủy tan rã.	Lập được bảng thống kê sự phát triển từ Vượn cổ thành Người Tinh khôn.	
20% = 2,0 điểm		67%=2,0 điểm	33% TSD = 1,0 điểm;	
Văn hóa cổ đại	Nêu được các thành tựu văn hóa cổ đại.			Nhận xét về một thành tựu văn hóa.
3,0 đ= 30%	50%=1,0 điểm			50% TSD = 1,0 điểm;
TSD 10 điểm = 100%	2,0 điểm; 20 % TSD	4,0 điểm; 40 % TSD	1,0 điểm; 10% TSD	3,0 điểm; 30 % TSD

II. Đề kiểm tra

Câu 1. (1,0 điểm)

Cho hình tượng trưng Trái Đất dưới đây, em hãy chú giải cho hình vẽ.

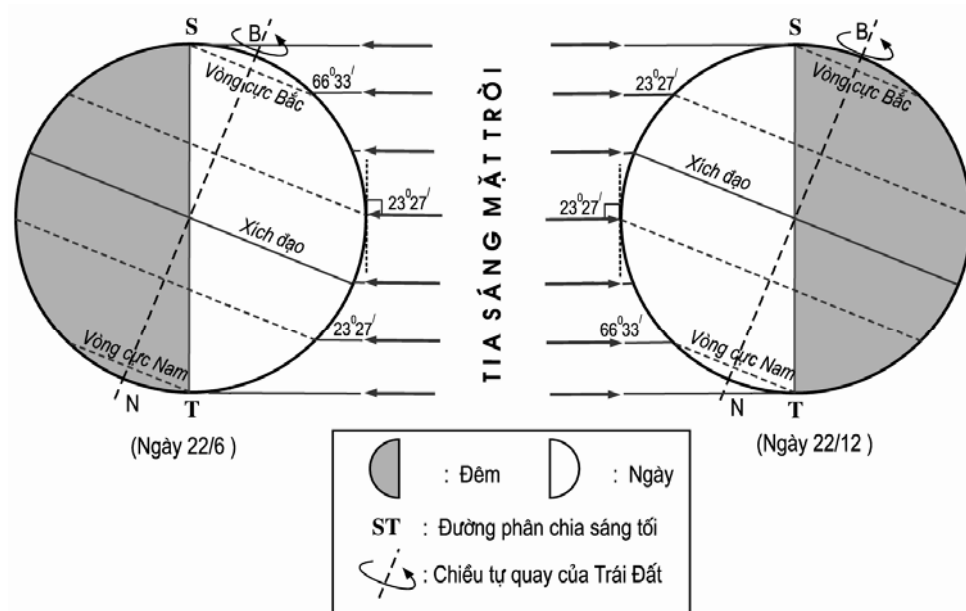


Câu 2. (2,0 điểm)

Sự phân chia bề mặt Trái Đất ra 24 khu vực giờ có thuận lợi gì về mặt sinh hoạt và đời sống ?

Câu 3. (2,0 điểm)

Dựa vào hình vẽ dưới đây :



Em hãy cho biết :

- Ngày 22 - 6 nửa cầu nào sẽ được chiếu sáng nhiều hơn ? Lượng nhiệt, ánh sáng và độ dài ngày, đêm ở nửa cầu đó như thế nào ?

- Ngày 22 - 12 nửa cầu nào sẽ được chiếu sáng nhiều hơn ? Lượng nhiệt, ánh sáng và độ dài ngày, đêm ở nửa cầu đó như thế nào ?

- Tại Xích đạo thì độ dài ngày, đêm như thế nào ?

- Độ dài ngày, đêm ở vĩ tuyến $66^{\circ}33'$ B và N vào các ngày 22-6 và 22-12.

Câu 4 (1,0 điểm)

Lập bảng thống kê sự phát triển từ Vượn cổ thành Người Tinh khôn theo yêu cầu sau:

Nội dung	Vượn cổ	Người Tối cổ	Người Tinh khôn
Thời gian			
Hình dáng			
Thế tích não			

Câu 5 (1,0 điểm)

Tại sao xã hội nguyên thủy tan rã?

Câu 6 (3,0 điểm)

Nêu thành tựu về văn hóa cổ đại. Trong các thành tựu đó em ấn tượng nhất thành tựu nào? Tại sao?

Ví dụ 2: ĐỀ KIỂM TRA MINH HỌA CHO LỚP 6, MÔN KHXH

(Thời gian : 90 phút)

1. Ma trận đề kiểm tra

Mức độ nhận thức \ Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng cấp độ thấp	Vận dụng cấp độ cao
			Quan sát biểu đồ để nhận biết được thành	So sánh được sự khác nhau giữa

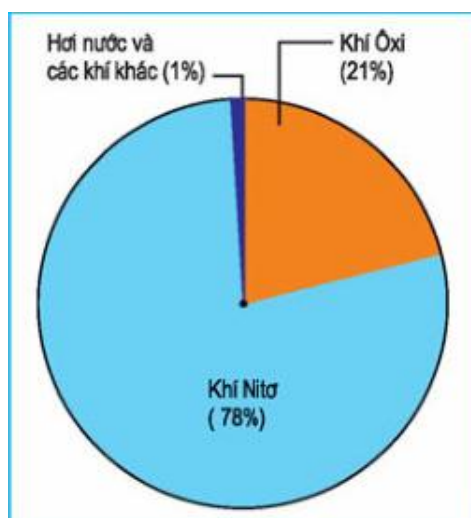
Lớp vỏ khí			phần của không khí, tỉ lệ của mỗi thành phần trong lớp vỏ khí.	thời tiết và khí hậu.
20% = 2,0 điểm			50% TSD = 1,0 điểm;	50% TSD = 1,0 điểm;
Lớp nước	Biết được độ muối của nước biển và đại dương.	Nguyên nhân làm cho độ muối của các biển và đại dương không giống nhau.		
30%=3,0 điểm	33%=1,0 điểm	67%=2,0 điểm		
Cham pa và Phù Nam	Nêu được các ngành kinh tế chính của cư dân Cham pa.		Lập được bảng thống kê những nội cơ bản của nhà nước Champa và Phù Nam .	
20% = 2,0 điểm	50%=1,0 điểm		50% TSD = 1,0 điểm;	
Chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và những chuyển biến của xã hội nước ta (179TCN – thế kỉ X)		Lý giải được hậu quả của các chính sách thống trị của các triều đại phong kiến phương		Nhận xét được những phong tục tập quán của người Việt được nhân dân ta gìn giữ và phát huy trong thời kì Bắc thuộc.

		Bắc đỏi với nhân dân ta.		
3,0 đ= 30%		67%=2,0 điểm		33% TSD = 1,0 điểm;
TSD 10 điểm = 100%	2,0điểm; 20 % TSD	4,0 điểm; 40 % TSD	2,0 điểm; 20% TSD	2,0 điểm; 20 % TSD

II. Đề kiểm tra

Câu 1 (1,0 điểm)

Dựa vào hình dưới đây hãy cho biết :



- Không khí gồm có những thành phần nào ?
- Mỗi thành phần không khí chiếm tỷ lệ bao nhiêu ?

Câu 2 (1,0 điểm)

Hãy cho biết sự khác nhau giữa thời tiết và khí hậu ?

Câu 3 (3,0 điểm)

Độ muối trung bình của nước biển và các đại dương là bao nhiêu? Vì sao độ muối của các biển và đại dương lại khác nhau?

Câu 4 (2,0 điểm)

Dựa vào nội dung bài học Cham pa và Phù Nam hãy:

- a) Nêu các ngành kinh tế chính của cư dân Cham pa.
- b) Lập được bảng thống kê nhà nước Champa và Phù Nam theo những yêu cầu sau:

Nội dung	Cham pa	Phù Nam
Hoàn cảnh ra đời		
Thế chế chính trị		
Thành tựu văn hóa		

Câu 5 (3 ,0 điểm)

Hãy cho biết chính sách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta trong thời kì Bắc thuộc? Theo em những phong tục tập quán của người Việt được nhân dân ta gìn giữ và phát huy như thế nào trong thời kì đó?

V. BÀI HỌC MINH HỌA**1. Bài học Lịch sử****CHỦ ĐỀ 7. CHAM-PA VÀ PHÙ NAM**

(3 tiết)

A HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Vào bài, GV có thể giới thiệu: Cách đây hàng nghìn năm, trên đất nước ta cùng với sự ra đời của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ thì ở Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ còn có sự ra đời của những nhà nước khác nữa. Trước khi tìm hiểu về **sự ra đời các nhà nước trên, em hãy cho biết những hiểu biết của**

mình về một số nội dung sau :

- Em đã biết đến khu di tích Mĩ Sơn, di tích Sa Huỳnh chưa ? Kể lại những hiểu biết của mình về khu di tích đó.
- Em biết gì về nước Phù Nam ở Nam Bộ chưa ? Nêu những hiểu biết của mình về nhà nước đó.

– Em có biết khu di tích Ốc Eo chưa ? Kể lại những hiểu biết của mình về khu di tích đó.

Các em có thể không trả lời đủ và đúng hết điều đó không quan trọng vì đây chỉ là câu hỏi gây tò mò và hứng thú tìm hiểu điều chưa biết đối với HS.

GV cho HS đọc mục tiêu của bài :

- Trình bày được sự ra đời của nước Cham-pa và Phù Nam.
- Nêu được nét chính tình hình kinh tế, văn hoá của Cham-pa và Phù Nam.
- Xác định trên lược đồ về vị trí của nhà nước Cham-pa. Có khả năng sưu tầm và khai thác tranh ảnh về các di tích Sa Huỳnh, Mĩ Sơn, tháp Chăm, Ốc Eo... phục vụ nội dung bài học.
- Hình thành nhận thức đúng về sự tồn tại của ba quốc gia cổ đại trên lãnh thổ nước ta. Rèn luyện ý thức duy trì và bảo tồn khu di tích Cham-pa, Ốc Eo.

B HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu sự ra đời của nước Cham-pa

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

Trước hết, GV tổ chức, hướng dẫn HS quan sát lược đồ **Hình 1. Lược đồ Giao Châu và Cham-pa**. Yêu cầu HS xác định trên lược đồ địa danh và vùng đất của nước Cham-pa, kinh đô của nước Cham-pa. Ở đây GV sử dụng phương pháp dạy học sử dụng đồ dùng trực quan (khai thác lược đồ). Chú ý đến việc gợi ý, hướng dẫn HS chủ động, tích cực làm việc để xác định được trên lược đồ địa danh và vùng đất của nước Cham-pa, kinh đô của nước Cham-pa.

2. Tìm hiểu về tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội của nước Cham-pa

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

Yêu cầu HS đọc kĩ đoạn văn sau và quan sát hình 2 *Thánh địa Mĩ Sơn (Quảng Nam)*, hình 3. *Tháp Chăm (Phan Rang) trong tài liệu Hướng dẫn học*. Sau đó GV sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại, hướng dẫn HS trao đổi, đàm thoại để trả lời các câu hỏi sau :

Hãy cho biết các ngành kinh tế chính của cư dân Cham-pa. Qua đó nêu nhận xét về trình độ phát triển kinh tế chính của cư dân Cham-pa.

Đời sống văn hoá, tín ngưỡng của cư dân Cham-pa như thế nào ?

Nhận xét về kiến trúc của người Chăm.

Hãy cho biết những biểu hiện thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa người Chăm với các cư dân Việt.

Nếu có điều kiện, GV có thể hướng dẫn cho từng nhóm đã trả lời xong, hoặc cả lớp so sánh với kinh tế Văn Lang, Âu Lạc.

3. Tìm hiểu sự ra đời của nước Phù Nam

Hoạt động này, GV yêu cầu HS tập trung vào nội dung cơ sở hình thành nhà nước Phù Nam.

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

Ở hoạt động này GV sử dụng GV viên sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề. Cách tiến hành như sau:

GV có thể tạo tình huống có vấn đề như sau : Trên địa bàn châu thổ sông Cửu Long (Nam Bộ) ngày nay đã hình thành nên quốc gia cổ, em hãy cho biết tên của quốc gia đó là gì? Ra đời vào thời gian nào ? Dựa trên cơ sở của nền văn hoá nào ? Với những câu hỏi đó tình huống có vấn đề đã được đặt ra, điều đó kích thích HS phải suy nghĩ, tìm tòi và giải quyết trên cơ sở kiến thức ở nội dung thông tin. HS báo cáo kết quả làm việc với thầy/ cô giáo

4. Tìm hiểu tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội của nước Phù Nam

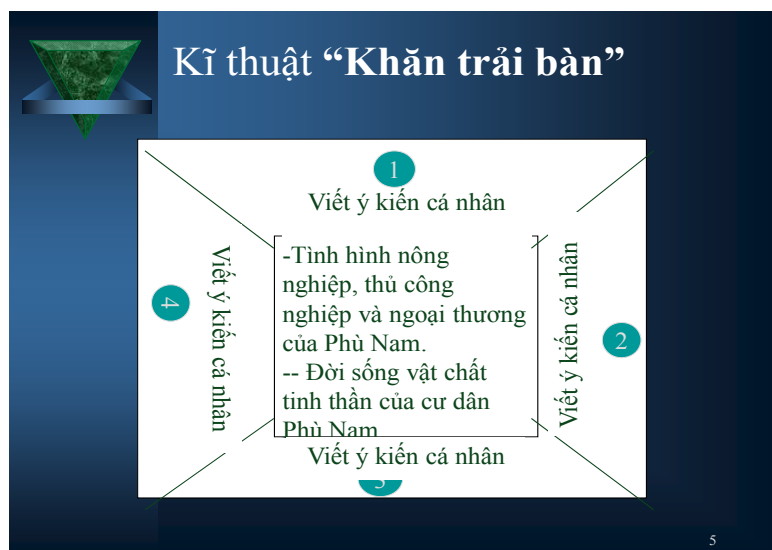
Hoạt động này, GV yêu cầu HS tập trung vào tìm hiểu tình hình kinh tế, văn hóa của cư dân Phù Nam.

GV tổ chức hướng dẫn HS đọc đoạn văn sau và quan sát **Hình 4**. Đồ gốm : *ấm, bình, chén cao cổ*, **Hình 5**. Bộ cộc gỗ nhà sàn của cư dân Phù Nam. Sau đó, trao đổi thảo luận để trả lời các câu hỏi sau :

Hãy cho biết tình hình nông nghiệp, thủ công nghiệp, ngoại thương của cư dân Phù Nam.

Đời sống vật chất, tinh thần của cư dân Phù Nam như thế nào ?

Ở hoạt động này giáo viên sử dụng *Kỹ thuật khăn trải bàn* để giải quyết vấn đề được đặt ra như sau:



- Chia HS thành các nhóm.
 - Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, và viết vào phần mang số của mình.
 - Khi hết thời gian làm việc cá nhân, các thành viên trong nhóm chia sẻ, thảo luận, thống nhất câu trả lời.
 - Ý kiến thống nhất của nhóm được viết vào phần chính giữa.
- Với HS khá giỏi, bổ sung thêm câu hỏi : So sánh hình nông nghiệp, thủ công nghiệp, ngoại thương của cư dân Phù Nam với cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

C HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Tổ chức, hướng dẫn HS vẽ lược đồ nước Cham-pa và nước Phù Nam.

2. GV in cho các em mẫu phiếu lập bảng thống kê về quốc gia Cham-pa và Phù Nam theo nội dung sau :

Quốc gia	Cham-pa	Phù Nam
Hoàn cảnh ra đời		
Thể chế chính trị		
Các ngành kinh tế chính		
Văn hoá		

GV động viên các em không nhìn vào tài liệu để lập bảng mà biểu đạt bằng sự hiểu biết của mỗi em.

Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc em đã làm.

D HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động này nếu còn thời gian hướng dẫn HS làm việc ở lớp, nếu không còn thời gian hướng dẫn học sinh làm việc ở nhà.

Những di sản văn hóa của Người Chăm để lại đến ngày nay phản ánh sự phát triển của ngành nào?

Theo em cần phải làm gì để gìn giữ và phát triển những di sản văn hóa đó?

E HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Hướng dẫn tìm đọc một số cuốn sách và trang web sau :

- Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, 2005.
- <http://www.bachkhoatrithuc.vn> ; <http://www.khoahoc.com.vn> ;
- <http://www.giaoducphothong.edu.vn>

2. Bài học Địa lí

Bài 15. ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT (3 tiết)

Chuẩn bị cho giờ học :

Giáo viên

- Bản đồ Tự nhiên Việt Nam, bản đồ Tự nhiên thế giới (nếu có)
- Phóng to hình 15.
- Các phiếu học tập.
- Các dụng cụ hỗ trợ khác.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát hình trong tài liệu hướng dẫn học và bảng hiểu biết của bản thân, hãy cho biết hình nào là dạng địa hình đồng bằng, cao nguyên, đồi và núi ? Nêu đặc điểm chính của các dạng địa hình đó. GV quy định về thời gian làm việc của HS.

Bước 2. HS thực hiện yêu cầu của GV theo hình thức làm việc cá nhân. Tuy nhiên trong quá trình làm việc HS được phép trao đổi với nhóm trưởng (mô hình trường học mới HS ngồi theo nhóm) hoặc GV.

Bước 3. HS báo cáo kết quả làm việc. Có nhiều cách để HS báo cáo kết quả làm việc sau đây là một số gợi ý để GV tham khảo:

- Cách 1. GV gọi một hoặc hai bạn chia sẻ kết quả với cả lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung, điều chỉnh kết quả làm việc của bạn.

- Cách 2. GV quan sát nhanh và lấy một vài sản phẩm của HS, nếu cần biểu dương, tạo không khí học tập, GV lấy sản phẩm HS làm tốt, nếu cần tạo tình huống học tập GV lấy cả sản phẩm chưa được tốt, hoặc cả sản phẩm tốt và chưa tốt. Thông báo sản phẩm đó trước lớp để cả lớp cùng nhận xét, bổ sung.

Thông thường hoạt động khởi động GV không chốt nội dung, trường hợp kết quả làm việc của HS chưa chính xác, GV tận dụng cơ hội này để làm tình huống học tập, gợi mở để HS khám phá tìm tòi và đi đến kết luận chính xác hơn. Phần khởi động gồm hai nội dung. Nội dung 1: Nhận dạng địa hình qua ảnh, nội dung này HS có thể sẽ thực hiện dễ dàng; Nội dung 2. Nêu đặc điểm chính của các dạng địa hình đó, đây là nội dung khó, có thể HS không trả lời được hoặc trả lời không chính xác, không lô gic. Kết quả trả lời của HS chính là tình huống có vấn đề để HS tìm hiểu nội dung của bài mới.

Sau khi HS báo cáo, chia sẻ kết quả làm việc xong, GV cho HS đọc kỹ mục tiêu của bài. Từ việc đọc mục tiêu này HS thấy được nội dung của bài học sẽ giải quyết những khó khăn, thắc mắc của HS ở phần khởi động.

Bước 4. GV đánh giá HS, GV có thể đánh giá HS qua nhiều kênh khác nhau trong HĐ khởi động như: quan sát HS làm việc; quan sát nhanh sản phẩm của HS; thông qua HS chia sẻ với cả lớp; thông qua HS nhận xét kết quả làm việc của bạn,...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu địa hình núi

Mục tiêu của HĐ này là HS nêu được đặc điểm chính của địa hình núi như: độ cao, hình dạng, phân loại núi theo độ cao và tuổi; nhận biết dạng địa hình này qua tranh ảnh và thực tế.

Phương tiện học tập là các hình ảnh trong tài liệu hướng dẫn học; bản đồ Tự nhiên Việt Nam hoặc bản đồ Tự nhiên thế giới. GV chuẩn bị phiếu học tập; bảng phụ hoặc giấy khổ to.

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho nhóm HS, đọc nội dung mục 1 trong tài liệu HDH và thực hiện các yêu cầu quan sát hình ảnh hãy:

- Cho biết thế nào là núi và đặc điểm địa hình núi?
- Nêu cách tính độ cao tuyệt đối và độ cao tương đối của núi. Dựa vào độ cao tương đối và tuyệt đối, núi được phân thành mấy loại?
- Phân biệt núi già, núi trẻ bằng cách hoàn thành bảng trong tài liệu HDH.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ, sau khi HS làm việc được một khoảng thời gian, GV có thể đi xuống từng nhóm để quan sát, nhận xét và chỉnh sửa kịp thời những sai sót cho từng nhóm HS.

- GV cần chú ý khi tổ chức hoạt động nhóm: Trước khi làm việc nhóm, GV vẫn yêu cầu các nhân tự làm việc để khám phá nội dung, chuẩn bị nội dung trao đổi nhóm, sau đó tiến hành trao đổi trong nhóm để cùng thống nhất về kết quả làm việc, cần tránh việc hoạt động nhóm chỉ tập trung vào một số HS có ý thức học tập, một số HS khác lại đứng ngoài hoạt động nhóm.

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo kĩ thuật khăn trải bàn hoặc GV có thể sử dụng phương pháp và kĩ thuật dạy học để đảm bảo sự phù hợp với đối tượng HS, đặc điểm lớp học và có hiệu quả.

Bước 3. Các nhóm báo cáo kết quả làm việc. Có nhiều cách để các nhóm báo cáo kết quả làm việc như: lựa một số nhóm báo cáo, các nhóm còn lại đối chiếu, so sánh với kết quả làm việc của nhóm mình, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn và cùng nhau hoàn chỉnh sản phẩm dưới sự hướng dẫn của GV hoặc GV yêu cầu các nhóm treo sản phẩm của mình lên bảng và giao nhiệm vụ cho các nhóm tìm ra nội dung giống và khác nhau giữa các nhóm, chỉnh sửa sản phẩm của nhóm mình, tóm tắt và tự ghi kết quả vào vở...

- GV có thể treo bản đồ Tự nhiên Việt Nam hoặc bản đồ Tự nhiên thế giới lên bảng, mời đại diện nhóm lên báo cáo, kết hợp với tìm một số dãy núi cao, núi thấp, núi trung bình. Thông thường, những con số ghi độ cao trên bản đồ, đều là những con số chỉ độ cao tuyệt đối. Ví dụ: đỉnh Phan-xi-păng 3143m.

Bước 4. GV đánh giá kết quả hoạt động của HS và chỉnh sửa những sai sót của HS nếu có. GV đánh giá HS thông qua quá trình làm việc cá nhân, sản phẩm của cá nhân,

thông qua trao đổi nhóm, thông qua việc góp ý trao đổi giữa các nhóm với nhau,... Trong quá trình các nhóm làm việc, GV quan sát và giúp đỡ các nhóm còn gặp khó khăn trong việc trả lời câu hỏi hoặc trả lời các câu hỏi thắc mắc hoặc chưa rõ của HS.

2. Khám phá địa hình cácxtơ và các hang động

Mục tiêu: HS biết được trong các dạng địa hình, có dạng địa hình đặc biệt, địa hình cácxtơ và hang động; ý nghĩa của dạng địa hình này đối với việc phát triển ngành du lịch.

Phương tiện học tập: hình ảnh trong tài liệu HDH.

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS, đọc thông tin và quan sát hình trả lời các câu hỏi: kể tên một số hang động mà em biết; cho biết tại sao hang động thường có sức hấp dẫn đối với khách du lịch.

Bước 2. HS thực hiện yêu cầu của GV theo hình thức làm việc cá nhân. HS quan sát kĩ hình để biết được đặc điểm địa hình núi đá vôi (*Các ngọn núi thường lởm chởm, sắc nhọn. Các khối núi đá vôi có nhiều hình dạng khác nhau, bên trong núi có nhiều hang động*).

HS kể tên một số hang động núi đá vôi, vận dụng kiến thức ở ô thông tin để trả lời câu hỏi: Tại sao địa hình hang động núi đá vôi có sức hấp dẫn đối với khách du lịch? (*Trong hang động thường có những khối thạch nhũ với đủ hình dạng và màu sắc*).

Bằng hiểu biết của mình, HS nêu tên một số hang động ở Việt Nam như: hang Sơn Đoòng (Quảng Bình), động Phong Nha (Quảng Bình), động Hương Tích (Hà Nội), động Thiên Cung (Quảng Ninh), động Tam Thanh (Lạng Sơn)....

Bước 3. HS trao đổi kết quả làm việc với bạn bên cạnh và có thể báo cáo với GV.

Bước 4. GV đánh giá HS thông qua quan sát hoặc thông qua sản phẩm cá nhân.

4. Tìm hiểu địa hình đồng bằng

Mục tiêu: HS nêu được đặc điểm địa hình đồng bằng; ý nghĩa của đồng bằng đối với sản xuất nông nghiệp; Nhận biết các dạng đồng bằng qua tranh ảnh.

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc nội dung và xác định yêu cầu mục 4 trong tài liệu HDH. Quan sát hình, đọc thông tin hãy: Nêu đặc điểm địa hình đồng bằng; Dựa vào nguyên nhân hình thành cho biết có mấy loại đồng bằng ? Kể tên đồng bằng mà em biết; Nêu ý nghĩa của địa hình đồng bằng đối với sản xuất nông nghiệp. Hoạt động này HS hoạt động theo cặp đôi.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Có nhiều phương án để thực hiện nhiệm vụ trong học tập với hình thức cặp đôi. Ví dụ như giống như hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi bắt đầu bằng hoạt động cá nhân, HS nghiên cứu cá nhân trước, sau đó thảo luận cặp để bổ sung và hoàn thiện sản phẩm cá nhân hoặc GV có thể cho HS đóng vai, HS A đọc, HS B tìm ý để trả lời câu hỏi và ghi ra giấy, sau đó ngược lại HS, cuối cùng 02 HS so sánh câu trả lời và trao đổi, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm.

Bước 3. HS báo cáo kết quả làm việc với GV. GV linh hoạt trong việc yêu cầu HS báo cáo kết quả làm việc. Ví dụ như gọi 01 cặp lên báo cáo, các cặp khác vừa sửa sản phẩm chung, vừa sửa sản phẩm của cá nhân, tóm tắt và ghi vào vở hoặc treo sản phẩm của 3 nhóm yêu cầu các nhóm khác tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa sản phẩm của 3 nhóm và sản phẩm của nhóm mình,...

Bước 4. GV đánh giá kết quả quá trình làm việc của HS. Có nhiều cách đánh giá sản phẩm của các cặp HS như: cho các cặp đánh giá lẫn nhau; đánh giá bằng cách tìm ra điểm giống và khác nhau về kết quả làm việc của các cặp, đánh giá thông qua quan sát,...

5. Nhận biết cao nguyên và đồi

Mục tiêu: HS nêu được đặc điểm địa hình cao nguyên và đồi; ý nghĩa của các dạng địa hình này đối với sản xuất nông nghiệp; Nhận biết dạng địa hình cao nguyên và đồi qua tranh ảnh.

Nội dung này được tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, GV tham khảo các cách tổ chức hoạt động cá nhân nêu trên.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Mục tiêu giúp HS củng cố kiến thức đã được khám phá, tìm hiểu ở hoạt động hình thành kiến thức; góp phần hình thành ở HS các kỹ năng phân tích số liệu thống kê ở mức độ đơn giản, kỹ năng so sánh,...

Bước 1. GV cho HS đọc yêu cầu nhiệm vụ của HĐ này trong tài liệu HDH; HĐ này yêu cầu HS hoạt động cá nhân với Bài 1. Dựa vào độ cao của một số đỉnh núi cụ thể ở Việt Nam, hãy phân loại núi cao, thấp, trung bình; Bài 2. So sánh điểm giống và khác nhau giữa đồng bằng và cao nguyên; Tại sao xếp cao nguyên và dạng địa hình núi.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, HS có thể hỏi GV hoặc hỏi các bạn trong nhóm, nhóm trưởng những nội dung HS chưa hiểu.

Bài tập 2. Đây là bài tập khó, GV định hướng HS dựa vào hình 9 trong tài liệu HDH để so sánh, tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa 2 dạng địa hình này. Ý 2 của câu hỏi được trả lời như sau: *Người ta xếp cao nguyên vào dạng địa hình miền núi vì cao nguyên có độ cao tuyệt đối thường trên 500m, nghĩa là đã thuộc vào độ cao của miền núi.*

Bước 3. HS trao đổi kết quả làm việc với các bạn và báo cáo sản phẩm làm việc với GV.

Bước 4. GV đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả làm việc của HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- Hoạt động vận dụng thường là những bài tập, tình huống đòi hỏi HS vận dụng kiến thức đã học được vào giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó của thực tiễn, đây là yêu cầu nâng cao. Để thực hiện nội dung ở hoạt động này HS có thể trao đổi với người thân, sưu tầm tư liệu,... để hoàn thành. Thông qua hoạt động này GV thấy được sự phân hóa giữa các HS.

- Hoạt động vận dụng thường GV yêu cầu HS hoàn thành ở nhà. Đối với bài này, bằng kiến thức của mình, HS viết một đoạn văn ngắn mô tả địa hình quê hương hoặc địa hình ở nơi mà em biết và ý nghĩa của các dạng địa hình đó đối với sản xuất nông nghiệp.

- GV có nhiều cách để đánh giá hoạt động này của HS như: HS treo sản phẩm của mình vào góc thư viện của lớp; HS nộp sản phẩm cho thầy cô giáo,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Sưu tầm thông tin để biết thêm về một số dãy núi cao, hang động nổi tiếng hoặc đồng bằng và cao nguyên trên thế giới hay Việt Nam mà em biết.

Với hoạt động này HS được tự chủ lựa chọn một loại địa hình để tìm hiểu, việc tìm hiểu thêm những nội dung của một địa hình nào đó mang tính nghiên cứu, sáng tạo và có sự giúp đỡ của gia đình.

Sau khi tìm hiểu được, HS có thể chia sẻ kết quả với bạn bè để làm phong phú thêm nội dung bài học; hoặc HS có thể báo cáo kết quả làm việc với GV để được nhận xét, đánh giá.

3. Dự án học tập cộng đồng

Dạy học theo dự án: là một hình thức (phương pháp nghĩa rộng) dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, thực tiễn. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ

quá trình học tập, từ xác định mục đích, lập kế hoạch đến việc thực hiện dự án, thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả... làm việc nhóm là dạng tổ chức hoạt động chủ yếu của dạy học dự án.

Dạy học dự án có các đặc điểm: định hướng thực tiễn, định hướng HS (hồi thúc hành động), định hướng sản phẩm.

Có thể tổ chức dạy học dự án theo trình tự sau:

- + Lựa chọn đề tài và xác định mục đích của dự án. Đây là công đoạn đầu tiên rất quan trọng. Trong giai đoạn này, giáo viên và học sinh cùng nhau đề xuất, xác định đề tài và mục đích của dự án.

- + Xây dựng kế hoạch thực hiện. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh xây dựng kế hoạch thực hiện dự án, trong đó cần xác định những công việc cần làm, thời gian dự kiến, vật liệu, kinh phí, phương pháp tiến hành và phân công công việc trong nhóm.

- + Thực hiện dự án: Các thành viên thực hiện kế hoạch đề ra, trong đó học sinh cần kết hợp các hoạt động trí tuệ với hoạt động thực tiễn, thực hành như thu thập thông tin qua báo chí, Internet, thư viện, thực nghiệm, quan sát; xử lý thông tin, thảo luận trong nhóm, trao đổi, xin ý kiến giáo viên.

- + Thu thập kết quả và công bố sản phẩm: học sinh cần tập hợp tất cả các kết quả thành một sản phẩm cuối cùng. Kết quả dự án có thể trình bày bằng nhiều hình thức khác nhau như báo cáo, thu hoạch, đóng kịch...

- + Đánh giá dự án

Giáo viên và học sinh đánh giá quá trình thực hiện và kết quả đạt được, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm.

Dạy học theo dự án góp phần gắn lý thuyết với thực tiễn, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội, kích thích động cơ và hứng thú của người học. Đồng thời dạy học theo dự án còn góp phần phát huy tính tích cực, tính trách nhiệm sáng tạo, bền bỉ kiên nhẫn trong công việc của học sinh. Song để vận dụng dạy học theo dự án trong môn học GV cần lựa chọn nội dung phù hợp và hướng dẫn học sinh chuẩn bị chu đáo

3.1. Môn Lịch sử

Tên dự án: “CUỘC SỐNG TRONG THỜI CHIẾN”

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA DỰ ÁN

1. Mục đích

Tổ chức cho học sinh thăm quan nghiên cứu sâu một chủ đề được lựa chọn trong trưng bày của Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, chủ đề về “Cuộc sống trong thời chiến” để:

- + *Giúp học sinh hiểu thêm về một giai đoạn lịch sử, giai đoạn 1946-1975.*
- + *Phát triển khả năng nghiên cứu, cảm thụ cá nhân, thực hành làm việc nhóm.*
- + *Xây dựng tư duy liên hệ, sáng tạo và nhận thức qua nội dung hiện vật trưng bày ở bảo tàng.*
- + *Liên hệ và làm phong phú các kiến thức đã được trang bị trong nhà trường.*

1. Yêu cầu kiến thức – kĩ năng

Sau khi học xong bài học này, học sinh phải đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng sau đây:

- Kiến thức:

+ Hiểu hơn về cuộc sống khó khăn, nguy hiểm, vất vả trong chiến tranh. Đặc biệt người Việt Nam, nhất là người phụ nữ đã thích nghi như thế nào với các hoàn cảnh sống khác nhau: cuộc sống trong tù, cuộc sống ở địa đạo; cuộc sống ngoài mặt trận....

+ Tích hợp liên hệ với các môn học: lịch sử, địa lý, ngữ văn, toán, tin học, giáo dục công dân

+ Liên hệ với những hoàn cảnh sống khác nhau hiện nay.

- Kĩ năng:

+ Kỹ năng khảo sát, đặt câu hỏi để tìm hiểu một vấn đề thông qua các bức ảnh, các hiện vật bảo tàng.

+ Kỹ năng tìm kiếm, sưu tầm và kết nối những hiện vật bảo tàng với những tư liệu, hiện vật trong thực tế cuộc sống.

+ Kỹ năng viết môn ngữ văn.

+ Kỹ năng trình bày những xúc cảm, cảm nhận của mình.

+ Kỹ năng sử dụng máy tính, thu thập thông tin

+ Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm.

II. TIẾN TRÌNH

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Thống nhất với Bảo tàng về kế hoạch cho học sinh đến học tập tại bảo tàng bao gồm:

o Thời gian và chủ đề học tập và nghiên cứu.

o Những yêu cầu cần Bảo tàng hỗ trợ: về việc lựa chọn hiện vật, hình ảnh; về nội dung cơ bản cho chủ đề đã lựa chọn; về hướng dẫn viên, tình nguyện viên hỗ trợ giáo viên giúp đỡ, hướng dẫn học sinh trong suốt quá trình học tại bảo tàng.

o Các yêu cầu của Bảo tàng đối với thầy và trò trong quá trình học tại bảo tàng.

- Chuẩn bị học liệu bao gồm:

o Chuẩn bị hình ảnh, tư liệu, câu chuyện về các hiện vật, hình ảnh đã được lựa chọn.

o Xác định vị trí chính xác của hiện vật, hình ảnh đã lựa chọn cho học sinh khảo sát, nghiên cứu trong hệ thống trưng bày bảo tàng: tầng, phòng.

o In ấn tài liệu phục vụ học tập như Phiếu điều tra, các câu hỏi gợi ý, thông tin câu chuyện hiện vật

b. Hoạt động 1 – Chuẩn bị ở lớp trước khi đến học tập tại Bảo tàng (45’-1 tiết)

c. Hoạt động 1(a)

- Tranh thủ 5-7 phút trong giờ lên lớp hoặc sinh hoạt ngoại khóa.

- Giáo viên phổ biến chủ đề tham quan/học tập sắp tới ở bảo tàng.

- Giao nhiệm vụ cho học sinh tự sưu tầm hiện vật và thông tin liên quan đến hiện vật theo chủ đề cuộc sống thời chiến.

- Học sinh tự sưu tầm tài liệu, hiện vật dưới các dạng khác nhau, từ các nguồn khác nhau (Thời gian: 1 tuần).

d. Hoạt động 1 (b)

- Giới thiệu vắn tắt về Bảo tàng PNVN qua tư liệu (nếu đi thăm lần đầu).

- Giới thiệu chủ đề sẽ học tập và nghiên cứu tại Bảo tàng về Cuộc sống trong thời chiến.

- Giới thiệu phương pháp đi thăm bảo tàng, những khái niệm và kỹ năng cơ bản mà học sinh sẽ phải vận dụng trong quá trình học tập tại bảo tàng: Hiện vật, ảnh tư liệu trong bảo tàng, trưng bày, sưu tầm, khảo sát, điều tra, nghiên cứu, trình bày trong bảo tàng.

- Những quy định khi đi thăm quan và học tập tại bảo tàng.

- Kế hoạch học tập cụ thể trước, trong và sau khi đi bảo tàng. Cụ thể là:

- o Trước khi đến Bảo tàng: Mỗi học sinh tìm hiểu thêm thông tin về Bảo tàng PNVN qua trang web www.baotangphunu.org.vn và các nguồn thông tin khác về chủ đề “Cuộc sống trong thời chiến”.

- o Làm việc nhóm để trao đổi, chia sẻ thông tin về các hiện vật đã sưu tầm theo chủ đề.

- o Trong quá trình học thăm quan và nghiên cứu tại bảo tàng: Khảo sát, điền đầy đủ thông tin vào mẫu phiếu.

- o Sau thăm quan, học tập: Làm việc nhóm để hoàn thiện hoạt động của nhóm: trưng bày và thuyết trình nội dung của nhóm mình

- Phân nhóm nghiên cứu và làm việc

e. Yêu cầu đối với học sinh

- Nắm được những thông tin cơ bản nhất về Bảo tàng PNVN: vị trí, cách đi đến bảo tàng từ trường.

- Nắm chắc chủ đề mình sẽ nghiên cứu học tập. Biết vị trí của chủ đề này nằm ở tầng nào trong bảo tàng.

- Nắm chắc nhiệm vụ mình cần thực hiện: Trước, trong quá trình học tại bảo tàng và công việc sẽ thực hiện sau khi trở về lớp học.

- Các nhóm làm việc để phân công trách nhiệm: Nhóm trưởng (điều hành chung); thư ký nhóm: tổng hợp ý kiến của các thành viên; phân công các thành viên trong nhóm mang theo máy ảnh, máy ghi âm (nếu có).

f. Phân bố thời gian

Đề mục	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Học liệu
Giới thiệu Bảo tàng Phụ nữ	• Giới thiệu sơ lược về Bảo tàng PNVN, sơ đồ đường đi, website (nếu đi lần đầu)	g. Xem, nêu câu hỏi	• Máy chiếu • Tranh

Việt Nam (4')	• Giới thiệu các khu vực trưng bày của BT: trưng bày thường xuyên, trưng bày chuyên đề (nếu đi lần đầu) • Nhắc lại chủ đề sẽ thăm quan, nghiên cứu. Khu trú lại khu vực học sinh sẽ đến tìm hiểu, nghiên cứu		ảnh • Video
Thảo luận tại lớp chủ đề sẽ thăm quan, nghiên cứu tại Bảo tàng (5')	Thảo luận một số khái niệm cơ bản: Hiện vật bảo tàng; địa đạo, cuộc sống thời chiến, cuộc sống trong tù.	Chia sẻ kiến thức, thông tin và cách hiểu của mình với các bạn trong lớp.	
Hoạt động nhóm (15-20')	• Phân chia nhóm • Yêu cầu học sinh: Giới thiệu trong nhóm những hiện vật vật hoặc tranh ảnh, thông tin sưu tầm được. • Hướng dẫn các em: Áp dụng những câu hỏi gợi ý trong phiếu cho từng hiện vật, và giúp các em hiểu được bối cảnh, nội dung, công dụng và ý nghĩa của hiện vật; đưa ra được những nhận định, đánh giá về hiện vật đó và (những) người sở hữu chúng.	• Các nhóm làm việc nhóm, bầu nhóm trưởng, thư ký nhóm và phân công công việc các thành viên • Trao đổi nhóm: Học sinh giới thiệu kết quả sưu tầm của cá nhân, thảo luận và bổ sung những câu hỏi, câu trả lời. • Khuyến khích học sinh chia sẻ sự hiểu biết của bản thân với chủ đề sẽ học và nghiên cứu tại bảo tàng. Chia sẻ những câu chuyện mà mình biết về các hoàn cảnh sống khác nhau trong thời chiến.	Từ kết quả của bảng câu hỏi gợi ý ở phần 2.a.
Nguyên tắc khi thăm quan bảo tàng (5')	• Nêu các câu hỏi gợi ý ra các quy định: ○ Không sờ, không di chuyển hiện vật ○ Tắt đèn flash khi chụp	Dựa vào các câu hỏi gợi ý, học sinh thảo luận, tự xây dựng các quy định khi thăm bảo tàng	• Tranh ảnh • Sổ tay của học sinh

	ảnh (tùy bảo tàng) - o Đọc các text từ khái quát (pano to) đến cụ thể (pano nhỏ, chú thích) - o Không chạy nhảy, không nói to, không làm ảnh hưởng đến khách thăm quan khác • Cho học sinh xem ảnh minh hoạ các khu vực thăm quan, pano, chú thích.		
Phương pháp xem bảo tàng và kế hoạch đi thăm BT PNVN (8')	• Phương pháp thăm bảo tàng: Gợi ý học sinh thảo luận và tự xác định cách thăm và học tại bảo tàng • Thông báo về thời gian, địa điểm • Yêu cầu về học liệu (giấy, bút, máy ảnh...) cần mang theo. • Gửi thông báo cho phụ huynh.	Học sinh thảo luận và tự nêu các phương pháp như: Quan sát, xem, đọc, ghi chép, miêu tả, chụp ảnh, vẽ...	

2. Hoạt động 2 – Học tập, nghiên cứu tại Bảo tàng (120')

a. Hoạt động

- Tìm hiểu về Cuộc sống thời chiến trong giai đoạn 1946-1975 thông qua các hiện vật và thông tin từ bảo tàng.
- Tìm hiểu câu chuyện về nhân vật liên quan đến hiện vật hoặc bức ảnh trong bảo tàng.

b. Yêu cầu

Sau hoạt động này, học sinh phải đáp ứng được các yêu cầu sau đây:

- Thông qua việc tìm hiểu các câu chuyện, thông tin liên quan đến hiện vật, bức ảnh trong bảo tàng các em hiểu và cảm nhận được các khía cạnh trong cuộc sống, cách ứng xử của con người, đặc biệt là người phụ nữ trong những hoàn cảnh khác nhau lúc chiến

tranh. Đưa ra được những cảm xúc cá nhân, từ đó hình thành kỹ năng cảm thụ khi đi thăm bảo tàng.

- Học được phương pháp phân tích thông qua quá trình tìm hiểu các hiện vật bảo tàng.
- Bước đầu tìm được mối liên hệ giữa hiện vật và câu chuyện tương ứng về mỗi con người.
- Bước đầu hình thành được các kỹ năng nghiên cứu, khảo sát, phân tích, cảm thụ.

c. Phân phối chương trình: Xem trang tiếp theo.

d. Lưu ý

- Có thể yêu cầu sự giúp đỡ của bảo tàng trong việc cử các cán bộ giáo dục tham gia cùng hướng dẫn học sinh (Mỗi nhóm có 1 người hướng dẫn).
- Thời gian trong bảng phân phối chỉ là tương đối, có thể xê dịch tùy theo kết quả hoạt động của mỗi nhóm.
- Hoàn chỉnh phiếu xong nếu còn giờ thì cho các em xem tự do.
- Cố gắng để các em làm việc độc lập, không áp đặt trong việc tìm hiểu cũng như lựa chọn hiện vật trong bảo tàng.
- Khuyến khích các nhóm và cá nhân về nhà viết lên cảm xúc của mình về một nhân vật hoặc một hiện vật ấn tượng nhất.

h. c. Phân phối chương trình

Thời lượng	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Chuẩn bị (5')	Chuẩn bị vào Bảo tàng	Nhắc nhở học sinh về các quy định khi học ở bảo tàng: + <i>đi lại, quan sát, đọc, nghiên cứu, ghi chép.</i> + <i>giữ gìn và bảo vệ môi trường trong bảo tàng: yên lặng.</i>	- Thực hiện đúng việc đi lại, xưng hô, chào hỏi. - Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy: + <i>Bảo vệ môi trường.</i> + <i>Không sờ vào hiện vật.</i>

			+ <i>Giữ gìn sự yên tĩnh.</i> + <i>Không dùng đèn flash khi chụp ảnh (tùy bảo tàng).</i>
Khảo sát và khám phá tại phòng trưng bày (85')	Khảo sát các hiện vật, bức ảnh theo chủ đề của nhóm	- Phát Phiếu điều tra - Hướng dẫn cách thực hiện.	Cá nhân tự khảo sát, tìm kiếm hiện vật, phát hiện thông tin để điền vào phiếu, trả lời các câu hỏi.
Kết thúc (10')	• Nhận xét buổi học. • Giao nhiệm vụ tổ chức triển lãm.	- Nhận xét buổi học. • Yêu cầu các cá nhân và các nhóm hoàn thiện sản phẩm của mình. • Thống nhất lại kế hoạch báo cáo sản phẩm nghiên cứu của nhóm với học sinh: Bao gồm cả phần sưu tầm được giao trong hoạt động 1 (a) chuẩn bị trước thăm quan (sưu tầm và gợi ý của phần những câu hỏi gợi ý cho giáo viên) • Khuyến khích nhóm và các em làm nhiều hình thức khác nhau: Trưng bày tại chỗ; trình chiếu trên PowerPoint; tác phẩm đóng quyển, thuyết trình qua ảnh, viết bài luận, hoạt cảnh, tiểu phẩm...	• Nhóm trưởng và các thành viên nắm chắc nhiệm vụ của mình. • Các nhóm tự lên lịch hoàn thiện sản phẩm để chuẩn bị cho cuộc triển lãm

4. Hoạt động 3 – Tổ chức báo cáo kết quả nghiên cứu (1-2 tiết+1 tiết)

a. Hoạt động 3 (a)

- Có thể dành 1-2 tiết trong giờ sinh hoạt ngoài giờ cho việc chuẩn bị báo cáo.
- Các nhóm thảo luận và chuẩn bị báo cáo kết quả ở lớp.
-

b. Hoạt động 3 (b)

– Tổ chức cho các nhóm giới thiệu kết quả việc học tập và nghiên cứu chủ đề: “Cuộc sống trong thời chiến”.

c. Yêu cầu

Sau hoạt động này, học sinh phải đáp ứng được các yêu cầu sau đây:

- Biết cách tự giới thiệu sản phẩm của nhóm mình bằng nhiều hình thức khác nhau: sản phẩm trưng bày tại chỗ; sản phẩm trình chiếu trên powerpoint; tác phẩm đóng quyển, viết bài luận, hoạt cảnh, tiểu phẩm.

- Biết trình bày cảm xúc của mình thông qua thuyết trình.

d. Phân phối chương trình

Thời lượng	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Chuẩn bị (5')	Chuẩn bị sản phẩm báo cáo	Hướng dẫn học sinh chuẩn bị báo cáo sản phẩm của nhóm mình: Vị trí trưng bày nếu các em trưng bày tại chỗ; thiết bị trình chiếu; chỉ định người dẫn chương trình	Chuẩn bị giới thiệu sản phẩm của nhóm mình
Báo cáo (33')	Xem, nghe và đánh giá	- Tổ chức cho các nhóm tự giới thiệu tác phẩm của mình trước lớp. - Để học sinh tự do đưa nhận xét, phát biểu ý kiến về tác phẩm.	- Giới thiệu tác phẩm của nhóm trước lớp. Mỗi nhóm có tối đa là 7' trình bày - Nhận xét, phản biện hoặc nêu câu hỏi cho các nhóm. Các nhóm trả lời
Tổng kết, đánh giá (5')	Tổng kết, đánh giá chung	Tổng kết kết quả học tập nghiên cứu của học sinh	

e. Lưu ý

- Khuyến khích học sinh liên hệ với cuộc sống hiện tại
- Khuyến khích học sinh sử dụng nhiều cách chuyển tải thông tin
- Tạo cơ hội cho mọi học sinh được tham gia, không tập trung vào một số em

DỰ ÁN

Tìm hiểu phát huy “Nét đẹp lịch sử, văn hóa truyền thống Việt Nam”

1. Đối tượng: giành cho học sinh trung học sơ sở lớp 6.

2. Thời gian tiến hành: trong tiết học lịch sử sau khi HS học xong *Bài 8: Chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và những chuyển biến của xã hội nước ta (179 TCN- thế kỉ X)*

3. Mục tiêu dự án: sau khi thực hiện dự án này, HS đạt được:

- Về kiến thức:

+ Hiểu sâu hơn những kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử dân tộc từ buổi đầu dựng nước đến giữa thế kỉ XIX trong giờ học trên lớp.

+ HS tìm hiểu những nét đặc sắc của lịch sử của dân tộc trong giai đoạn này: tổ chức các cuộc kháng chiến chống các triều đại phong kiến phương Bắc xâm lược; đặc trưng, nét đặc sắc về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán.. còn gìn giữ cho đến nay qua khám phá các bảo tàng, di tích lịch sử, những làng nghề truyền thống hay những quán ăn mang nét đặc trưng trong văn hóa ẩm thực của cả nước và Hà Nội.

- **Về giáo dục:** giáo dục lòng tự hào với truyền thống văn hóa của dân tộc; giáo dục HS sống có lý tưởng, trách nhiệm xây dựng Hà Nội nói riêng, đất nước nói chung ngày càng trở nên giàu đẹp, văn minh.

- **Về năng lực:** rèn luyện năng lực thực hành, khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập; năng lực giải quyết những vấn đề phức hợp, tính bền bỉ, kiên nhẫn trong học tập; tạo điều kiện cho HS bộc lộ khả năng (năng khiếu, sự sáng tạo) của các em khi hoàn thành dự án, tạo ra những sản phẩm riêng của mỗi nhóm.

4. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

- Giáo viên:

+ Tìm hiểu trước về lịch sử văn hóa dân tộc Việt Nam để chuẩn bị các chủ đề, định hướng cho HS nếu các em gặp khó khăn khi lựa chọn chủ đề nhỏ.

+ GV nói rõ mục đích, yêu cầu của bài học, yêu cầu HS về tìm hiểu sách giáo khoa trước.

- + Chuẩn bị giáo án cụ thể, chi tiết cho tiến trình bài học.
- + Sổ theo dõi dự án phát cho mỗi HS.
- **Học sinh:** Chuẩn bị tâm thế, nội dung dự án, sưu tầm tài liệu tham khảo về văn hóa truyền thống Việt Nam.

5. Dự kiến tiến trình dự án: Tìm hiểu phát huy “Nét đẹp lịch sử, văn hóa truyền thống Việt Nam”

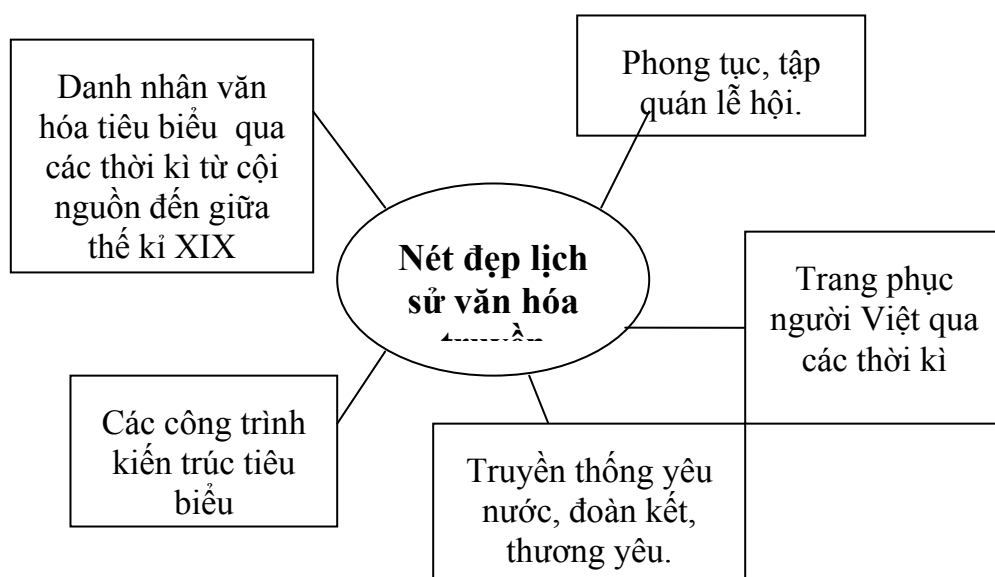
dự kiến tiến hành trong 2 tiết học trên lớp kết hợp ngoại khóa, thực tế của các nhóm HS.

* **Lựa chọn đề tài, xác định mục đích dự án và xây dựng kế hoạch thực hiện.** được thực hiện trong 1 tiết ở trên lớp.

- **Lựa chọn đề tài:**

+ GV giới thiệu dự án, mục tiêu học tập, phát sổ theo dõi dự án cho HS, giới thiệu sơ lược các bước các em cần thực hiện và ghi vào sổ theo dõi.

+ GV tổ chức cho HS thảo luận toàn lớp, tìm hiểu những nội dung xoay quanh chủ đề **Tìm hiểu phát huy “Nét đẹp lịch sử, văn hóa truyền thống Việt Nam”** bằng các câu hỏi như: *văn hóa của dân tộc Việt Nam bao gồm những nét văn hóa gì ? Hiện nay như thế nào?*. Từ việc thảo luận, trả lời các câu hỏi của HS, GV điền các tiểu chủ đề vào sơ đồ tư duy trên bảng, HS điền vào sổ theo dõi dự án.



Sơ đồ tư duy: sau khi thảo luận có thể xây dựng được các tiêu chủ đề như:

+ GV phân chia cả lớp thành 4 nhóm (mỗi nhóm khoảng 12 thành viên) thảo luận để lựa chọn chủ đề dự án cho nhóm mình từ sơ đồ tư duy trên. Điền tên các thành viên trong nhóm vào sổ theo dõi dự án.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện : các thành viên trong mỗi nhóm thảo luận để xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể và ghi rõ nhiệm vụ trong sổ theo dõi.

Ví dụ: Nhóm 1 : *Tìm hiểu về các công trình kiến trúc tiêu biểu.* Cần xây dựng các kế hoạch thực hiện như sau:

Nhiệm vụ	Tên thành viên	Phương pháp tiến hành	Thời gian	Sản phẩm dự kiến
Sưu tầm tài liệu viết về các công trình kiến trúc	Khoảng 3 thành viên	Tìm hiểu ở thư viện, khai thác trên Internet		Thống kê tên một số công trình kiến trúc tiêu biểu và tài liệu viết về lịch sử hình thành, ý nghĩa những công trình đó
Thực tế, lấy tư liệu : Đến tham quan thực tế tại di tích mình lựa chọn, chụp ảnh tư liệu, ghi chép thêm thông tin	Cả nhóm (phân công cụ thể : ai chụp ảnh ? ai ghi chép tài liệu)	Cả nhóm đi tới địa điểm thực tế bằng phương tiện xe đạp, có chuẩn bị máy ảnh, sổ theo dõi dự án,		Ảnh tư liệu, thông tin ghi chép nơi thực địa (ghi trong phần tổng hợp dữ liệu của sổ theo dõi dự án)
Thực hiện bài thuyết trình	Khoảng ba thành viên	Tổng hợp tài liệu, xây dựng thuyết trình bằng power point		Bản báo cáo power point
Báo cáo trước lớp	1- 2 thành viên	Từ bài power point xây dựng ý tưởng thuyết trình độc đáo, sáng tạo		

Tương tự, các thành viên ba nhóm còn lại cũng xây dựng kế hoạch thực hiện dự án, với sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho các thành viên. Các chủ đề các nhóm lựa chọn là:

Nhóm 2. Phong tục, tập quán lễ hội.

Nhóm 3. *Danh nhân văn hóa của dân tộc*

Nhóm 4. Truyền thống yêu nước, đoàn kết, thương yêu.

HS điền nhiệm vụ đã phân công của cả nhóm vào sổ theo dõi dự án.

*** *Thực hiện dự án*** : tiến hành trong khoảng 1 tuần. HS thực hiện kế hoạch dự án đã thảo luận ở tiết 1. Đối với những chuyến đi thực tế nếu cần có sự giúp đỡ, hỗ trợ từ GV hoặc phụ huynh về phương tiện đi lại, ăn uống,... HS có thể đề xuất. Các địa điểm thực tế nằm trong địa bàn nội thành nên có nhiều thuận lợi cho HS. Thời gian đi thực tế, công việc cụ thể HS ghi trong sổ theo dõi dự án đồng thời trình bày cụ thể kế hoạch với GV.

Địa điểm thực tế:

- Nhóm 1. *Đến một số di tích, công trình kiến trúc các em lựa chọn (Hoàng Thành Thăng Long, Chùa Một cột, Văn Miếu Quốc Tử Giám...).*

- Nhóm 2. *Tìm hiểu những Phong tục, tập quán lễ hội qua các tài liệu, trang web, bảo tàng dân tộc học, bảo tàng quốc gia Việt Nam...*

- Nhóm 3,4. *Đến các bảo tàng bảo tàng, đến một số danh nhân, truyền thống yêu nước, đoàn kết... các em lựa chọn nghiên cứu để tìm hiểu thêm.*

Sau khi đi thực tế, HS tiến hành tập hợp tài liệu, hoàn thiện sản phẩm như dự kiến từ kết quả làm việc đã được phân công của các thành viên; chuẩn bị báo cáo.

*** *Báo cáo sản phẩm và đánh giá dự án:***

Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm của nhóm:

Nhóm 1, 2, 3. Thuyết trình sản phẩm trên Power point.

Nhóm 4. Thuyết trình và triển lãm về Truyền thống yêu nước, đoàn kết, thương yêu của dân tộc Việt.

Sau khi các nhóm thuyết trình, GV và HS đánh giá quá trình thực hiện dự án cũng như những kinh nghiệm đạt được để thực hiện tốt hơn ở những dự án tiếp theo. GV tổng kết và kết thúc dự án. HS hoàn thiện phần *nhìn lại quá trình thực hiện dự án* và nộp lại cho GV.

3.2. Môn Địa lí

Chủ đề: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

1. Mục tiêu

a) Kiến thức

- HS biết được cách tìm hiểu về môi trường biển, đảo nước ta.
- Khảo sát, trao đổi với cộng đồng để biết được các nguyên nhân gây ra ô nhiễm và hủy hoại môi trường biển ở nước ta.
- Suy nghĩ và đề ra được một số biện pháp để bảo vệ môi trường biển và phòng chống thiên tai.

b) Kỹ năng

- Hợp tác, tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, đảm nhận trách nhiệm....
- Quan sát ngoài thực tế, phân tích bản đồ, tranh ảnh, bảng số liệu, biểu đồ...

c) Thái độ

Có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường biển, đảo để phát triển kinh tế - xã hội bền vững và làm cho đất nước ngày càng giàu đẹp.

d) Định hướng hình thành năng lực

- Tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, sáng tạo.
- Khảo sát thực tế; Giao tiếp và hợp tác.
- Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

2. Gợi ý tiến trình hoạt động

a) Công tác chuẩn bị của GV

Máy chiếu (nếu có), giấy A0, băng dính, kéo, bút màu, phiếu cho điểm...

b) Công tác chuẩn bị của HS

- Sách, vở, đồ dùng học tập.
- Các tư liệu cần tìm hiểu.
- Sẵn sàng theo sự phân công của nhóm...

c) Trình tự thực hiện

Với chủ đề này, để tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS, ta có thể triển khai nhiều phương án khác nhau. Dưới đây phương án để GV tham khảo.

+ **Bước 1:** Chia nhóm, bầu nhóm trưởng, thư kí. Yêu cầu các thành viên trong nhóm cần cùng nhau hợp tác, chia sẻ, đảm nhận trách nhiệm, quản lí thời gian... để thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ **Bước 2:** Giao nhiệm vụ cho các nhóm. Tùy theo sự phân chia nhóm, GV giao nhiệm vụ cho HS với các nội dung dưới đây. Yêu cầu các nhóm dựa vào nội dung trong tài liệu, tìm kiếm tài liệu trên báo chí, Internet, khảo sát thực tế, trao đổi với người thân và cộng đồng... kết hợp với hiểu biết của mình, để tìm hiểu các vấn đề được phân công như sau:

Nội dung công việc	Sản phẩm
Nội dung 1. Tìm hiểu vì sao phải bảo vệ môi trường biển? Liên hệ với một khu vực biển cụ thể ở nước ta.	Báo cáo, hình ảnh, video.
Nội dung 2. Tìm hiểu nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường do con người gây ra ở một khu vực biển cụ thể ở nước ta.	Báo cáo, hình ảnh, video
Nội dung 3. Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường ở một khu vực biển cụ thể đã nghiên cứu ở trên. Trách nhiệm của HS.	Báo cáo
Nội dung 4. Tìm hiểu thiên tai và những sự cố môi trường biển điển hình ở một khu vực biển cụ thể ở Việt Nam.	Báo cáo, hình ảnh, video

Việc giao nhiệm vụ cho các nhóm có thể được thực hiện bằng nhiều cách khác nhau: các nhóm tự nhận nội dung; gặp thăm để phân chia nội dung; GV giao nội dung cho các nhóm. Tuy nhiên, phải đảm bảo yêu cầu tính logic của vấn đề, ví dụ nội dung 3 cần phải đi đôi với nội dung 1 và 2. Như vậy ta được các cặp nội dung cho các nhóm như sau: 1+3; 2+3; 1+4; 2+4; 4.

+ **Bước 3:** Các nhóm tự xây dựng kế hoạch thực hiện (4 tuần)

Công việc	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4
Khảo sát, tìm kiếm và thu thập thông tin	X			
Phân tích và xử lý thông tin		X		
Viết báo cáo			X	
Trình bày sản phẩm				X

+ **Bước 4:** Các nhóm thực hiện dự án. Trong quá trình HS thực hiện dự án, GV thường xuyên đôn đốc và hỗ trợ các nhóm nếu thấy cần thiết. Các nhóm có thể tìm kiếm sự hỗ trợ từ nhiều phía: từ các thành viên trong nhóm, giữa các nhóm với nhau, từ phía GV, từ cộng đồng, gia đình và địa phương.

+ **Bước 5:** Các nhóm trình bày kết quả dự án (khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin để minh họa cho phần trình bày).

- Trước khi các nhóm trình bày, GV đề cử ban giám khảo, mỗi nhóm đại diện một HS và đề cử thư kí tổng hợp điểm. Năm nhóm sẽ có năm giám khảo. Giám khảo thuộc thành viên của nhóm nào sẽ không được tham gia cho điểm nhóm đó.

- Điểm của cả nhóm sẽ là tổng điểm của 4 thành viên trong ban giám khảo cộng lại.
- Mỗi nhóm trình bày tối đa 15 phút.

+ **Bước 6:** Tổng kết/đánh giá dự án

- Ban giám khảo công bố điểm.
- GV khen ngợi những thành tích mà các nhóm đã đạt được.
- Góp ý bổ sung nếu thấy cần thiết.
- Động viên, trao phần thưởng (nếu có) cho những cá nhân và tập thể/nhóm có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện dự án.

PHỤ LỤC
Phiếu tổng hợp điểm

Nhóm	Nội dung trình bày	Hình ảnh minh họa sinh động	Trình bày ấn tượng	Đúng thời gian quy định	Tổng điểm
1					
2					
3					
4					
5					

Chủ đề: TÌM HIỂU ĐỊA PHƯƠNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định vị trí địa lí, giới hạn, diện tích của địa phương; Nêu được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Nêu và trình bày được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn, đất, thực vật, khoáng sản) đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trình bày được đặc điểm dân cư : số dân, sự gia tăng, cơ cấu dân số, phân bố dân cư. Phân tích được những thuận lợi, khó khăn của dân cư và lao động trong việc phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày và giải thích được những đặc điểm kinh tế của địa phương. Nêu được một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế ở địa phương.

2. Kỹ năng

Phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ để biết đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của địa phương.

3. Thái độ

Thêm yêu quê hương, biết trân trọng, phát huy, bảo vệ những giá trị về vật chất và tinh thần do cha ông xây dựng được trong nhiều thế kỉ qua.

4. Định hướng hình thành năng lực: hợp tác, giải quyết vấn đề, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, tự quản lí, tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, học tập tại thực địa...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Đối với giáo viên

- Giấy A0, bút dạ để học sinh thảo luận, xác định chủ đề cần tìm hiểu.
- Các tài liệu cần thiết để giới thiệu cho học sinh.
- Máy chiếu (nếu có)...

2. Đối với học sinh

- Sách, vở, đồ dùng học tập.
- Các tư liệu cần tìm hiểu.
- Sẵn sàng theo sự phân công của nhóm...

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN

Hoạt động 1. Xác định chủ đề

- Giáo viên và học sinh thảo luận để xây dựng các chủ đề. Có thể xây dựng các chủ đề sau:

- + Chủ đề 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của địa phương.
- + Chủ đề 2: Tìm hiểu về đặc điểm dân cư – xã hội của địa phương.
- + Chủ đề 3: Tìm hiểu về các đặc điểm kinh tế của địa phương

Sau khi xác định các chủ đề, học sinh cùng sở thích có thể tìm hiểu một chủ đề. Tuy nhiên, cần tránh tình trạng có chủ đề nhiều học sinh, chủ đề ít học sinh.

Hoạt động 2. Các nhóm xây dựng kế hoạch làm việc

- Dưới sự hướng dẫn và hỗ trợ của giáo viên, các nhóm cùng thảo luận về chủ đề đã lựa chọn, phác thảo đề cương nghiên cứu.

Ví dụ:

+ Chủ đề 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của địa phương.

- Các địa phương giáp ranh.
- Địa hình : các dạng chủ yếu và sự phân bố, ý nghĩa kinh tế.
- Khí hậu : nhiệt độ trung bình, cao, thấp nhất ; mùa, hướng gió chính ; mưa.
- Thủy văn : sông, hồ, nước ngầm và ý nghĩa kinh tế.
- Ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên tới sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

+ Chủ đề 2: Tìm hiểu về đặc điểm dân cư – xã hội của địa phương.

• Đặc điểm dân cư : số dân, sự gia tăng, cơ cấu dân số, phân bố dân cư; thành phần dân tộc...

• Những thuận lợi, khó khăn của dân cư và lao động trong việc phát triển kinh tế - xã hội.

• Giải pháp nhằm hạn chế gia tăng dân số, nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư địa phương.

+ Chủ đề 3: Tìm hiểu các đặc điểm kinh tế của địa phương

- Ngành kinh tế có nhiều người tham gia, đưa lại nhiều thu nhập cho địa phương.
- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương (theo ngành, theo thành phần kinh tế)
- Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế địa phương

- Giáo viên và học sinh các nhóm cùng xác định các nguồn tài liệu cần khai thác và nơi có thể tìm kiếm các nguồn tài liệu để thực hiện dự án: thư viện (sách, báo, tạp chí), Internet, thực tế....

Giáo viên nên hướng dẫn học sinh cách khai thác các nguồn tài liệu, cách ghi chép và trích dẫn tài liệu tham khảo, sử dụng các nguồn tài liệu... Với tài liệu sách, báo in cần ghi rõ: Tên, tác giả, nơi xuất bản và năm xuất bản của tài liệu. Lưu ý với tài liệu khai thác trên Internet cần ghi rõ ngày của bài báo...

- Phân công công việc cho các thành viên trong nhóm.

Có thể phân công theo hai cách: phân công nhiệm vụ nghiên cứu và tập hợp tư liệu theo từng loại (bản văn, bản đồ, lược đồ, biểu đồ, số liệu thống kê...) hoặc phân công nhiệm vụ nghiên cứu và tổng hợp thông tin theo nội dung của đề cương.

Hoạt động 3. Thực hiện dự án

Học sinh làm việc cá nhân và nhóm theo kế hoạch đã phân công. Dự kiến kế hoạch thực hiện (4 tuần)

Thời gian	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4
Công việc				
Tìm kiếm và thu thập tài liệu	X			
Phân tích và xử lý thông tin		X		
Viết báo cáo			X	
Trình bày sản phẩm				X

- Thu thập tài liệu: Việc thu thập tài liệu sẽ giúp học sinh trả lời các câu hỏi nghiên cứu. Các hoạt động thu thập tài liệu: tìm tài liệu, khảo sát thực tế, phỏng vấn... Giáo viên hỗ trợ để học sinh khai thác tài liệu có hiệu quả. Yêu cầu của việc thu thập tài liệu là phải giúp làm rõ được nội dung của chủ đề của nhóm.

- Xử lý thông tin, tổng hợp kết quả nghiên cứu của các thành viên trong nhóm. Trong quá trình xử lý thông tin, các nhóm sẽ lần lượt trả lời các câu hỏi để làm rõ vấn đề cần nghiên cứu.

- Viết báo cáo của nhóm bằng văn bản và chuẩn bị bài trình bày trước lớp. Viết báo cáo theo cấu trúc đề cương đã thảo luận (có thể chỉnh sửa), bổ sung lược đồ, bảng biểu, tranh ảnh, ghi âm,... để bản báo cáo phong phú.

Hoạt động 4. Giới thiệu sản phẩm trước lớp

- Sản phẩm gồm có: báo cáo bằng văn bản và bài thuyết trình của nhóm.
- Mỗi nhóm cử một đại diện lên thuyết trình về chủ đề của nhóm.
- Các nhóm cùng thảo luận để xây dựng một bản báo cáo tổng hợp về đặc điểm địa lí địa phương mình đang sinh sống.

Hoạt động 5. Đánh giá

- Giáo viên tổ chức cho học sinh các nhóm được tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về sản phẩm của dự án.
- Giáo viên tổng kết, đánh giá về phương pháp tiến hành, thái độ làm việc, nội dung và kết quả của các vấn đề nghiên cứu đã được đặt ra và trình bày của từng nhóm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Tự Ân – Mô hình trường học mới tại Việt Nam, hỏi – đáp, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Công văn số 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn học 2 buổi/ngày đối với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.
3. Công văn số 7162/BGDĐT- GDTrH ngày 10/12/2014 về việc đánh giá kết quả bước đầu thực nghiệm mô hình VNEN cấp THCS.
4. Hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 của liên Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc dạy học thông qua di sản.
5. Công văn số 3535 /BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột” và các phương pháp dạy học tích cực khác.
7. Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng./.